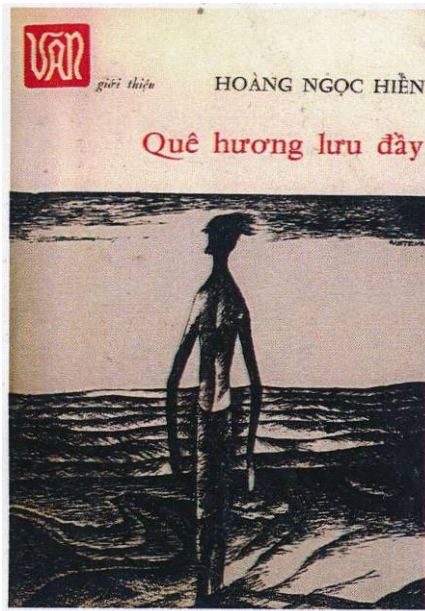


# VĂN TRÍCH

**HOÀNG NGỌC HIỀN**

*QUÊ HƯƠNG LƯU ĐÀY*  
Chương 10

*“...Rồi lão cất cao tiếng hát. Cái chút gì  
sướt mướt... Tôi chợt hiểu, mất một quê  
hương, mất một dân tộc, mất những thứ lớn  
lao hơn đời người. Mất cả lịch sử, còn gì...  
“*



Anh Bông sửa lại kiểu ngôi, thử bộ điệu báo trước  
cho mọi người biết mình đã bốc được lá thăm hoàng đế

trong cuộc chơi. Anh trải miếng giấy trắng nhỏ hình chữ nhật trên bàn, vuốt cho thẳng thăn, nói lớn:

- Trẫm là Lưu Bị đây. Sở dĩ bữa nay ta cùng các khanh hội họp nơi quán Ba Càng này là có một việc vô cùng hệ trọng. Các khanh hãy vì ta, vì sơn hà xã tắc mà ra tài kinh bang tế thế, trị nước an dân, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng! Quân sư Khổng Minh Gia Cát Lượng của ta đâu?

Anh Hồ chậm chạp rút trong túi ra cái thăm của anh, cùng loại, cùng khổ giấy. Tất cả chúng tôi mười người ồn ào, coi sự xuất hiện của từng nhân vật như một tiếng pháo nổ bất ngờ và lý thú. Anh đưa cao lá thăm cho mọi người nhìn thấy hai chữ “Khổng Minh” ghi trong đó. Anh đã uống quá nhiều whisky, mặt đỏ bừng, chệnh choáng lên giọng:

- Thần là Khổng Minh Gia Cát vừa được nghe bài diễn văn ngắn nảy lửa của bệ hạ. Xin nghiêng đầu bái phục!

Anh Bông ung dung gật gù nhắm nháp ly rượu nhỏ:

- Quân sư!

- Chẳng hay bệ hạ vờ thần ra chốn Côn Đảo này có điều chi chỉ dạy? Bảy lâu nay được bệ hạ tin dùng dưới trướng, thần nguyện mang hết thân trâu ngựa ra đền đáp ơn sâu. Dù có phải vượt chín cửa ải, xông pha vào chốn hiểm nghèo, thần đã quyết lấy da ngựa bọc thây thể hiện chí khí anh hùng!... A ha!... *Chí làm trai dặm nghìn da ngựa, gieo thối sơn nhẹ tựa hồng mao.*

Tiếng cười, giọng ngâm của anh sang sảng trong ngôi quán lạnh lẽo gió biên thối.

- Quân sư! Trước khi trao phó sứ mạng lịch sử, anh hãy uống cùng trẫm ly rượu đào này. Rượu này sản xuất tận xứ Anh Cát Lợi, Thổ Nhĩ Kỳ gì đó mà năm xưa trẫm đi chinh phục phương tây đã... ăn cướp được!

Anh Tuấn nhắc khéo: “Này, rượu của anh Vĩnh ủng hộ đây nhé!”. Anh Bông vẫn điềm nhiên, nhắc cao ly rượu, nghiêng chai rót đầy, trao về phía anh Hồ:

- Khanh uống đi!

Anh Hồ uống cạn ly rượu (nhiều khi những ly rượu

ân thưởng này là một khổ hình đối với kẻ nhận nó). Anh Bông tiếp:

- Có cái tên Tào Tháo đó. Quân sư hãy điều binh khiển tướng bắt nó cho được đem về đây trị tội. Sứ mạng hoàn thành ta trọng thưởng, bằng không để nó trốn thoát, ta chém bay đầu!

Anh Bông cho chúng tôi những giây phút hào hứng khởi đầu. Anh Hồ được đà:

- Xin tuân lệnh bệ hạ!... Đó các tướng có nghe rõ chưa? Phép nước có nghiêm, binh mới hùng, tướng mới mạnh. Các tướng mà không làm nên việc thì các tướng cũng bỏ đời các tướng! Dưới lưỡi gươm thần này, không một kẻ trở về tay không mà lại thoát chết? Bây giờ ta sai hai tướng, cấp cho hai ngàn binh mã, chặn bắt tên Tào Tháo!

Anh nâng bảng danh sách lên. Những giây phút hồi hộp nhất thực sự bắt đầu...

Chúng tôi đang chơi trò “bắt Tào Tháo” trên một bàn kê giữa quán Ba Càng. Quán mới xây dựng trong khu hàng cây dương thơ mộng. Sở dĩ có tên “Ba Càng” vì chủ nhân là một lão binh vừa giải ngũ, khi xưa còn dẫn thân ngang dọc trên các mặt trận, ông là xạ thủ đại liên 30, gọi nôm na là súng ba càng. Đã nhiều lần ông ôm cây súng này bắn xả vào đầu giặc, đem chiến thắng về cho đơn vị. Bây giờ đầu đã hai thứ tóc, da mặt đã nhăn nheo đen sạm, sâu đầy thương tích, tất cả những danh vọng, oán thù... đã lui vào dĩ vãng. Rồi bóng ông cũng sẽ mờ khuất trong những ngày sắp tới. Vì thương nhớ thời kỳ oanh liệt xưa của đời mình, ông đã chọn hai chữ “Ba Càng” đặt tên cho ngôi quán. Ông cho tôi một hình ảnh rõ rệt nhất về các lão tướng thời trung cổ mà tôi vẫn đọc thấy trong sách sử. Sau ngày chiến tranh chấm dứt, vó ngựa xâm lăng đã tắt hẳn, không còn gây ám ảnh đe dọa trên quê hương, thời thanh bình trở lại, biết bao lão tướng đã già từ gươm giáo trở về chốn cũ dựng lều quán thành thời vui với thơ với rượu, chuyện trò khinh bạc cùng khách ngàn phương ghé quán. Sau hai mươi năm trời chinh chiến, lão binh này giờ mới thấy lại Côn Đảo, quê hương cũ. Tổ tiên xưa đã truyền nhau nhiều đời sinh sống trên hải đảo này, nhưng cái lý do

ông trở về không phải vì cái lưu truyền cốt nhục đó, ông trở về vì không biết nên về đâu khi đất nước còn phân ly, khi mình đã biến thành một anh hùng thất bại. Ông mong muốn những ngày chót trong đời ông không còn vang vọng một tiếng súng nào. Ông muốn thấy đêm nhìn lên trời chỉ thấy trăng sao, không còn thấy một trái hỏa châu nào. Cảm cái nghĩa khí và công lao phụng sự của ông bấy lâu, tòa Tỉnh thuận cho ông mở ngôi quán này, lại còn được cung cấp nhiều phương tiện và dành nhiều sự dễ dàng trong hoạt động mở quán của ông. Quán Ba Càng ở một vị trí êm ả thơ mộng, nằm ngay trong khu hàng dương không ngừng lên tiếng ru hời, cửa quán trông thẳng ra bờ biển bãi đá. Những đêm thủy triều lên cao, sóng đánh đến gần cửa, bọt bay vào tận trong quán. Tôi yêu thích quán Ba Càng ngay từ khi quán mới mở. Tôi thường dẫn vợ con xuống đây, ông bà chủ quán đã quen quá. Nhiều hôm chúng tôi ở đây từ sáng đến xế chiều, nhậu rồi xuống biển tắm, lên bờ phơi khô, ăn nhậu no say, lại lao xuống biển.

Sau ngày anh Diên đưa Nhạn về Sài Gòn với cơn bệnh thần kinh chúng tôi buồn bực đi một dạo gần ba tuần lễ. Đến khi anh Diên trở ra kể chuyện Nhạn đã vào bệnh viện Chợ Quán. Việc anh đưa Nhạn về tới Sài Gòn là một tin đáng mừng. Ở xứ hẻo lánh này, ngăn cách một trùng dương mà có được chuyến bay sớm sửa đưa người bệnh về là cả một may mắn. Sinh hoạt trong trường dần dà bình thường sau một tai họa. Tin này lan truyền khắp tỉnh rồi cũng bật đi. Vào một chiều thứ bảy, anh Vĩnh đề nghị:

- Tôi thấy ở dưới hàng dương mới mở một quán ăn. Quán Ba Càng đó. Chúng ta hãy xuống đây “bắt Tào Tháo” một phen. Ở chôn này, lâu lâu cũng phải yến ả cho đời sống bớt bình thường. Với lại, cũng cần làm cho tinh thần sảng khoái một chút chứ. Tôi mới được nhà gửi cho hai chai whisky, xin mang ủng hộ đó!

Đề nghị của anh Vĩnh được hưởng ứng nhiệt liệt. Chúng tôi tụ tập được sáu anh em ở trường rồi kéo nhau xuống quán Ba Càng, không quên mời ông Bông, hiệu trưởng bên trường tiểu học và các anh em bên đó. Tất cả chần mừi người, vừa đẹp cho một bàn tiệc hình tròn. “Bắt Tào Tháo” là một trò chơi thường xuyên của chúng tôi, trò

chơi toàn mang tên nhân vật Tam Quốc. Chúng tôi lấy mười miếng giấy nhỏ như nhau, ba miếng đề: Lưu Bị, Khổng Minh, Tào Tháo. Đó là ba tên bắt buộc phải có. Còn những miếng kia đề tên những nhân vật như: Quan Công, Trương Phi, Triệu Tử Long, Ngụy Diên, Hoàng Trung v.v... Nhiều ít nhân vật tùy theo số người chơi. Mười người có mười lá thăm. Người bắt trúng thăm Lưu Bị sẽ được sai người bốc trúng thăm Khổng Minh chỉ định hai nhân vật nói xem kẻ nào bốc trúng thăm Tào Tháo.

Giờ đây, anh Hồ - người đang đóng vai Khổng Minh, tiếp tục lên giọng:

- Nhị vị tướng quân, Mã Đằng và Mã Siêu, đi bắt Tào Tháo cho ta!

Thế là giây phút hồi hộp nhất đã qua. Người bốc trúng thăm Mã Đằng và Mã Siêu hơi giật mình đôi chút, được phép sau năm phút dò xét xem ai là Tào Tháo, phải trình diện Khổng Minh. Anh nào bốc phải thăm Tào Tháo, nếu bản lĩnh không cao cường, thế nào sắc mặt cũng biến đổi, cử chỉ cũng mất tự nhiên. Nếu bị bắt trúng phải trả tiền một món ăn, nếu không bắt trúng, kẻ tìm bắt phải trả. Mỗi một bàn chơi cho một món ăn. Như vậy, người thua cuộc cũng chỉ như đãi bạn, số tiền trên dưới trăm bạc. Cuộc chơi lại hào hứng, người chơi có dịp trở tài tâm lý.

- Ta là Mã Đằng đây!

- Ta Mã Siêu đây! Trình diện phụng mạng quân sư!

Đó là hai tiếng nói của anh Hòa và anh Vĩnh. Tôi bắt được thăm Triệu Tử Long, nên yên chí ngồi nhậu, và xem các bạn trở tài tiên đoán (đây là một triều đình toàn những kẻ say, đang kiểm món ăn để bắt tên... Tào Tháo trả tiền!).

Anh Hồ cười say:

- Ta hân hạnh biết mặt hai tướng. Đã sai đi, tất ta đặt hết hy vọng, đừng phụ lòng tin tưởng của ta, sễnh việc, hại đến cả muôn dân đang trông đợi. Nếu về không, ta quyết mang ra pháp trường chém đầu. Hai tướng nghe rõ chưa?

- Dạ, xin tuân thượng lệnh!

- Trước khi các tướng lên đường... xông pha gió bão trắng ngàn, tên treo đầu ngựa, pháo ran mặt thành... Ta

trao tặng ly rượu đào này... Rượu bệ hạ chúng ta đã ăn cướp được của kẻ ăn mày khi đi chinh chiến phương tây!

Một trận cười vang dội. Mã Đằng và Mã Siêu lần lượt nhận ly rượu của Khổng Minh. Mã Đằng ngất ngưỡng:

- Xin cảm ơn quân sư đã cho... ta chén rượu này. Rượu đào... đúng là rượu tiên... thứ rượu này, ngày xưa, mỹ nhân đã dùng để tiễn Kinh Kha!

Mã Siêu tiếp:

- Còn Mã này, đâu có làm nên chuyện hay không, ly rượu đào sẽ mãi mãi mang mang trong tâm hồn lão tướng... Xin đa tạ quân sư... Lão tướng xin cạn chén rồi lên đường, gà đã gáy, trời sắp hùng sáng!

Rượu vào lời ra, cuộc săn bắt Tào Tháo mỗi lúc mỗi trở nên hào hứng. Hết bàn này qua bàn khác, cuộc chơi như không hề muốn dứt... Khu hàng dương đã nặng nề bóng tối. Sóng ngoài triền cát đã lượn cao, đập mạnh vào bãi đá. Gió thổi ào ạt vào hàng dương tạo ra những âm thanh kỳ dị không cùng. Điều này làm tôi lại nhớ đến Cấp, miền biển nằm trong kỷ niệm cũ, ước mơ cũ. Làm sao có thể trở lại miền biển đó đúng mùa mưa? Tôi đã trót say mê những tiếng gõ móng sắt chân ngựa trên con đường ven biển. Phải chăng tiếng gõ đó cho tôi cảm giác về một triều đại cổ kính xa xưa nào đã mờ khuất... Không hiểu tại sao miền biển đó lại nhiều quyến rũ đến thế? Hay điều đó chỉ đến với tôi từng lúc?

\*

Năm học sắp tàn...

Học sinh đã tỏ ra uể oải, chúng tôi cũng lơ đãng phần nào. Chúng nó đã đặt ra vấn đề nghỉ hè, học hè. Chúng tôi thì nghĩ tới việc chấm thi gác thi sắp tới với dự định làm một vài việc gì cho đời sống trong ba tháng hè. Ba tháng hè, đối với tôi, lại không có lương. Tôi chỉ là một giáo sư ngoại ngạch, dạy giờ nào hưởng phụ cấp giờ đó. Người có ngạch trật, cái gì cũng được ưu đãi. Nhiều bất công làm tôi chán nản. Tôi tự hỏi tại sao vợ con tôi không được hưởng phụ cấp? Vợ con những người có ngạch, phải chăng họ bệ thế hơn nên được ưu đãi? Chính phủ đã cải tổ trong lãnh vực quân đội, vợ con lính cũng được hưởng phụ

cấp như vợ con quan. Tôi vẫn chờ đây, bao giờ những người có thẩm quyền ngó mắt vào địa hạt, vào đời sống gia đình công chức lương giò, lương khoán? Ba tháng hè, tôi không có đồng trợ cấp nào, vợ con vẫn phải nuôi. Không có tiền mua sữa cho con, tôi phải làm sao? Tôi có thể trở thành một tên trộm cướp được không, ai cấm? Dù tôi vẫn dạy học trò: ăn cướp là xấu xa bỉ ổi, dễ sa vào tù? Tôi nghĩ đến hoàn cảnh của những người cấm cố nơi đây. Vì sự sống của vợ con và làm bậy? Rồi bị bỏ tù, đầy ải năm mười năm. Những bản án bất công phi lý do chính xã hội này gây ra đó phải không?

Bất nguồn từ lo âu thực tại giữa đời sống, tôi thường dẫn Phương, bé luôn cả bé Thảo, xuống quán Ba Càng; chúng tôi ăn phở, ăn mì thay cho những bữa cơm. Lâu lâu chúng tôi gọi một chai la-de, cho đầu óc chảnh choáng một chút, cho tim gan tăng vài nhiệt độ để thấy cuộc đời còn đáng tin yêu, còn đáng sống, chưa đến nỗi phải đâm đầu xuống biển tự tử. Tôi nói với Phương trong những lần ngả mình trên cái ghế mây ở khu vực hàng cây buồn đó:

- Anh mê những chiều thế này rồi. Năm đây uống la-de, nhậu tôm khô, ngó mông ra biển. Bên tai âm thanh kỳ dị của những cây dương nghe mơ hồ hết sức. Những âm thanh đó muốn ru cuộc đời anh về già rồi đấy.

Phương kêu lên:

- Trời ơi!

Già thì chưa cảm thấy thực là già. Nhưng mệt mỏi. Đôi lúc, chán cuộc đời này. Làm giáo sư dạy giờ mỗi năm thất nghiệp ba bốn tháng hè. Kể thêm một tuần lễ quốc khánh, nửa tháng nghỉ tết nguyên đán. Thử làm một con tính xem, anh thất nghiệp bao nhiêu ngày trong một năm, những ngày kiếm ra tiền không đủ bù cho những ngày thất nghiệp. Bao giờ mới có một đời sống bảo đảm?

Phương an ủi tôi:

- Để ý làm gì đến tương lai anh. Đối với em, hai chữ tương lai đã trở thành cổ ngữ. Nhất là đời bây giờ, chiến tranh giết chóc, biết sống chết lúc nào?

- Dầu biết vậy, mình vẫn phải xây dựng. Còn sống một ngày, mình phải tìm ý nghĩa cho mình ngày đó. Anh

không muốn đời sống bị bế tắc. Mỗi người chỉ sống mấy chục năm, nhưng thời gian ấy mà không dài sao? Người ta đã làm được khối việc. Thừa đủ thì giờ để làm một kẻ anh hùng, làm một nhân vật phi thường.

- Em bất cần. Chính anh cũng đang bất cần đó. Anh thích uống la-de cho ngà ngà say, ham nằm dài trên những ghế mây êm ả, thích nghe tiếng reo của những cây dương, mê ngắm những đợt sóng kia; đấy anh chỉ nghĩ đến hưởng thụ những gì anh đang có. Anh chẳng bất cần là gì?

Tôi cười nhẹ. Có lẽ Phương có lý.

- Có thể, nhưng anh thú nhận anh bất lực. Anh vẫn công nhận cuộc đời này cao vòi vọi, sừng sững thách đố con người kia mà. Anh thua sút. Anh cần suy nghĩ để chọn cho mình một chỗ đứng, một lối tiến thủ, trước hết là chọn cho mình một quê hương.

Phương nhiệt thành:

- Đây có thể là quê hương của anh được đó. Quê hương lưu đầy.

- Anh đang nghĩ đến. Anh đã có ý tưởng muốn đời sống ở đây. Rồi cuộc đời dính liền với ngôi trường, với âm đạm núi cổ, với thường xuyên biến động. Dần dà anh biến thành một nhân vật cổ tích. Nhân vật nào rồi cũng bị lãng quên hết.

- Anh cứ mơ ước, ai cấm. Mơ ước làm đẹp thực tế.

- Đành vậy. Nhưng điều quan hệ là sống làm sao cho phù hợp với những mơ ước, hoặc thực hiện lần hồi những mơ ước đó. Khó khăn làm sao! Như thềm trở về Cấp?

- Em nghĩ anh cần tìm lại cho anh một thời gian bình tĩnh trong tâm hồn.

- Bằng cách nào đây?

- Sao anh không nghĩ tới những phương sách anh đã dùng. Anh đọc truyện Tàu cả thán, hết Tam Quốc Chí đến Thủy Hử... Có đạo ưa tới nhà thờ với ước vọng cảm thông thượng đế. Anh cũng đi tới chùa tìm nghe nổi quanh hiu ở chốn tôn nghiêm đó. Hoặc là anh ngồi hằng giờ ngoài bãi biển, ở một bờ đá, hút thuốc. Sao anh không tìm lại những chỗ tốt đó để tìm lại sự bình an cho tâm hồn mình?



Tôi vẫn buồn:

- Đã lâu anh quên băng đi điều đó. Bây giờ đã già, đã mỏi mệt; không biết những phương cách trấn an tâm hồn cũ có còn hiệu nghiệm?

- Sao không, anh thử đi!

\*

Tôi nghe lời Phương, bắt đầu thử. Tôi chọn cách ngồi thật lâu ngoài bãi biển, nơi hàng dương này mỗi chiều, hút thuốc. Chọn cho mình một chỗ cô liêu để theo dõi biến chuyển của tâm hồn mình thật là một việc làm kỳ lạ, nhiều lúc thấy vô ích. Cho đến một chiều, tôi khám phá ra điều này: tôi cũng chỉ giống mọi người. Tôi cũng có những phút hồn nhiên vui sướng, tôi cũng có những thời gian bóng tối đau khổ, tôi cũng có những phút nhục vinh. Tôi cũng có vợ, rồi có con. Rồi tôi cũng sẽ già không còn ham muốn gì trong cuộc đời này nữa. Tôi cũng như ông chủ quán Ba Càng mệt nhọc sau bao ngày chinh chiến trở về quê hương mở quán rượu không cần đông khách. Nếu cần kiếm khách, ông đã mở ở một thị trấn đông dân nội địa, đại gì ra đây, hàng hóa chuyên vận tải bè khó khăn? Hẳn lão binh này còn nhiều lý do khác nữa? Biết bao nhiêu kẻ sẽ soi thấy bóng mình trong cuộc đời ông quán? Tôi, tôi đã nhìn thấy mình qua hình ảnh của lão binh này rồi đó. Hôm khám phá ra sự thật tầm thường, tôi ngồi lại đến chạng vạng tối mới lần tới quán của lão Ba Càng.

Lão hỏi tôi:

- Thôi, hôm nay tôi đãi thầy đó. Tôi hầu chuyện thầy được chứ?

Tôi kêu lên:

- Ôi, thế thì còn gì bằng. Được lão binh kể chuyện cho nghe thì tuyệt.

Lão ngồi đối diện với tôi, mang ra hai chai la-de, một đĩa mực xào. Lão quán chịu chơi hết mình với những kẻ được lão mến mộ. Nhưng trong câu chuyện lão nói, vẫn có một uẩn khúc, không biết cái đó lão cố ý chôn giấu trong lòng hay là ngôn ngữ này không đủ để lão diễn tả, xoay trở?

Lão than phiền về cái thị xã này:

- Thầy ạ, tôi muốn đánh một bữa thịt cây quạ. Thấy

chó nhiều quá, thầy để ý mà coi, trời hãy còn sáng tinh mơ đã thấy chúng quần tụ nhau ở ngã ba đường, cắn xé loạn xạ ngầu. Thật là những quân khôn nạn, tôi muốn làm thịt cho rồi.

Nhấp một ngụm, lão tiếp tục:

- Bữa nào tôi ra đường, chúng quần tụ dưới chân tôi thì chúng nó chết. Dù là chó của ông nào bà nào. Với tôi, chỉ một cú đá là vỡ mồm.

Tôi hòa thêm:

- Vậy, lão binh còn tốt tướng lắm. Hôm nào có chó chết vì cái đá của lão, lão nhớ cho người gọi kẻ ngưỡng mộ này tới nhậu với nhé.

Lão binh khoái trá:

- Cái đó đã hẳn! Thầy dám nhậu say khướt không?

- Dám chứ, tôi dám nhậu suốt đêm với lão binh ngoài bãi biển này.

- Hồi còn trẻ như thầy, tôi nhậu ở dưới hầm. Hầm đào sâu trong nhà, thấp nền dưới đó mờ ảo lắm thầy. Dĩ nhiên phải có một em tiếp mình suốt đêm. Mãi sau cũng thấy chán, tôi mới tập làm anh hùng đấy chứ.

- A, thế ra lão binh này gớm thật!

Lão cười tít mắt:

- Một đêm tôi đổi ba em, với em nào tôi cũng đeo đai như em nào. Thế mà cũng có ngày phát ngán. Cũng phải lấy vợ có con như người ta vậy. Tôi những tưởng đời tôi phải giang hồ lắm, ai ngờ ở yên một chỗ. Vẫn phải quay đầu về quê hương cũ.

Tôi hỏi:

- Quê hương của lão ở đây thực à?

- Thực chứ, tổ tiên tôi mấy đời lập nghiệp ở đây.

Gia phả còn ghi. Ngày xưa còn trẻ tôi có coi cuốn gia phả ra cái gì, thế mà về già tôi quý nó hết sức. Tính nét thay đổi theo tuổi tác hay đó thầy à.

- Tôi cũng cảm thấy thế, lão binh.

Lão gật gù, mắt ngầu đỏ, ngó mông ra biển tối.

Bỗng lão cất cao giọng hát một bài ca rất lạ. Cái giọng khàn khàn mang mùi rượu tạo nên một thứ âm thanh kỳ dị ma quái. Tôi nghe như có một chút gì sứt mẻ như khóc một cái gì đã mất. Lại pha một chút gì lụn bại đau

đón. Những cái đó chỉ là những thứ tôi cảm thấy, hoàn toàn tôi không hiểu biết gì về bài ca đó. Bài ca đó bằng một thứ tiếng nào kỳ lạ man dại. Những âm thanh sắc cạnh trong đêm heo hút lạnh gió ngoài bãi này muốn rớt đến tận đáy lòng tôi, nghe tan vỡ, nghe như đang bay bổng lên một lưng chừng trời nào.

Một lát sau lão quán ngừng lại, ưỡng một hơi cạn ly la-de, gắp một miếng nhắm. Có lẽ cái mặn của thức nhắm đã từng làm ngọt vị giác lão. Lão bảo tôi:

- Thấy nhậu đi chứ, tôi cạn ly rồi đó.

- Được rồi, tôi lai rai cũng hết mà. Tôi ưỡng cũng chẳng kém gì lão đâu. Lão vừa hát bài gì đó, tôi nghe buồn mà không hiểu gì hết.

- Bài ca của những người không quê hương đó. Bài ca của những người Chiêm Thành còn sót lại trên đất khách quê người. Họ than vãn về quê hương xứ sở đã mất và dân tộc bị diệt vong. Họ yêu quê hương hơn yêu bản thân họ. Bài ca này ít ai có được. Hồi tôi đi trận, một tên lính, nó người Chiêm dạy tôi hát đó. Tôi có nghe nó giải thích nhưng tôi không cần ghi nhớ những lời giải thích ấy. Chỉ cần hát là đủ, hát đủ cảm thông nỗi lòng của những người lưu vong đã mất quê hương.

Rồi lão cất cao tiếng hát. Có chút gì suốt mướt... Tôi chợt hiểu, mất một quê hương, mất một dân tộc, mất những thứ lớn lao hơn đời người. Mất cả lịch sử, còn gì... Giọng rượu của lão khàn khàn chénh choáng, tôi thấy những âm thanh khởi từ giọng ca của lão va vào ly la-de làm sóng sánh...

Đêm đã đến thực rồi, trời trong suốt trên cao.

## HOÀNG NGỌC HIỂN

(Trích chương cuối truyện dài Quê Hương Lưu Đày của Hoàng Ngọc Hiến, VĂN ấn hành ngày 20.12.1969)

Hoàng Ngọc Hiến

# QUỐC LỘ MƯỜI BA



(hình Internet. Mũi tên chỉ áp lực địch vào QL 13 - con đường huyết mạch nối từ SG đến Bình Long. Đại đội 399 của tác giả đóng ở đồn Tân Hưng cách Lộc Ninh 15 cây số về phía Bắc, với nhiệm vụ giữ an ninh QL 13 mạn Bắc)

*LTS: Tập QUỐC LỘ MƯỜI BA của Hoàng Ngọc Hiến được viết trong thời gian tác giả là một trung đội trưởng thuộc đại đội 399 tiểu khu Bình Long.*

*Năm 1974, tác giả gửi dự giải Bút Việt thuộc Trung Tâm Văn Bút VN. Cuộc chấm giải này đã gây nhiều phản ứng. Chính nhà văn Nguyễn Mộng Giác đã đề cập đến QL 13 và lý do tại sao ông bị “quậy phá”. (Chúng tôi đã viết về sự kiện này ở những trang trước)*

Sau 1975, bản thảo QL 13 bị mất.

Chúng tôi đã ra công sưu tầm lại.

2 bài cùng tựa đề Quốc Lộ 13 trên tạp chí Văn (số 127, 130)

2 bài trên Khởi Hành (do chính tác giả cho biết chúng được trích từ Tập QL 13)

Rất tiếc tác giả đã qua đời nên chúng tôi không biết làm gì hơn là chỉ căn cứ vào các tạp chí. Có thể bản thảo được sửa đổi nhuận sắc lại đôi chút. Nhưng không hề gì, với bốn truyện mà chúng tôi may mắn tìm ra cũng đủ nói về cái kích thước lớn của tác phẩm, và sự dần thân của tác giả để hoàn thành tác phẩm này.

# 1

## QUỐC LỘ MƯỜI BA

(Văn số 127)

**C**on đường nằm bên bìa rừng cao-su này đẹp quá, tôi thờ dài, thời buổi thanh bình thì đây là một khung cảnh lý tưởng cho những cặp tình nhân, cho những khách nhàn du và cho những anh hùng mệt mỏi như tôi. Con đường đất đỏ mịn màng sạch mát dốc 30%, một bên là muôn nghìn những cây cao-su nằm thẳng hàng yên lặng buồn tênh hắt cái bóng mát rọi của sóc Thượng nghèo nàn nằm ròi rạc dưới nắng chiều. Mắt nhìn cảnh tượng, tâm hồn nghĩ ngợi đến ý tưởng nhỏ nhẹ mong manh ấy, nhưng tôi vẫn chú ý đến chú lính mang máy C.10. “Ồ nhận rõ, thôi tình nghĩa đôi ta chỉ thế thôi, thâm quyền tôi nhận rõ, hẹn sáng mai cà-phê Tài-Ký”. Nó quay sang tôi:

- Chuẩn úy...

Tôi yên lặng chờ tiếp:

- Nó bảo chia tay ở ngã ba này. Tôi nay chuẩn úy cho năm đầu chuẩn úy.

Tôi nói:

- Nó bắt mình nằm ở bìa rừng, phía trên kia, đi tới chừng năm trăm thước. Nhưng đéo vào, tội gì, xem lại bản đồ đã. Rồi tôi ra hiệu cho thằng Vụ cận vệ tôi.
- Bảo tiểu đội một đi phía trước chậm lại và đi chừng hai trăm thước nữa dừng quân.

Chúng tôi bắt đầu đi lên đỉnh cao nhất của con đường. Càng đi lên, con đường càng thơ mộng. Rừng cao-su mới thay lá non trông ngon mắt lạ lùng. Nhưng rất nhiều lá khô úa mục phủ dưới mỗi gốc cây. Những lá ấy sẽ thành đất bùn trong mùa mưa tới. Sự thay đổi dạng của những rừng đồi cao-su như những người con gái đổi màu áo trong mỗi mùa, trong mỗi tuổi. Trung đội tôi đã tách rời khỏi bộ chỉ huy đại đội. Lúc này, tôi thực sự nhận thấy trách vụ quan trọng của tôi, chức vụ trung đội trưởng. Giờ này, tôi chỉ huy một trung đội không đủ cấp số, chỉ có hai mươi một người kể cả tôi. Tôi cảm thấy đơn độc, dù chiếc máy C10 kia vẫn cho tôi liên lạc với bộ chỉ huy hành quân, nhưng tôi vẫn cảm thấy tôi chỉ huy một cách đơn độc. Trong óc tôi, một ý nghĩ hiện ra rất mau: nếu bây giờ địch từ trong lòng rừng cao-su này tràn ra thì sao? Nhưng ý nghĩ ấy chỉ thoáng qua, nó bay đi một cách tài tình, tôi vẫn tin tôi là một cấp chỉ huy không sát quân và dẫn trung đội đi không bao giờ đụng địch. Địch thì vẫn biết không hiểu nó xuất hiện lúc nào, chúng nó chỉ đánh du kích mà.

Khi người lính đi sau cùng của trung đội tôi lên đến đầu dốc, tôi hạ lệnh dừng quân. Tôi nói:

- Bây giờ đồng hồ tôi là bốn giờ ba mươi. Các bạn có thể nghỉ ngơi và dùng cơm chiều đến năm giờ ba mươi. Nghỉ nhưng các bạn phải lưu ý đến lòng rừng này. Nhớ, đứng năm giờ ba mươi đi chuyể.

Tôi chọn một gốc cây cao-su. Tôi dựa lưng vào đó và nhìn vào lòng rừng cao-su. Vài người lính, trong đó có tên Vụ và tên mang máy C.10 là Du lại bên tôi. Tôi nhai những miếng cơm một cách rời rạc, chán nản, chậm chạp. Một người lính giục tôi:

- Chuẩn úy ăn đi chuẩn úy.

Tôi nói khác ý tôi nghĩ:

- Tôi dùng ít lắm, cứ việc ăn đi.

Nó than thở:

- Ở cái đại đội này cực quá, nói thật với chuẩn úy, ai làm em đổi khỏi đại đội này, em khao nhậu cả tuần. Đại đội 212 ở bên nó mặc civil đi bay bướm hoài. Hôm nay chủ nhật cũng hành quân. Chán thật chán.

Tôi an ủi:

- Nhưng biết sao. Phải chịu đựng vậy. Chúng ta buộc phải hy sinh, buộc phải xa rời lạc thú. Tôi cũng như anh em, tôi cũng biết hôm nay là chủ nhật đẹp trời.

Chủ nhật ở tỉnh lỵ miền biên giới này gần như một ngày tết. Chợ đông, nhà thờ đông, các quán ăn đông. Phố xá được trang điểm bằng những màu áo xanh đỏ. Chỉ có chủ nhật, các cô mới được dịp cởi chiếc áo trắng nữ sinh và chiếc áo màu xanh đỏ. Trông các cô lớn hơn, đẹp hơn, bạo dạn hơn, duyên dáng hơn. Bởi thế các chú lính trẻ ở trung đội tôi lấy làm tiếc ngày chủ nhật. Mà cũng đúng vậy, đáng lẽ giờ này các chú ấy phải mặc civil lẻo đẹo theo sau một màu áo... thay vì tới nằm bên bìa rừng cao-su này nhai cơm ròi, bánh mì khô. Và chờ cho đến sập tối làm một cuộc phục kích đêm mà chúng tôi vẫn gọi là đi ăn sương.

Khi bữa ăn vừa xong, tôi đứng dậy chống khẩu carbine M2 dưới chân, tay nắm ở đầu mũi súng. Tôi nhìn vào lòng rừng và nhìn lính của tôi ngòai dài một khoảng chừng một trăm thước. Xem chừng chúng nó có vẻ dửng dưng, gập địch lúc nào cũng được. Có lẽ chỉ có mình tôi lo ngại đôi chút. Vụ bỗng hỏi tôi.

- chuẩn úy đã bắn thử cây súng này chưa?

- Chưa, nhưng súng mới chắc tốt không sao.

- Chuẩn úy nên bắn thử, em e rằng nó trình đạn kém. Có thể sửa chữa cấp tốc được.

Tôi vặn nó:

- Nếu trình đạn yếu, chữa bằng cách nào?

Vụ vui vẻ:

- Kinh nghiệm thì kéo dài lò xo hoàn lực ra một chút.

- Vậy thì tôi thử xem sao.

Tôi ngồi xuống, đưa đế súng vào hốc vai và hướng súng vào lòng rừng cao-su. Tôi bóp cò. Mấy viên đạn nổ. Tiếng súng vọng vào lòng rừng cao-su nghe như một nỗi đau buồn trong lòng quê hương Việt-nam. Khi ấy chiều đang xuống thấp, sóc Thượng ở dưới con đường dốc này đang đổi màu. Sau mấy tiếng súng, rừng cao-su với những hàng cây thẳng hàng vẫn nằm im yên lặng với nỗi thâm trầm của nó. Những rừng đồi cao-su này được thành lập từ những năm 37, 39. Hồi ấy, người Pháp còn đặt những bước chân cai trị vững vàng của họ tại đây. Họ đã mộ phu từ những rừng đồi nước độc miền Việt-bắc và dùng tàu chuyên chở tới miền biên giới nam Việt-nam Cambodge này. Những rừng cao-su này đã có cả một quãng đời thâm trầm dài rộng.

Chú lính Du chợt đến bên tôi:

- Trình chuẩn úy, bộ chỉ huy nói tăng phái ba người cho trung úy Hồng giữ trại cũ.

Trại cũ của đại đội tôi nằm cách đây hơn năm trăm thước về phía Bắc. Trung úy Hồng, đại đội phó, phải giữ trại trong thời gian chờ đợi làm bàn giao cho một tiểu đoàn mới. Hình như tiểu đoàn này từ trong Tân-hung ra. Đại đội tôi phải rút về ở chung với đại đội 212, một vị trí giáp ba điểm đặc biệt: phi trường Bình-long, một nghĩa trang và một cái đình. Nếu coi trại cũ ở rìa bên này thành phố thì trại mới ở rìa bên kia thành phố.

Tôi hỏi Du:

- Bây giờ ở trại cũ có mấy người rồi?

- Thưa bốn.

Tôi cười nhỏ:

- Bấy tám người giữ hậu cứ... quân tung ra ngoài hết... ở đây đã có thời kỳ nào như thế này chưa?

- Dạ chưa chuẩn úy, mới từ hồi tết, trước khi chuẩn úy tới ít bữa.

Tôi tự tin:

- Đạo này tụi nó làm dữ. Nhưng chúng nó không đánh tỉnh này đâu, nếu có thì đã ở ngay trong thời kỳ tổng tấn công. Tỉnh này nghèo, chẳng có gì giá trị chiến thuật nên viên



tướng già họ Võ mới không tung quân vào, phí đi. Chúng nó tấn công là phải có kế hoạch, công trình của mười mấy năm... Nhưng sau trận này thì hết, chúng nó kiệt quệ. Cứ bình tâm, bảo tôi ra lệnh chuẩn bị di chuyển. Mở máy liên lạc với trung úy Hồng đưa người ra đón ba người tăng phái của mình vào.

Trung đội tôi lại bắt đầu di chuyển. Nắng vàng nhạt của một buổi chiều sắp tắt chiếu vào một góc bìa rừng, nằm phơi trên đất đỏ, trên lá khô, trên quanh quẽ cô đơn. Tôi chợt thấy buồn. Không hiểu vì những nguyên nhân tôi thương nào đã đưa tôi đến vùng cao nguyên đất đỏ này, dọc ngang những rừng đồi cao-su thâm u? tôi chợt thấy buồn, vắng, tôi chợt thấy buồn ở trong lòng, buồn lắm... buồn lắm người ơi... buồn lắm mẹ ơi. Giờ này, chiều xuống thấp, con tay súng lưng đạn dẫn trung đội đi ngoài bìa rừng. Lòng mẹ thương con như thế nào hả mẹ. Mẹ có hiểu được nỗi buồn cô liêu con đang chịu đựng này không? Và em, vợ yêu của anh, em thương anh như thế nào nếu thấy gót giầy anh dính đầy bụi đỏ? Nghĩ đến các con của chúng mình, anh nhiều chua xót lắm. Biết thế đừng sanh chúng ra, sanh chúng ra để chúng sống trên một quê hương chiến tranh dài như thế này anh chẳng nở nào. Thời buổi này thật phiền. Có lẽ người ta đã phải quên để sống. Phải quên để tiếp tục hàn gắn xây dựng. Phải quên những đổ vỡ, những cảnh tượng đau lòng, để còn thấy cuộc đời vẫn đẹp dù chỉ có vài giờ, vài ngày đẹp đẽ. Người ta phải tập làm quen để xây dựng trên đổ vỡ, yêu thương trên tan tác, nhớ nhung trên đau khổ. Tôi chợt thấy buồn như một con tàu đời phố thị. Thân phận con người cũng chỉ như một con sâu trong rừng rú hẻo lánh trên mặt địa cầu này thôi sao? Sinh ra, sống gian khổ nghèo đói trên quê hương chiến tranh, sống bất an với nhớ thương chia cắt, sống ray rứt với đam mê không thỏa đáng. Rồi một ngày nào đó, vẫn còn thêm sống mà phải gục ngã, phải nằm xuống. Nhiều người đã chết đi một cách vội vàng, chưa kịp nói hết lời với những người ở lại, với những người chết sau. Hầu hết họ đã chết đi như thế, và những người con ở lại phá vỡ những kỷ niệm đẹp đẽ với những người đã chết. Nhưng có phải

chỉ có những người nằm trong lòng đất sâu, dưới một lớp đá ong mới thật là chết hay không? Còn nữa, tưởng phải kể đến cái chết dở dang chứa đựng ngay trong thân phận con người, ngay trong thời đại này, ngay trong cuộc chiến này. Có ai tự hỏi làm sao để cứu rỗi? Đã cả trăm năm nay, người ta vẫn không trả lời được. Trả lời làm sao nổi khi tiếng súng vẫn còn vang vọng trên các miền đồng lầy, trên các cao nguyên, trong các rừng biên giới. Và trả lời làm sao nổi khi vẫn còn những trái lựu đạn phá hoại nổ ở một ngã ba trong thành phố, nổ ở cửa một nhà hàng, cửa một công sở. Khi con người còn nhìn những sự kiện ấy một cách bình thường thì chưa thể trả lời được.

Chúng tôi di chuyển tới chừng ba trăm thước nữa thì gặp vài căn nhà bỏ hoang. Đã có căn sập vì đạn của pháo binh. Tôi cho trung đội vào đó nghỉ ngơi, kiểm tra cây và lấy nước giếng, trong khi chờ trung úy Hồng ra lãnh ba người về trại. Tôi chọn địa điểm này và ra lệnh cho Du gọi máy liên lạc. Tôi chọn một mô đất cao nhìn cảnh tượng này. Một vài đứa mở cửa vào nhà lục soát. Vài đứa đứng ở quanh miệng giếng đang thả dây cho chiếc thùng xuống. Vài đứa ở ngoài vườn, đứa chọc ổi, đứa chọc quả điều. Cũng có vài đứa chả thiết gì, kiểm chỗ dựa lưng hút thuốc. Tôi chú ý đến một tên lính trẻ trong đám này, nó trẻ nhất trung đội, ngồi ở cách tôi không xa vừa châm một điếu thuốc.

Tôi hỏi nó:

- Chú mới vào trung đội này?
  - Dạ vâng, em mới đến hai hôm nay.
- Tôi quay sang hỏi người trung sĩ trung đội phó:
- Trung đội mình được mấy người mới.
  - Thưa ba, chú này và hai chú nữa, đều đã làm lính.

Tôi tiếp tục hỏi chú lính trẻ:

- Chú tên chi?
- Em tên Đàng.
- Chú năm nay bao nhiêu?
- Dạ mười tám.
- Chú trẻ hơn thằng em tôi, thằng em tôi còn hăm hai. Chú đã đi lính gì trước đây?

Nó ngược đôi mắt một mí lên nhìn tôi, thờ một hơi thuốc và hình như nó xúc động đến một chút gì:

- Em đi biệt kích Mỹ cùng với một thằng bạn trẻ như em. Tụi Mỹ bắt hai đứa em học một khóa huấn luyện hai tuần rồi thả trực thăng xuống một tiền đồn ở sông Bé Phước-long. Thằng bạn em chết, em đào ngũ về rồi xin vào đây. Ở miệt đó đụng luôn, trận nào cũng dữ.

- Tôi cũng có nghe. Chú có vẻ gan lỳ và lanh lẹ. Tôi biết chút ít về tướng số, nụ cười của chú huyếch hoác râu rĩ, đời chú vất vả lắm.

Nó nhận lời đó của tôi như nhận một an ủi:

- Dạ vâng, em khổ cực nhiều.

Tôi tiếp:

- Thôi ráng, tôi tin ở số mạng. Tin ở số mạng để an ủi cho đời yên vui. Tôi cũng gian khổ từ nhỏ, cũng hồi mười tám như chú.

- Năm nay chuẩn úy bao nhiêu?

- Hai mươi tám.

Nó mời tôi hút thuốc, tôi cảm ơn nó, tôi ít dùng. Một lát, trung úy Hồng và người cận vệ của ông ta từ trên một dốc nhỏ trong trại đi ra. Tôi lại đón và bắt gặp ở trên môi ông ta một nụ cười trẻ trung dễ chịu. Hồng còn độ thân, bằng tuổi tôi, nhiều lúc vui tính như trẻ con, Hồng lên tiếng trước:

- Chờ đây lâu chưa?

Tôi nhìn đồng hồ:

- Chừng mười lăm phút.

Sau cái bắt tay, tôi mở một nút áo nơi ngực kéo ra một tấm bản đồ mở rộng trước mắt trung úy. Tôi nói nhỏ trong khi ngón tay tôi chỉ vào một áp nhỏ bên bìa rừng ở trên tấm bản đồ:

- Tối nay tụi tôi nằm đây, cách trại chừng hai trăm thước. Trung úy đại đội trưởng nói liên lạc với trung úy trước để nếu có gì thì rút về trại với trung úy. Tôi muốn nói nhỏ với trung úy. Nếu trung úy chịu, tôi dẫn cả trung đội tôi vào trại trung úy.

Trung úy Hồng khoái chí:

- Thề thì còn gì bằng, tôi được giữ cả một trung đội giữ trại

thì nhất. Nhưng ông báo cáo thế nào và mấy giờ lên?

Tôi cũng hứng chí:

- Thì tôi vẫn báo cáo nằm ở tọa độ đã chỉ định. Bỏ đi, cấp chỉ huy chịu chơi mà.

Hồng cười:

- Ô ông chịu chơi thiệt. Chuẩn úy trẻ có khác.

- Tôi cũng phải lo bảo vệ trung đội tôi chứ. Nằm ngoài này động chuyện sợ rút không kịp, pháo binh yểm trợ chúng nó bắn ầu lăm. Nó bắn trên đầu mình thì hết chỗ chạy. Thôi giờ trung úy cứ về trại đi, lát nữa xâm xâm tôi tôi dẫn cả vào.

Hồng khôn ngoan:

- Nhưng ba người tăng phái cho tôi đâu, tôi lấy trước đây. Ngộ nhớ có chuyện gì ông không vào được thì sao. Ăn chắc cái đã.

Tôi cười:

- Ông này ma-le thiệt, thôi ông muốn chọn ai ông chọn. Nhưng yên trí, tôi sẽ dẫn vào an toàn mà.

Hồng nhắc đến ba tên. Tôi cho ba người đó theo trung úy Hồng vào trước. Chờ mười lăm phút sau, tôi dẫn trung đội vào theo bằng con đường mòn đi tắt, chúng tôi phải nâng cuộn dây thép gai và tránh bãi mìn nên di chuyển rất chậm. Nhưng khi cả trung đội lọt vào trại, trời mới bắt đầu xâm tôi. Trại cũ này nằm trên một ngọn đồi thấp, tôi đứng trên một mô đất cao nhìn thấy rõ thành phố bên trong đang bị bóng đêm bao bọc lại. Tôi nhận thấy khoảng cách, ngọn đồi này đúng là một tiền đồn.

Vụ lại bên tôi:

- Ngủ đâu chuẩn úy?

Tôi phác một cử chỉ:

- Chọn một cái hầm ở phía trái, khoảng giữa, đủ ba người tôi, chú và thằng Du như mọi khi. Lại trước đi, tôi gặp trung úy Hồng đã, lát tôi lại. Nói anh em rải đều ra suốt mặt đó, cất gác cẩn thận và đi ngủ sớm, mai có thể đi hành quân.

Vụ vâng rồi bước đi. Tôi nhìn nó cho đến khi tôi thấy nó và thằng Du vào một căn hầm. Tôi vẫn đứng ở mô đất cao đó, ý nghĩ muốn gặp trung úy Hồng tểu một lúc không còn nữa. Bóng tối xuống thật mau trong thành phố trước mặt.

Vợ con tôi mới ở Sài-gòn lên, hiện đang có mặt trong thành phố đó, tôi nhận định khu vực vợ con tôi ở với một sự băng khuâng. Một nỗi băng khuâng thật sự. Một sự lơ lửng, một niềm bơ vơ. Lúc này, tôi không thèm muốn gì, không ao ước gì, không than thở gì. Có lẽ tôi đã quen với việc đêm không ngủ nhà với vợ. Tôi đã quen với việc ngủ dưới đường mương, ngủ trong vườn bỏ hoang, ngủ bên bờ rừng... Riêng đêm nay thì có lẽ dễ chịu hơn một chút, ngủ trong một doanh trại vững vàng, nơi một lô cốt bọc sắt.

Những trái nỏ mạnh đã bắt đầu được bắn đi từ bên trong thành phố. Những trái đó sẽ nổ ở trong rừng, ngăn chặn từng toán quân địch di chuyển. Và bắn vào những tòa độ nghi ngờ. Tôi nhủ thầm :

“Thôi ngủ yên một đêm”.

Tôi nhìn xuống chân, bóng đêm đã chan hòa ở đó, nền đất đỏ đã xậm lại. Tôi đi về phía lô cốt thẳng Vụ đã chọn. Bóng những tên lính của tôi lơ mờ, lẫn với bóng tối gần đó. Cảnh tượng này không đem lại gì vui. Tôi muốn nói với chúng nó: “Đi ngủ đi, loanh quanh làm gì, nếu giặc đến thì dậy vớ súng mà bắn.”

Thằng Vụ gọi tôi:

- Hàm này chuẩn úy.

Tôi lọt vào bên trong. Thằng Du đang đốt một mớ bìa vàng, ánh lửa loang loáng cho tôi thấy một chiếc giường gỗ kê sẵn. Vụ mặc xong chiếc võng, nó nói:

- Chuẩn úy ngủ trên võng, để hai tụi em ngủ trên giường gỗ này.

- Ủ, thế nào cũng được.

Ánh lửa chọt yếu đi, Du nhìn mớ giấy gần hết, nó giục thằng Vụ:

- Mày đi kiếm một mớ giấy nữa đi mày, đuổi hết muỗi đi mới ngủ được.

Vụ bỏ đi. Tôi ngả mình xuống võng. Một chút êm ả và một chút ấm cúng mới len lỏi đến đây. Đêm nay súng vẫn ì ầm ở bốn phía chung quanh, nhưng chúng tôi có một đêm bình yên. Chúng tôi coi những đêm bình yên như thế này thật quan trọng bởi vì chúng tôi là những người lính thường xuyên với những vụ bất trắc. Chúng tôi phải thức trọn đêm là chuyện thường lắm, lúc ấy chỉ có đũa nọ thương đũa

kia, canh chừng cho nhau ngủ. “mày chộp mắt một lát đi, tao trông cho, có gì tao gọi.” Mười phút, mười lăm phút ngủ gục đem lại tỉnh táo và sáng suốt không ngờ được. Đêm qua chúng tôi ngủ dưới một đường nương, những con muỗi vo ve bầu vào mặt vào hai cánh tay đen đúa của chúng tôi... Những con muỗi khôn nạn mà chính tôi, chính thằng tôi trong một tỉnh giấc đuổi chúng đã rửa: “Tiên sư chúng mày, lũ khôn nạn, làm ông mất cả ngủ.”

Tôi nhận định vị trí tôi đang nằm. Thật lạ. Thân tôi như một cánh chim trời phiêu bạt. Tôi đã từng vượt trùng dương tới sống ở những hòn đảo cô liêu. Còn bây giờ nằm ở một tiền đồn nhỏ bé bên những rừng đồi cao-su trầm mặc, tôi cũng không hiểu tại sao tôi lại ân tặng cho rừng cao-su nhiều danh từ triết lý như vậy. Tôi coi rừng cao-su như một con người, một con người suốt đời mang tâm sự. Rừng cao-su như một triết nhân suốt đời nằm tư tưởng. Vụ trở lại lúc nào tôi không biết nữa, nó hỏi tôi:

- Chuẩn úy có tiếc ngày chủ nhật hôm nay không chuẩn úy?

Tôi nhìn ánh lửa:

- Không, tôi chả tiếc gì. Và cũng chả có gì để tiếc. Tôi hết ham muốn những thú vui rồi. còn chú?

Nó ngần ngừ:

- Em có hẹn.

- Với một cô đào?

- Vâng.

Tôi thở dài:

- Đáng tiếc. Quen cô ấy lâu chưa?

- Dạ từ hồi mới lên đây, hơn hai năm rồi.

- Thế quê chú ở đâu?

- Dạ Đức-hòa, Hậu-nghĩa.

- Tôi biết, nghe nói ở đó Việt-cộng như địa đới. Ít lâu nay chú có về thăm quê không?

- Dạ không, nhưng mẹ em có lên đây thăm.

- Thế bà cụ có bằng lòng cô ấy không? À nhưng chú có định lập gia đình với cô ấy không? Cô ấy tên gì vậy?

Nó vui vẻ tâm tình:

- Dạ Hà, em cũng đã nhiều lần tính chuyện với cô ấy. Em hãy còn giấu bà cụ, nhưng nếu em muốn thì bà cụ em cũng

chiều theo. Hà ngoan, dễ thương lắm chuẩn úy.

- Vậy hả, thế thì tốt và may mắn. Tính chắc đi cho tôi uống rượu với chứ?

- Dạ nếu có thì thế nào cũng mời chuẩn úy.

Tôi quay sang hỏi Du:

- Còn Du thì thế nào?

- Dạ nhiều lắm chuẩn úy. Em cũng đang tính với một cô đó.

Tôi cười:

- Thế ra các chú đào hoa quá... . Thôi ngủ đi, chúc các chú mơ thấy người lý tưởng trong giấc ngủ. Riêng tôi, tôi ngủ say lắm, không mơ thấy gì cả.

Tôi nhắm mắt. Quả thực lúc này tôi cũng đã thấy buồn ngủ rồi, hai mi mắt trĩu xuống. Nhưng không hiểu sao trong đầu óc tôi chập chờn nhiều hình ảnh, trong đó có một hình ảnh làm tôi xúc động nhiều nhất: người con gái ngoài phố, ở tiệm may cắt Phúc Hải chiều hôm qua tôi đi qua cửa còn thấy mặt tươi tỉnh đầu trần, tóc dài rối trên lưng, thế mà sáng nay tôi đi qua tôi đã thấy người con gái ấy mang một khăn tang trắng trên đầu. Bây giờ tôi hơi thắc mắc: tang ấy tang chồng hay tang một người thân, và biết đâu chẳng có thể là tang một người yêu chưa cưới, chỉ mới có hẹn thề?

HOÀNG NGỌC HIỂN

(Tạp chí Văn số 127 năm 1969)

## Quốc lộ Mười-ba (tiếp)

(nguồn: tạp chí Văn số 130)

**S**au cuộc pháo kích xâm nhập này, thị trấn đương nhiên bị đặt trong tình trạng báo động. Nó sẵn sàng chờ đợi để đối phó với những biên động mới. Tiểu khu vội vã tung ra những cuộc hành quân lục soát và phục kích đêm với cấp tiểu đoàn. Với lệnh cấm trại 100%, tôi đã tham dự hầu hết. Đối diện với bóng tối, với bìa lô cao-su, với hiểm nghèo có thể đến bất cứ lúc nào, với lệnh tử thủ; tôi đã trở nên già dặn lúc nào không hay, tôi đã cảm thấy tôi là một lính nghề lúc nào không nhớ nữa. Tôi mới bắt đầu thấy tôi kiêu hãnh để kéo xệ cây súng Colt 45 đeo ở bên hông xuống một chút nữa. Nhưng, những khi kéo xệ cây súng Colt xuống, tôi bỗng thấy tôi cô độc giữa núi rừng cao-su trùng điệp miền cao nguyên biên giới này.

Tôi bắt đầu mơ tưởng lại quá khứ với những gì đã thụ hưởng hoặc đã để lỡ trôi qua. Một chút ân hận. Một chút nuối tiếc. Một chút thèm muốn. Điều đó đã dậy lên như một mặt trời cao ráo dựng đứng trên những đỉnh đồi cao-su mù mịt. Nhất là vào những đêm trời mưa đi kích ở chợ, nằm trên quây hàng bọc nhôm chập chờn đi vào giấc mơ tình ái. Để rồi chợt tỉnh táo tức khắc sau một trái 82 ly nổ giữa thành phố hay một trái hỏa châu soi sáng vùng trước mặt. Bây giờ súng đạn như một niềm kiêu hãnh. Nón sắt như một nét dữ dằn. Bốt-đờ-xô dính đầy đất đỏ như một trò thô bạo. Và chỉ còn có cái lon, cái lon hình oméga gắn trên ngực áo như một bay bướm duy nhất còn lại trên người tôi. Ngày cũng như đêm tất tưởi. Ngày cũng như đêm chỉ ở trại, ở chợ, ở đường, ở rừng.

Nhưng cái sinh hoạt ấy chợt dừng đứng lại.



Một tối, vừa cho trung đội tới vị trí kích, thằng Thành mang máy C10 lại bên tôi.

- Chuẩn úy.

Tôi thở một hơi thuốc, thản nhiên như mọi lần:

- Gì vậy?

- Dạ thẩm quyền muốn nói chuyện với chuẩn úy.

Tôi cầm lấy ống liên hợp đưa lên tai nghe.

- Thanh Thúy, Thanh Thúy, đây Thanh Thúy Một gọi.

Cái giọng nói rề rề của ông Trung úy Đại đội trưởng ở bên kia đầu máy:

- Thẩm quyền tư tưởng đó hả?

- Vâng, thẩm quyền có gì cho?

- Anh bảo đàn em của anh đó. Sáng sớm mai, sau khi đi kích về, sửa soạn một ba-lô với mười lăm ngày ăn, một bộ đồ trận. Mang theo xêng, hỏa lực đầy đủ. Tám giờ xong. Anh có thể cho chúng nó về sớm hơn mọi bữa để làm cho kịp. Đại đội chúng ta phải đi đóng “đồng đả” đó, thay thế cho thằng 215 đã quá nhiệm kỳ. Nhận rõ trả lời?

Tôi bấm cái nút nhựa trên ống liên hợp:

- Nhận thẩm quyền rõ. Còn gì cho tiếp.

- Có vậy thôi anh. Dứt, tạm dứt nghe anh.

Tôi rầu rĩ lắm lắm: “Đ.m., đúng là lệnh nhà binh, ban ra lúc nào đi ngay lúc ấy...”

•

Chiếc camion đầu tiên chở tôi và trung đội của tôi xả ga xuống cái dốc cuối cùng rồi chồm lên, sau đó mới dừng khựng lại nơi vọng gác của đồn. Tôi còn thấy gần vọng gác, một bàn thờ dựng bằng một cột, không nhang khói. Trong tầm mắt có tới cả chục chặng dây thép gai căng chằng chịt. Rồi tới cổng vào căn cứ, dựng một tấm biển màu xanh loang lổ có hàng chữ màu vàng sấp phai mất hết: “Đồn Tân Hưng”. Tôi phải chăm chú mới đọc được hàng chữ đó. Xa hơn và thu hút nhất là cột cờ với lá cờ vàng ba sọc đỏ bay nhẹ và cái mirador màu gạch cua cũ dựng từ hồi Pháp thuộc còn để lại. Tôi biết chắc như thế, không cần phải giải thích, vì cái kiểu cách đó, tôi đã thấy ở nhiều đồn bót Pháp hồi người Pháp còn đặt những bước viễn chinh của họ trên quê hương này. Tôi thấy từ hồi còn nhỏ, một túi trên lưng, khăn quàng trên cổ, theo gót chân mẹ tôi tản

cư xuôi ngược, vùng nọ sang vùng kia, vùng này sang vùng khác. Lửa bốc cháy sau lưng. Đạn bắn bay trên đầu. Và bóng tối mưa dài vây bủa chung quanh. Mẹ ơi, mẹ còn nhớ không. Mấy mẹ con mình ngã dấm ngã dúi. “Tội nghiệp con tôi”, mẹ kêu không biết bao lần, con còn nhớ lắm. Tiếng nói đó đã khắc sâu vào tâm con và bây giờ nó đã trở thành một thứ trầm tư thâm kín trấn giữ đời con. Như khí giới của tên lính trấn thủ lưu đồn. Thứ khí giới ấy, con đã cất giữ, và bây giờ đem theo tới tiền đồn này nằm ở phía đông tỉnh lỵ Bình-long, cách quốc lộ Mười-ba gần mười lăm cây số. Giờ này, mẹ ở Sài-gòn, mẹ đâu đã biết. Vâng, mẹ đâu đã biết đứa con của mẹ trôi nổi tới chốn địa đầu của một quê hương tranh chấp lý tưởng. Cộng quân lại mới tung vào đây những trận đánh lớn. Các căn cứ quan trọng ven quốc lộ Mười-ba hầu hết đã bị tấn công. Đài phát thanh đã loan tin đó đi, mẹ có nghe không, mẹ có gửi gắm cho con những giọt nước mắt âm thầm rơi trong bóng tối nào không...

- Ê, Tướng, mày vào đây hả?

Thiếu úy Cung, xử lý thường vụ Đại-đội trưởng 215 đã ra đón tiếp chúng tôi. Tôi mở cửa xe nhảy xuống bắt tay Cung:

- Ồ, tới húng cái khỏ cho tụi mày đây. Chiều nay mày tha hồ mà bay bướm với các em ở thành phố...

Hắn toét miệng ra cười:

- Đ.m, cũng phải cho tụi tao xả ga chứ, không ú lên chịu sao thấu mày. Thôi mày cho xe vào đi, bảo thằng truyền tin của mày gắn antel dù vào ngay, nó pháo kích còn liên lạc xin pháo binh. Tao xong nhiệm vụ rồi, tao đéo biết nữa đâu.

Tôi cũng văng tục:

- Đ.m., chưa đi hẳn đã lồi. Tôi cũng đéo biết, tôi đâu phải Đại-đội trưởng mà anh tính bàn giao cho tôi. Trung úy của tôi còn ở dưới kia kia, xe sau đó, pan mẹ nó rồi, còn chữa ở dưới đó. Xe tao đi đâu, trung đội Một mà.

- À, có mấy xe mày?

- Bốn camion, đại đội tao đầy đủ cấp số chứ đéo như đại đội mày đâu. Việt Cộng đéo dám thử. Thử là chúng nó lúa vàng hết.

Vẫn cái nụ cười toe toét của Cung:

- Thôi lên xe vào trại đi cha, biết rồi khổ lắm... Cho con còn gô som sớm.

Chiếc camion len lỏi qua nhiều chặng dây thép gai vào trong đồn, đổ quân, đổ đồ, đổ đạn xuống. Tôi liền ra lệnh cắt gác, phân chia quân và hỏa lực bố trí tại các hệ thống phòng thủ, bảo truyền tin gắn antel dù vào máy C10, sẵn sàng đối phó với phản trắc bất ngờ. Địch chỉ lợi dụng lúc hỗn tạp này. Trung đội tôi trực bữa nay nên đã phải tới đây trước hết, xong xuôi mới kéo cả đại đội vào.

Cung chỉ cho tôi sơ lược địa thế, hầm hố. Tôi ngó qua, thất vọng rủa nó:

- Đ.m., tụi mày sắp đi tụi mày ia cả ra cho tụi tao tới **hốt** hả. Gì mà bần thiêu, dột nát, xập xệ, rác rưởi quá xá thế này.

- Mùa mưa mà mày.

- Mưa thì mưa chứ. Tụi mày chắc chỉ chơi không, ăn rồi ia thôi, chứ đéo gì. Chỉ chết tụi con... Thôi tụi mày xéo bố nó đi cho rồi. Để các con làm lại cuộc đời.

Những chiếc xe sau chở đại đội tôi lần lượt vào đồn. Sau khi Đại-đội trưởng nhận bàn giao, và những chiếc xe chở chúng tôi tới đây đã chở hết những tên lính của đại đội 215 ra khỏi doanh trại, thì trời đã trưa. Mặt trời đã bắt đầu nghiêng bóng về tây. Trưa rồi. Tôi nhận khu vực phòng thủ của trung đội: mặt Nam hướng về xã Tân-hung.

Tuyến phòng thủ của chúng tôi khoảng ba mươi thước gồm có mười cái hầm. Ở khoảng giữa, thụt vào phía trong một chút có một cái hầm. Tôi ở hầm đó. Bộ chỉ huy trung đội ở đó. Tôi, cận vệ của tôi, và truyền tin. Ba người. Hầm hơi chật nhưng cũng phải chịu, được cái trông có vẻ cao ráo, sạch sẽ, thoáng khí hơn nhiều hầm khác. Bởi vì tương đối nó nông hơn, nhiều thanh gỗ và bao cát còn mới, có lẽ đã được tu bổ gần đây. Tuy nhiên, mùi gỗ ẩm, mùi đất ẩm cũng làm khó thở; cố gắng lắm tôi mới không khỏi buồn nôn. Tôi gọi cận vệ, truyền tin của tôi lại trước hầm đó:

- Mình ở đây. Chịu khó dọn dẹp, tu bổ sao cho được. Làm ngay đi, bây giờ còn nắng. Chiều mùa này hay mưa lắm, chịu khó làm gấp đi. Phân chia cắt đặt xong, tôi lại phụ cho.

Chúng nó ừ hử. Tôi nhảy lên nóc hầm trước mặt cái hầm

tôi ở. Trung đội đã loanh quanh ở gần cả đây và đang chờ tôi quyết định. Tôi nói:

- Cái hầm này, cái hầm tôi đang đứng đây dành cho bộ chỉ huy. Ông trung đội phó, phụ xạ thủ M79 và trung liên bar của bộ chỉ huy. Bốn hầm phía bên phải tôi của tiểu đội Một. Bốn hầm phía bên trái tôi của tiểu đội Hai. Hai ông tiểu đội trưởng phân chia cho các anh em và sắp đặt vị trí súng trung liên sao cho có một xạ trường hoạt động tốt. Các ông nhớ, như tôi đã nói nhiều lần, cây M79 và các cây trung liên là linh hồn của trung đội. Bây giờ các ông thi hành, có gì tôi sẽ ban lệnh sau. Các bạn có gì thắc mắc không?

Những tiếng “không” nói lớn. Tôi chỉ vào hầm của tôi:

- Tôi ở hầm này. Có chuyện gì lại đó kiếm tôi. Rồi, các bạn tan hàng.

Chúng nó lục tục kéo đi. Ba-lô, nón sắt, dây đạn, thùng đạn làm mờ hôi đổ. Tôi lần lượt đi xem từng hầm một. Hầm nào cũng rác rưởi, cỏ dại, ướt át, đất đỏ dính dáp và mùi gỗ mục xông lên ẩm thấp. Trận mưa đêm qua còn để lại nhiều vũng nước đục bần như nước cống. Ống bơ, chai lọ, muông chén bừa bãi trên đất lầy. Cúi đầu ở cửa hầm nào nhìn vào bên trong, tôi cũng lắc đầu thất vọng, an ủi chúng nó: “Thôi chịu khó, ở đây cũng coi như nhà mình ở, ráng nghe”.

Khi trở lại hầm của tôi, tôi đã thấy thằng Vụ và thằng Thành (truyền tin mới đã đến thay thế thằng Du hơn một tháng nay), hai đứa đã xoay trần ra sức sửa sang. Mồ hôi đổ từ cổ xuống lưng. Tôi thở dài:

- Tao chán quá rồi mày ạ.

Nó nói:

- Mới vậy đó chuẩn úy. Vài bữa đâu vào đấy bớt đi. Chuẩn úy mới đóng đồn lần đầu, tôi nhiều rồi, riết quen chuẩn úy. Chuẩn úy kiếm chỗ nghỉ đi, lát xong tụi tôi gọi vào.

- Được, tụi mày cứ làm đi. Nghỉ ngơi gì giờ này. Chưa ra đâu vào đâu hết.

Tôi chột nhìn lên mirador, một tên lính của trung đội tôi đang ngồi gác trên đó. Nó nhìn ra phía xa chăm chú. Tôi dòi chỗ đứng, lần bước đi lên với nó. Tôi lên đứng gần nó. Gió thổi tới. Con gió thổi mát lòng làm tôi tỉnh táo. Tôi lấy

cái zumen để ở gần nó đưa lên ngang mặt. Tôi di động vòng tròn tại một chỗ đứng. Đứng ở vị trí nào tôi cũng chỉ thấy những rừng đồi cao su. Những rừng đồi cao-su trùng trùng điệp điệp. Những rừng đồi cao-su nằm im phăng phắc. Những rừng đồi cao-su vẫn trầm tư mặc tưởng, như chưa bao giờ biết đến một đổi thay nào hết. Những rừng đồi cao-su từ đây chạy dài ra tới quốc lộ, chạy dọc hai ven quốc lộ; nó có con mắt trong suốt chứng kiến từ phút đầu cho đến phút chót những trận đụng độ, những trận phục kích... Nhưng đôi mắt trong suốt đó, đã từ nghìn đời nào rồi, vẫn lạnh lẽo như một mặt nước mùa thu im lặng.

Tôi buồn buồn hỏi tên lính của tôi:

- Mày gác gì đó mày?

- Em gác Việt Cộng, chuẩn úy.

- Ở gác Việt Cộng mà tao thấy mày chỉ nhìn về có mỗi một hướng trước mặt. Ngồi một chỗ thế này chả mấy chốc mà mày gục. Mày có tiếng là gác ngủ rồi đó nghe, tao lưu ý mày rồi đó. Có buồn ngủ không, tao cho đi ngủ gấp, gọi thằng khác lên gác thế.

Nó vội vã:

- Dạ không chuẩn úy. Em quan sát mọi hướng mà.

Nhưng tôi cũng chẳng tin nó được. Tôi đứng ở đó hết vọng xuống:

- Ông tiểu đội trưởng tiểu đội Hai đâu? Cho tôi một thằng nữa lên đây. Ở trên đài quan sát này là phải gác kếp cho tôi. Tất cả cấm đầu vào lo hằm lo hỏ, nó bò tới hàng rào lúc nào không hay à.

Tôi trao cho nó cái zumen:

- Cái này phải đeo vào người. Mày là bê bối lắm đó. Ở đây, mày mà nhảy dù về là tao tính mày đó. Nhớ không?

- Dạ nhớ.

Tôi bỏ đi, miệng lẩm bầm “ờ nhớ”.

Tôi bây giờ thế đó. Mày không còn là của mày nữa. Đã khoác bộ đồ trận này vào, mày đã trở thành con người của quốc gia, của chính phủ. Mày không còn là của cha dượng mẹ sanh. Mày không còn là của vợ, của con mày nữa. Vợ tôi vẫn không giấu giếm được những giọt nước mắt mỗi lần tôi bước chân đi. Đã nhiều lần, có lẽ chúng tôi đã đếm gần hết số lần xa nhau trên những đầu ngón tay trong vòng

năm năm trời. Chưa bao giờ chúng tôi được sống bên nhau được một thời gian dài trên năm tháng. Giờ này, giờ này, đã lại xa nhau nghìn trùng. Mười lăm cây số, nhưng tôi có cảm tưởng như cả một nghìn trùng. Em biết không em, chiếc xe chở anh tới đây, anh đã thấy chỉ những rừng đồi cao-su trùng trùng điệp điệp. Những rừng đồi cao-su thâm u bí mật. Pha gương ở đó nào cảm thù, nào oan khiên. Anh không thể nào có một cảm tưởng khác được là cả một nghìn trùng vây bọc. Em đã có thêm ý nghĩ u hoài nào nữa chưa em? Không ngờ phải không? Không ngờ anh đã thành một người lính cầm súng bước tới chôn này. Không ngờ, anh đã cầm sự vụ lệnh tới trình diện một đại đội tác chiến nổi tiếng và thiện chiến nhất miền này. Tới làm một cấp chỉ huy ở đại đội toàn lính dũ dằn này, anh đương nhiên trở nên dũ dằn hơn chúng nó lúc nào không nhớ nữa. Em đừng trách anh rằng bây giờ anh còn nhớ gì nữa chứ. Anh đã bị xô đẩy nhiều quá rồi.... Và kỷ niệm đã nhiều lần bật thành tiếng thét trong hồn như một tiếng súng nổ vọng vào đêm.

Tôi đi tới hầm chỉ huy đại đội. Tôi gặp trung úy Đại-đội trưởng ở đây. Ông nhớ tôi ngay:

- Anh Tường.

- Có việc gì trung úy?

- Tôi bận quá, tôi nhờ anh việc này nghe. Anh vẽ giùm tôi sơ đồ phòng thủ và thảo giùm tôi kế hoạch phòng thủ. Được không anh?

Tôi ngần ngại. Trung úy tiếp:

- Cái sơ đồ phòng thủ thì anh không có gì thắc mắc chứ gì. Phòng thủ đồn bót tương tự như bố phòng chu vi đóng đêm, quen rồi phải không anh?

- Vâng, nhưng còn cái kế hoạch...

Trung úy cướp lời tôi:

- Tôi biết. Đại khái như thế này. Đề tôi nói rồi anh thêm bớt. Đại khái chủ nghĩa, trên giấy tờ mà anh. Thế này nghe anh...

Ông ấy nói một thôi một hồi.

Tôi cười:

- Trung úy nói vậy, chẳng biết tôi có nhớ để phản ảnh trung thực hay không.

Ông khuyến khích tôi:

- Được anh cứ làm đi mà.

Tôi chán nản trở về hầm của tôi. Thăng Vụ và Thành đã dọn dẹp căn hầm. Chúng nó đã vặn radio, nhạc hay vang lên. Tôi thấy có sẵn một cái kệ. Chúng nó dùng những mảnh gỗ kê được một cái giường nhỏ một người nằm. Và chúng nó còn kiếm đâu được mấy cái thùng gỗ nhỏ thấp dùng che phủ mặt đất ẩm ướt dơ bẩn, trên đó là một mặt phẳng tốt để đặt balô, dây nịt đạn, nón sắt. Trông đã có vẻ mát mắt. Tôi nói:

- Khá rồi ha. Bây giờ lấy một poncho trải lên cái giường này. Một cái căng trên trần hầm. Thế mới thật sạch mát. Còn cái kệ này dùng để đồ vật đèn nến đường sữa café thuốc lá, kiếm cái gạt tàn thuốc. Mình sẽ xin ván bìa đóng vào vách hầm, rồi kiếm mấy cái hình “trưởng cõi” dán vô chứ. Mình làm cho xôm xôm nghe.

Hai đứa nó cười.

- Chuẩn úy chịu chơi rồi đó.

- Ở đây phải thế mới được, phải không mà? Mình phải trang hoàng cái hầm mình cho sang nhất đôn. Ở đây thăm quá, mình phải cố gắng làm cho nó bớt thăm đi chứ. Thôi, để tôi làm mấy cái vụ này, chúng mày làm cái gì ăn đỡ đi. Một giờ trưa rồi, vừa chán, vừa nản, vừa mệt, vừa buồn nôn, và vừa đói nữa.

Thăng Vụ mau miệng:

- Có rồi chuẩn úy. Để tôi trải poncho rồi dọn cơm ăn. Chuẩn úy thích ăn thịt hay cá?

Tôi vui vẻ:

- Ủa, đóng đôn cũng ăn thịt cá, sang quá nhỉ.

Đói, mệt, nhưng tôi chỉ ăn được vài miếng. Không tài nào nuốt nổi. Tôi thoát ra khỏi hầm leo lên một nóc hầm kiếm gió. Nực nội quá. Tôi móc túi lấy thuốc hút. Tôi kéo theo ra với gói thuốc cả cái thẻ công vụ. Cái thẻ dân sự, chúng nhận là giáo sư, nghề nghiệp trước khi tôi nhập ngũ. Tôi mở ra xem cái ảnh dán trên cái thẻ. Hình tôi nửa người mặc áo lớn, tóc dây bát xanh mượt, trông trẻ trung mập mạp hơn lúc này nhiều. Lại một chút tiếc rẻ, nhớ thương dĩ vãng. Nhưng sau khi châm một điếu thuốc, tôi quên ngay. Các lô cốt, các hầm hố, các antel dù, concertina, bãi mìn và

lính tráng mang bộ mặt ngơ ngáo đập mạnh vào mắt tôi. Nhiều đứa trông lúng túng, không biết làm gì lúc này. Tôi, tôi cũng vậy nữa. Tôi chả biết tôi sẽ phải bắt đầu như thế nào cái công việc mà trung úy đại đội trưởng nhờ tôi lúc này. Nhưng dầu thế nào, tôi cũng phải bắt tay vào việc, để kịp thời đối phó với cộng quân đang mưu đồ leo thang chiến cuộc. Chưa biết chừng ngay đêm nay cộng quân mở trận tấn công vào tiền đồn này. Trong mấy ngày gần đây, chúng đã tấn công vào hầu hết các cứ điểm ven quốc lộ Mười-ba danh tiếng. Những trận Bến cát, Bàu-lông, Tân-khai, Tàu-ô, Cồn-lê, Lộc-tấn, Lộc-ninh tất cả khốc liệt đã ném vào đầu óc mọi người những ý tưởng khủng khiếp về miền đất đỏ cao-su độc địa này. Tại Tân-hung, nơi tôi vừa tới đây, hồi sư đoàn 5 ở, Cộng quân cũng đã tung vào một trận đánh với cấp tiểu đoàn. Tự độ ấy, quốc lộ Mười-ba được mệnh danh là quốc lộ máu. Có người còn gọi quốc lộ của tử thần.

Tôi nghĩ, chiều nay, có lẽ mình phải viết mấy lá thư về nhà. Chắc chắn phải có một cái dành cho vợ. Thôi bây giờ, súng đạn như một niềm kiêu hãnh. Nón sắt như một nét dữ dằn. Bốt đờ-xô dính đầy đất đỏ như một trò thô bạo. Và chỉ còn có cái lon hình oméga gắn trên ngực áo anh như một bay bướm duy nhất ở chốn địa đầu này đó em. Giọng ca Bạch-Yến thâm trầm trong nhạc bản “Đêm đông”, kể từ đêm nay, lại âm vang trong lòng này như tiếng súng vọng vào lòng rừng... đêm đông ta mơ cố nhân gia đình yêu thương... Buồn quá phải không em? Anh vẫn chập chờn giấc ngủ với giọng ca mơ hồ ấy... Và anh, anh vẫn còn tự hỏi không biết chúng ta từ cõi hư vô nào lưu lạc tới đây, sống kiêu hãnh ven quốc lộ mù bụi đỏ, thâm u rừng đồi cao su. Quốc lộ Mười-ba. Quốc lộ của tử thần...

HOÀNG NGỌC HIỂN



## CÒN SAY

(nguồn: Khởi Hành số 73)

Tôi thức giấc nghe nhức nhối và nặng nặng trong đầu. Hình như một loài ma men nào đang đục rữa khối óc chết tôi. Rồi tôi cảm thấy cả người vẫn còn ê ẩm, một sức hủy hoại của rượu. Như vậy, tôi vẫn chưa hết hẳn một cơn say túy lúy càn khôn? Lão thượng sĩ già vẫn còn nằm kia, chết giấc, mùi rượu bay nồng trong hơi thở lão. Cái mùi khó chịu buồn nôn ấy, tôi chợt nhớ ra từ mấy bữa mưa, vương vãi trên sàn hầm xông lên nữa... Tôi ngó xuống, chúng đang trôi lều bều trong nước đục đỏ ngầu. Thì ra đã có mưa đêm, cơn mưa đã đến và đã tạnh lúc nào, tôi không biết. Dòng nước từ một chỗ đột chảy xuống tấm poncho căng trên trần hầm hình như vẫn còn đọng ở những chỗ trũng, chỉ chờ đợi một động tới là đổ ào cả xuống một góc hầm. Cấn hầm thì đã ngập nước.

Sống lâu ngày trong hầm dựng bằng cây và bao cát ẩm mục, sinh lực mòn mỏi trông thấy. Thấm thoát đã ở tiền đồn Tân Hưng này gần hai tháng trời, giữa một mùa mưa. Khuôn mặt lão thượng sĩ thường vụ vàng ửng, nhợt nhạt dưới thứ ánh sáng yếu của ngọn đèn dầu nhỏ; tôi ngó vào hai cánh tay trần tôi, tôi cũng thấy như vậy. Khuôn mặt tôi có thể không? Có khi còn sưng húp lên vì cơn say chưa tan hết. Xem đồng hồ tay: gần bốn giờ sáng. Tôi mở máy C.10, bóp ống liên hợp: “Đào nguyên, Đào nguyên một gọi, nghe trả lời?”. “Nghe, phát, thẩm quyền.”. “Tao tỉnh chưa mày?”. “Thẩm quyền đâu có say, thẩm quyền?”. “Xạo mày, tao say túy lúy, mặt còn đỏ hơn mặt trời nữa,

mày ngạo tao đó hả?”. “Dạ, đâu có, em còn thấy thâm quyền diu lão thượng sĩ già về đồn kia mà. Em còn thấy chuẩn úy cướp súng colt của lão đưa cho thằng Thành nữa.”. Tôi cười: “Thế thì tao sayròi, tao có nhớ mẹ gì đâu. Có cà phê chưa mày?”. “Chưa, hẹn một giờ nữa, thâm quyền.”. Tôi đóng máy, định ngủ thêm một giấc cho đầu óc nhẹ hẳn, nhưng chợt nhớ đến một khu phố ngoại ô ở Saigon. Vợ con tôi đã về nơi đó.

“Em hãy về Saigon, về lúc này là hơn. Anh cũng muốn được rảnh tay chiến đấu, được đóng trọn vai trò của mình trong cuộc chiến.”

Nàng im lặng nghe lời. Và tôi biết rằng nàng đã chôn giấu những giọt nước mắt buồn. Sáng nay, nếu đi hành quân, chắc sẽ gặp nhiều vũng nước mưa trong suốt như nước mắt. Nhớ mùa mưa nào đi hưởng hạnh phúc ở một thành phố cửa biển, nàng vẫn vén cao ống quần nhúng trọn cả hai chân xuống vũng nước bên bờ đá, mắt cười: “Anh ngắm đi, chân em xinh không, no tròn, anh thèm không?”. Để thấy tôi cười cầu tài: “Thèm đứt đi ấy chứ”. Nghĩ ngợi làm tôi thiếp đi được một lát, nhưng lại chợt tỉnh dậy trong cơn mơ nào lạ, hình như có vợ tôi, vài người lạ mặt ở trên một chuyến xe ngựa, đi ra ngoại ô thành phố. Từ lúc đó, giấc ngủ mới thật sự không trở lại nữa. Không có hy vọng gì làm một người thái cổ hoang mang trước tảng đá lăn, tiếng thác đổ, để thu mình vào trong một hang hốc vui thú với một người đàn bà. Tôi cần có mùi hương thơm nhẹ, mùi phấn thoảng trên da, trên tóc ngọt bùi... Vậy mà sao tôi lại đến đây? Tôi lớn lên từ một khu rừng hẻo lánh, qua một vùng sa mạc vàng rực, chỉ có bóng dáng của lạc đà thổi sao?... Nhớ sớm nào, anh rời Saigon lên chốn địa đầu quê hương này, em phải dậy từ ba giờ sáng, sửa soạn cho anh hành lý. Rồi em đưa anh ra đầu ngõ. Đưa anh ra đầu phố. Em vẫn mặc chiếc áo mỏng, không đủ ấm vì vội vã. Lúc anh sắp bước lên taxi, chúng mình hôn nhau vội vã. Nói một tiếng cũng vội vã: “Aurevoir”. Em trở về với con hãy còn ngủ ngon, thương quá. Lúc ra khỏi nhà, anh đã kéo màn lên hôn vào trán nó. Chúng ngủ say, ngon lành, thương quá. Khi đó, trời còn tối, đèn đường còn sáng lạnh trên mặt nhựa ẩm ướt sương. Chiếc xe lao mình thật

nhANH...đưa anh qua cầu, hướng về phía phi trường...

Tôi chợt thấy một niềm vui trào dâng trong lòng lẫn với ít nhiều buồn tủi. Kể từ khi lấy nhau, chúng tôi đã đi tới một vùng đất mới. Dù ở đâu, chúng tôi vẫn là những kẻ đi xa, thật xa. Và tất cả mọi liên hệ thân thuộc, để khỏi phải phơi bày với họ nỗi túng thiếu của mình. Chúng tôi đã đến vùng, mà vinh nhục của chúng tôi cũng không một người thân nào biết đây là đâu. Vinh chúng tôi biết, nhục cũng chúng tôi biết, cũng chỉ chúng tôi chôn giấu trong lòng. Xin từ chối mọi sự thăm viếng. Xin cha mẹ, xin anh em đừng nhớ gì, đừng nhắc gì đến đời sống chúng tôi nữa. Xin chẳm dứt thật sự cái liên hệ hờ hững đó, cho chúng tôi được êm ả tách bển, đi biệt vào vùng đồi núi cô độc của chúng tôi. Sự sống cũng như sự yên nghỉ, chúng tôi muốn thu xếp một cách lặng lẽ. Chúng tôi đã khởi đầu cuộc sống, khởi đầu mọi tham dự, từ một con đường bụi cuốn cao định mệnh như thế nào? Biết làm sao khi những người yêu nhau không có nhà để ở, không có tiền mua rượu mời an hem bè bạn, không có nhiều thứ khác mà xã hội bắt họ phải có đủ thứ hết. Có lẽ xã hội không tốt gì với họ, mang thùng buộc vào chân họ, mang lưới chum vào đầu họ, và mang bộ da đười ươi khoác lên mình họ,... Và rồi chúng ta cũng phải biết khoác bộ da đười ươi, để làm những điều mà nếu còn khoác bộ áo người chúng ta không thể nào làm được!

\*\*\*

Con mưa chợt trở về khi trời dửng sáng. Tôi vừa bỗng thấy mình rơi vào một trạng thái xa lạ nào. Có một chút bã buồn. Có một chút trống rỗng. Có một chút bực dọc. Có một chút mệt mỏi. Qua khung cửa hăm, tôi thấy trong tâm mắt những bức tường rêu xám xịt, những mái tôn lác lõng mấy cành cây khô rớt, những hàng rào kẽm gai đã cũ,... Và thế là ngày lại bắt đầu. Tôi chợt thở dài nghĩ ngợi: “Đó, ngày đã đến rồi đó, làm sao bây giờ đây em? Anh sống làm sao đây em? Đây sự sống đâu? Sinh lộ của anh rẽ đâu rồi? Sao chúng mình lại cách nhau những cánh rừng dài? Sao chúng mình đi qua được những đèo khỏ một cách tài tình đến vậy?”.

Trong một phút cố gắng, tôi vươn vai ngồi dậy, và đập vào lão thượng sĩ già:

“Thôi, dậy đi cha ơi!”

Lão mở mắt, há hốc miệng ngáp:

“Đ.M., say một bữa thích quá. Đêm qua, lão đại cần câu qua người quan, quansay, quan đốc biết gì cả!”

Tôi đập lão:

“Bố tiên nhân cái lão già khốn nạn này!”

Lão cười ha hả.

“Ngủ nữa đi quan ơi, mưa bỏ mẹ đi, hôm nay cho lính ngh3 hết, nghỉ trọn ngày. Lão thường vụ này chịu chơi rồi, quan ơi!”

“Đ.M., có lệnh mở đường cho mai bạc vào thăm đồn bây giờ đó, thường vụ ơi!”

“Thì quan dẫn lính đi, chớ lão có đi đâu!”

Tôi chửi lão:

“Bố cái lão già bẻm mép. Thôi dậy kiểm lý cà phê cho tỉnh ngủ chớ! Mơ suốt đêm, ướt nhẹp cả quần rồi, còn chưa chán sao?”

“Mẹ kiếp, muốn ra áp thăm em Minh thì nói toạc ra, còn kiểm cà phê cà pháo! Già này biết quá mà!”

“Ôi cái lão già bày đặt quá! Già rồi mà còn lảm chuyện!”

Lão cười hình hích:

“Mùi rượu bay thơm quá!”

Tôi chỉ còn biết lắc đầu. Nước dột đã tràn lên gần hết diện tích sàn hầm, mầu nước đỏ ngầu, lều bều rác rưởi, đồ mửa,... ngó phát lợm giọng. Đây là một trường hợp chiến tranh trên quê hương nghèo khổ, lảm tàn tích, lảm chủ nghĩa, lảm người ngoại quốc. Hơn lúc nào hết, bây giờ chúng tôi phải chiến đấu anh dũng trong những điều kiện eo hẹp. Đôi khi làm chúng tôi chán nản, vùi đầu vào những cơn say vô vị. (Đài phát thanh chợt loan tin chiến sự. Chúng tôi lắng nghe. Ngày hôm qua đoàn công voa của lực lượng Hoa Kỳ, di chuyển trên Quốc Lộ Mười Ba đã bị địch phục kích khoảng mười lăm cây số nam An Lộc, tỉnh Bình Long. Sau mười phút giao tranh ác liệt, địch đã bỏ lại 5 chết. Lực lượng Đồng Minh tịch thu 3 AK, 1B40. Riêng bạn có một hy sinh và hai xe bị hư hại 50%). Những tin

ngắn như thế, tôi nghĩ, như những kết luận của những vở kịch. Thảm kịch? Thảm kịch của quê hương? Một vở kịch lớn mà tất cả mọi người cùng sắm vai, những vai trò đều mang tính cách của định mệnh đang tiếp diễn? Và vai trò nào chẳng dùng tới thủ đoạn? Cuộc đời là đấu trường của các thủ đoạn cá nhân? Quê hương chiến tranh là đấu trường của tập thể chính trị? Tất cả đang bị đắm chìm không lối thoát trong một cơn mưa... Chúng tôi đang là các cá nhân trong tập thể đông đảo đó: Những cá nhân mê muội nhất.

\*\*\*\*\*

Thằng Vụ đem đến trả tôi cây colt và giầy nịt đạn, mà bữa qua khi tôi gục xuống tấm gỗ này, nó đã tháo ra cho tôi nằm khỏi cần bụng. Đồng thời với một tấm bản đồ, trên đó ông Trung úy Đại Đội Trưởng đã vẽ sẵn phông đồ cuộc hành quân hôm nay. Nó nói:

“Chuẩn úy và thượng sĩ dậy uống cà phê là vừa. Mưa cũng ngớt hạt rồi.”

Tôi hỏi:

“Chuẩn bị bữa cơm chín chưa?”

“Thưa rồi, lâu quá mới thấy chuẩn úy say.”

Tôi cười:

“Tại cái lão già này. Hôm nay đi chắc bết lấm đây. Xem nào.”

Tôi ngó vào tấm bản đồ. Chỉ có một mục tiêu duy nhất. Sóc Xoài. Chắc có kho vũ khí hay lương thực gì đây. Một đại đội thứ hai sẽ đi bọc lên làm tuyến án ngữ cho đại đội tôi vào lục soát mục tiêu. Đã nhiều lần hành quân vào đây và lần nào cũng có kết quả, cũng kiếm được một vài cái huy chương cho anh em binh sĩ, hoặc một mớ tiền thưởng của ông Tiểu Khu Trưởng về nhậu chơi. Tôi đẩy tấm bản đồ vào chỗ lão thường vụ:

“Chín giờ đến tuyến xuất phát này cha. Dậy tập hợp đại đội đi thôi! Ông muốn uống cà phê không có đường hay sao mà còn trườn trải ra đây.”

Lão kêu lên:

“Ôi cái thân già này còn khổ đến chừng nào đây? Lão

làm đơn xin về Biên Hòa rồi, chắc có kết quả ngày gần đây. Miền cao su lắm nhựa, dính chặt quá.”

Lão cúi kiểm giày, nhưng tôi thấy đôi giày bốt đồ xô của lão đã chìm ngập trong nước bùn, nằm lẫn với đồng cơm, thịt, rượu mà lão đã mửa ra trong đêm. Tôi mặc kệ lão và thoát ra khỏi căn hầm. Cơn mưa mới tạnh, trời bắt đầu sáng rõ, sương mù trên những cánh rừng đang tan loãng. Tôi đánh răng rửa mặt, và đón nhận ly cà phê trong tay thằng Vụ. Trong khi đó, lão thường vụ đang huýt còi, la hét bọn lính tập họp. Tôi nhìn vào chân lão, tôi thấy lão vn đi đôi giày bản thủ đó.

Tôi uống xong ly cà phê rồi dẫn trung đội tôi ra khỏi đồn. Đất đỏ dẻo quạnh dính chặt dưới chân giày, làm bước đi trở nên mệt nhọc, chậm chạp, nhưng tôi chợt thấy hứng khởi! Hình như sau một cơn say, tôi đã bôi xóa được những thói quen nhàm chán cũ, đã có một phần nào đổi thay tốt đẹp hơn trong đời sống tôi. Phải chăng say cũng là một cách yêu thương cuộc đời? Và một cách nhìn ngắm thân thể mình?

Khi trung đội ra tới bìa rừng, tôi lớn tiếng:

“Đi thưa ra! Đi sâu và bám vào cây!”

Chúng nó dừng lại, làm theo lệnh tôi. Tôi hài lòng đứng ngắm. Thằng Thành lại bên, tôi cầm lấy ống liên hợp máy C10:

“Đào nguyên, đây Một gọi.”

“Nghe phát thẩm quyền.”

“Hỏi hai mai cho đi cặp suối hay xuyên rừng, trả ời?”

Một lát.

“Cứ đi xuyên rừng, thẩm quyền.”

“Nhận được, nhưng xác nhận lại đi, khu rừng nào có mìn bẫy, có chông? Nguồn tin cảm tình viên cho biết, trả lời!”

“Cứ đi chuyển thẳng đến mạnh mẽ tư tưởng (mục tiêu), không có ghi nhận trở ngại nào hết, thẩm quyền.”

Tôi buông máy, bình tĩnh tiếp tục lộ trình đã được ấn định. Càng đi sâu vào lòng rừng, càng cảm thấy không gian lạnh lẽo. Đầu óc đã hết nặng nề, hơi thở đã hết mùi rượu. Và tôi nghĩ, sau cuộc hành quân, mình vẫn có thể ngồi vào một bàn rượu thịt khác. Tôi nhớ đến lão thường

vụ già trông coi đồn bót ở nhà, không biết lão có mong ước, một con bò thui treo trên một cái xà nào đó ở giữa sân trại, với những thùng lade đá bọt, anh em chúng ta uống bằng các ca lớn, dưới ánh nắng mặt trời chiều nay, sau khi tịch thu được một kho vũ khí đạn dược của địch ở Sóc Xoài, mục tiêu chúng ta đang tiến đến đây? Tôi cười với ý nghĩ mình, tưởng như đây là đoàn quân trung cổ của Thành Cát Tư Hãn, đang trên đường chinh chiến? Thú thật, trong tâm hồn tôi, sao chợt nhiên nghe vang nhạc ngựa, nghe vang tiếng trống dồn giục giã...

\*\*\*\*\*

Nhưng buổi chiều, chúng tôi trở về đã không có gì cả. Chỉ có mồ hôi thấm ướt lưng áo. Chỉ có những bi đống nước đã cạn... Chúng tôi ngồi trên các nóc hầm, các vỏ thùng đạn, lơ đãng nhìn quanh. Cảnh rừng chiều đã nhuộm màu âm đạm, lá cờ bay theo gió nhẹ, mây trôi thật chậm về một chân trời nào, ánh nắng nhạt thêch sắp tắt ở bên kia cánh rừng. Không có gì vui đến với những khuôn mặt kia, sự trì độn lâu ngày đã làm chúng mất hết vẻ sinh động. Cả tôi cũng vậy nữa, tôi đã tưởng tượng thấy cái vẻ đờ đẫn của tôi, nơi khuôn mặt của thằng Thành, thằng Vụ,... Khi chúng tôi tiến vào Sóc Xoài, trời đã xế trưa, và chúng tôi không gặp một lực lượng chống cự nào cả. Dân ở đó gồm một nhóm người Thượng ngơ ngác nhìn chúng tôi, có lẽ họ cũng ngơ ngác như vậy khi nhìn Việt cộng vào sóc đêm qua? Lực soát kỹ, chúng tôi chỉ thấy những dấu vết chứng tỏ địch đã có mặt ở đó, và chúng mới di chuyển đi không lâu. Tin tình báo hơi chậm và Tiểu Khu phản ứng cũng trễ nữa. Do đó, chúng tôi trở về đồn không có gì cả. Một lần trở về mệт mội, rã rời, vô vị...

Tôi chợt thấy vô vị thật sự trong một buổi chiều như thế này ở đây. Tôi nghĩ đến gia đình, đến thành phố đầy đèn sáng, rất đùng đùng. Tôi nghĩ đến Mộng, người tình đầu đời, giờ không biết ở đâu, một cách rất bình yên. Và tôi cũng vừa chợt nhớ tới Minh, người góa phụ trẻ ấp Tân Hưng, mới bước vào cuộc sống tôi ít ngày nay, cũng với

một cách ... rất vô tình. Tôi thấy ngày tháng với từng buổi chiều đang đi qua những cánh rừng âm thầm và lặng lẽ. Tôi thấy đời người ở miền trời này gắn liền với rừng cây trĩu trĩu, với lũng sâu bóng tối. Tôi không thấy gì vui. Trong ý nghĩ đó, tôi nhìn lên và tôi thấy mơ hồ một bóng giáo đường. Sao không có hồi chuông nào giống lên trong chiều nay? Sao không có một động lực nào thúc giục tôi tìm đến? Tôi bỗng thềm nghe một hồi chuông. Ước gì có một hồi chuông rộn rã trên các đồi rừng này, trên đời sống buồn bã tôi? Hình bóng một giáo đường cao ngất vừa hiện ra đã trôi đi hun hút vào những tầng mây mờ tối. Vẫn không có một hồi chuông nào vọng tới. Tôi thềm nghe hơn bao giờ hết, tôi thềm nghe như ước vọng cuối cùng của một tên tử tội.

Nhưng tôi đã hoàn toàn thất vọng. Tôi chỉ nghe thấy tiếng còi ré lên của lão thượng sĩ thường vụ tập hợp tiểu đội đi kích. Tôi châm một điếu thuốc, và theo dõi lão già kiểm soát toán lính. Tôi trở về đời sống thực tế tôi: dùng cơm chiều với thằng Thành và thằng Vụ, uống ly cà phê cũ thứ hai trong ngày. Giấc ngủ thường đêm vẫn thao thức khi không có rượu uống mềm môi. Câu chuyện tình đau thương của thằng Thành nó kể còn dở dang, chưa hết. Tôi sẽ được nghe hết trong đêm nay hay trong một đêm mai. Đêm khác đến chuyện thằng Vụ. Đêm khác nữa, đến chuyện tôi. Và cứ thế, chúng tôi hút thuốc, uống cà phê, thao thức, đếm tiếng đại bác 155 ly bắn đi từ căn cứ Đồng Minh trong Quận Lợi. Tiếng nổ của nó ở ngoài rừng vọng tới căn hầm tôi âm u không thoát.

(Trong tập Quốc Lộ Mười Ba, đã đăng trên tạp chí KHỞI HÀNH số 73, ngày 1.10.1970).



## VIÊN ĐẠN ĐỊNH MỆNH

(nguồn: Khởi Hành số 154)

**C**on mưa chợt đến. Cánh rừng đang trong xanh, đang mát mát, tối sầm lại đột ngột. Mặt trời lặn mất. Tôi trốn cơn mưa, bước vội vào phòng thuyết trình hành quân. Một tiếng kêu lên nghe quen (quen ở đâu đó, trong một quãng đời nào đã xa).

“Trung úy ở đây?”

Con mưa đã bắt ngờ đẩy tôi đứng cạnh Ngàn.

“Ngàn cũng ở đây?”

Nàng cười nhẹ.

“Thôi, tôi hiểu rồi, với ai vậy?”

“Trung úy Phúc.”

“Trung úy Phúc về hậu cứ trung đoàn trưa nay...”

Chắc Ngàn mới tới đây hỏi chiều?”

Nàng nhìn tôi, ánh mắt muốn biểu lộ một điều gì.

“Tôi biết, nhưng tôi tới đây với anh. Qua câu chuyện với Phúc, tôi biết anh ở đây, nên chiều nay... Anh có lấy gì làm lạ không?”

“Tôi hiểu, nhưng đầu sao thì đây cũng là sự tình cờ của định mệnh hơn là tìm kiếm.”

“Có gì lạ đâu, tôi vẫn còn nhớ cả.”

Mưa đã đổ xuống ào ạt, reo mạnh trên mái tôn, làm mờ cánh rừng trước mặt. Tôi không còn nhìn, không còn nghe gì hết. Chúng tôi im lặng. Một vài người trong phòng đi chuyển lạng lẽ, không gây tiếng động. Giờ thuyết trình đã qua. Mấy hàng ghế đã mật thứ tự, nằm rỗng không, lạnh lẽo. Tôi kéo một chiếc ghế mời Ngàn ngồi. Nàng giấu

chiếc chân gỗ trong gầm ghế. Tôi nhận ra điều đó, ái ngại. Chúng tôi tiếp tục câu chuyện khi mưa ngớt hạt.

“Đã từ lâu, tôi không được biết Ngàn thay đổi thế nào.”

Tiếng Ngàn trong cổ họng:

“Một lần đi qua cũng đủ biết rồi tôi sống như thế nào.”

“Ngàn... Ngàn muốn nói gì?”

“Tôi nhớ đã tâm sự với anh rồi... Tôi là con ngựa què...”

Những tiếng “con ngựa què” nhỏ dần và lẫn vào trong mưa. Phải, kể cũng lâu lắm, kể từ ngày nàng nhập viện lần thứ nhì thay cái chân gỗ mới, có lò xo cho tiện đi đứng, cử động hơn. Dễ cũng đã hơn hai mùa mưa. Và trí óc của một người xông pha chiến trận không dám chắc mình nhớ đúng được điều gì. Vì những kỷ niệm êm đềm đã bị những vùng khói lửa che khuất, cũng như những mơ tưởng đã vội quên vùi bởi cảnh tượng chết chóc và súng đạn thô bạo. Ngàn đã trở thành một nét phác trong số hình ảnh hỗn độn gây đổ đó. Trong một cơn mưa âm thầm kéo dài từ chập tối, không lúc nào ngớt, Ngàn ôm quyển sách kinh, đứng mãi ở nhà thờ Tin Lành chờ tạnh. Mưa vẫn không ngớt. Ngàn kiên nhẫn chờ đợi trong hy vọng, một lúc nào đó, hạt mưa sẽ nhỏ dần và thưa hơn, để băng qua con lộ. Bỗng súng nổ bốn phía chung quanh, khắp cả. Mới đầu là búa vây, sau đó là vồ chụp. “Tôi hét lên, không biết lúc đó, tôi đã băng qua con lộ chưa, hay vẫn co ro đứng ôm quyển sách kinh ở cửa nhà thờ? Viên đạn định mệnh nào đã giết đời con gái của tôi? Tại sao người ta lại bắn nhau ở trong khu phố đó? Vô lý quá. Tôi không tài nào hiểu được. Và tôi đã trở thành con ngựa què giữa lòng cuộc đời.”

\*\*\*\*\*

Trời mưa lớn chừng một giờ mới tạnh hẳn. Về quang đăng sáng sủa đã trở về với cánh rừng ngút mắt. Hình như mặt trời chiều vừa ra khỏi đám mây che, nhưng chắc đã chìm sâu ở chân núi nào, những tia sáng cuối cùng của nó chỉ đủ chiếu lên một khoảng rừng, một khoảng nền trời. Đại đội đi “ăn đêm” ở ngoài bia lô cao su đã bắt đầu

di chuyển lặng lẽ chậm chạp khỏi căn cứ. Ba lô nặng vai, súng cầm tay, mũi súng chúc xuống đất. Chúng tôi cùng nhìn ngắm họ.

Ngàn nói:

“Trông họ hào hùng quá. Vậy mà không biết sống, chết, tàn tật, què quặt lúc nào. Như tôi đây... nhưng thôi, chả nên nhắc tới làm gì nữa. Chỉ thêm ngậm ngùi, vô ích.”

Tôi thở dài:

“Ngàn nghĩ thế là phải. Con mưa đã làm chúng ta gần gũi với quá khứ. Một thứ quá khứ đau buồn, nên quên đi thì hơn. Cũng đừng sống tình cảm quá, kẻ nào sống nhiều về tình cảm sẽ chết về bệnh đau tim.”

Ngàn buồn rầu:

“Nhưng nào quên được? Vết thương trên thân thể này như một tàn tích, cái chân gỗ, vâng, cái chân gỗ ám ảnh tôi từng ngày, từng tháng, suốt đời...”

Tôi tưởng Ngàn khóc. Nhưng không, hai con mắt đá đen vẫn chìm lặng. Chiến tranh không chữa ai, không để ai đứng bên lề. Ngàn có lúc nào thôi hận thù và tìm được một lý do để bình tâm bước xuống cuộc đời? Nàng gặp Phúc bao dung ở đâu đó.

Tôi hỏi:

“Còn Phúc?”

“Phúc chỉ có nghĩa là một người hiện đi qua đời sống tôi. Không biết chàng sẽ đi khỏi lúc nào. Cũng như anh trước kia vậy.”

Ngàn như chợt xúc động vì đã vô tình khơi dậy những tro than. Nàng duỗi chiếc chân gỗ ra mà từ nãy vẫn giấu trong gầm ghế, nhìn vào nó. Có lẽ nàng đang đau lòng lắm. Hẳn đã nhiều lần nhỏ lệ xót thương nó. Cái chân giả cũng đi vớ nâu nhạt, mang giầy đen như chân thật, nhưng ai cũng có thể nhận ra chân giả khô cứng, đã chết.

“Tôi là một nhà ga miền núi, nói như tiểu thuyết, con tàu nào cũng có thể ghé qua trong mỗi cuộc hành trình. Quả thật, tôi bắt chước tiểu thuyết để sống... Anh đã ghé qua nhà ga đó lần đầu tiên trong số kiếp nó, chỉ một lần, không bao giờ trở lại nữa. Chờ mãi... mơ mãi... nhà ga thành một địa danh của tiểu thuyết từ đây. Tôi không trách anh, không trách ai hết, kể cả kẻ vô danh nào đó đã tặng

viên đạn định mệnh cho tôi.”

\*\*\*\*\*

Chiều đã xuống thấp. Những người lính cuối cùng thuộc đơn vị đi kích vừa khuất dạng ở cổng trại. Cái bốt gác in hình lên nền cây rừng, cô độc, xiêu đổ. Ngàn vừa tâm sự, tôi ngậm ngùi:

“Trước khi Ngàn đứng ở cửa nhà thờ chờ cơn mưa dứt, tôi đã nhìn ngắm Ngàn. Không ngờ viên đạn ác nghiệt lại là viên đạn của định mệnh. Sau đó, tôi ra đi, và như Ngàn biết đây, chiến tranh kéo dài đến bây giờ vẫn chưa dứt. Gặp lại Ngàn, mừng cho nhau vẫn còn sống được.”

Ngàn nhìn đăm chiêu vào cái bốt gác và cánh rừng:

“Vâng, gặp lại anh... Ngàn cũng chỉ muốn nhắc nhở với anh kỷ niệm ấy, trước khi em đứng chờ cơn mưa không dứt, Em đã thấy ánh mắt anh... Bây giờ, thực ra đã từ lâu lắm, em không dám nghĩ đến tình yêu... Tình yêu như một sa mạc, một sa mạc mưa bão, không người đánh xe nào dám khởi hành để đưa em tới đó. Em đã bình yên ở lại với tháng ngày quên lãng, anh Định?!”

Im lặng. Tôi đẩy câu chuyện đi hướng khác.

“Tôi nay, Ngàn ngủ đâu?”

“Chỗ của Phúc... Còn anh?”

Tôi cười:

“Tôi chỉ có cái võng, mắc lên hai cái xà nào đó, ở khu nhà dưới kia. Tôi vẫn sống một đời cô tịch trên những chặng đường dài nên rất giản dị.”

“Còn em, em sống những ngày tháng chết... nên em đi người không trong suốt cuộc đời.”

Tôi thở dài:

“Tôi không ngờ định mệnh lại như vậy. Nghĩ cho cùng, định mệnh nào cũng ác nghiệt, cũng đẩy chúng ta đi... nhưng rồi cũng phải đến chỗ tận cùng, giới hạn. Ngàn hãy tin đi, thế nào rồi cũng có ngày...”

Tôi ngậm ngừ... ngày gì đây? Ngày hòa bình cho nhân loại, ngày tươi sáng cho đời Ngàn hay ngày... Tôi không tìm thấy một ngày nào hết trong những cánh rừng dài này, trong những buổi chiều mưa mù ở miền trời này.

“Ngàn còn đến đây làm gì?”

“Em còn những giọt lệ cuối cùng, anh Định... Em

vấn đề dành trong khóe mắt. Em muốn được khóc lần này cho hết, anh Định...”

(Trong tập QUỐC LỘ MUỖI BA, đã đảg trên tạp chí KHỒI HÀNH số 154, ngày 24.5. 1972. Và đảg lại trên VĂN MIỀN NAM tập Một, Thư Ân Quán HOA KỶ, 2009 )

## HOÀNG NGỌC HIỂN

### EM CÓ VỀ “CÒN PHƯỢNG” ?

Hồi đầu thập niên 1960, tôi dạy học tại một trường Trung học thuộc tỉnh lỵ Long Xuyên, nơi có “dòng An Giang sông sâu sóng biếc” như nhạc sĩ Anh Việt Thu đã diễn tả. Tôi dạy môn Sử Địa và phụ trách giáo sư hướng dẫn lớp Đệ Tam A. Vào dịp gần tết nguyên đán, học sinh lớp này tổ chức một buổi du ngoạn tại Cồn Đất. Cồn Đất là một bãi đất nổi ở khoảng giữa dòng An Giang, ven thị xã. Đi sang cồn bằng thuyền nhỏ. Ở đây có một vài con thuyền đưa khách khi cần, khách lên tiếng gọi, thuyền bên cồn sẽ sang đón khách. Số học sinh tham gia hơn hai chục em, nữ sinh nhiều hơn nam sinh. Số giáo sư tham dự gần mười người, nam nhiều hơn nữ. Trưởng lớp Đệ Tam A là trưởng ban tổ chức. Tôi là giáo sư cố vấn.

Hôm ấy, một ngày đẹp trời như mong đợi của mọi người. Mục đích cuộc du ngoạn chỉ là vui chơi ngoài trời, có mang theo một cây đàn cho ca hát, nhiều món ăn chơi giản dị như bánh mì giò chả, xôi gà rô-ti, nước ngọt, bánh kẹo,.. Gọi là đơn giản, nhưng thật ra gồm toàn những món ăn ngon, thứ thượng hảo hạng, bởi người bỏ tiền ra chỉ là em nữ sinh trưởng lớp, con của một thương gia giàu có ở tỉnh Long Xuyên. Chúng tôi tập hợp ở bên sông vào lúc chín giờ sáng. Đến mười giờ, đoàn đã qua được hết bên cồn rồi. Thuyền nhỏ, chỉ gọi được có hai chiếc, mỗi chiếc chở được bốn người.

Chúng tôi tụ họp dưới một gốc cây cổ thụ, cây phượng già, mới đầu tôi không rõ là cây gì. Tôi hỏi các em học sinh. Một em lên tiếng trả lời: Thừa thầy, cây phượng. Ở Cồn Đất này, có nhiều cây phượng lắm. Mùa hè, phượng nở đỏ rực cả cồn. Đẹp lắm thầy. Em nữ sinh trả lời tôi, chính là em trưởng lớp, tên là Phan Thị Hoàng Việt. Thế mà ở Long Xuyên mấy năm rồi, tôi vẫn không biết. Tôi

nói:

“Thế à ? Mùa hè tới, tôi sang còn xem phượng. Tôi thích màu hoa phượng”.

Hoàng Việt nhìn tôi mỉm cười. Ở gần cây cỏ thụ, có một quán nước, bán cà phê nước ngọt, bánh trái và hàng tạp hóa. Một em nam sinh vào tiếp xúc, mượn được một bộ bàn ghế. Các đồ ăn thức uống được đặt hết trên bàn. Các em mua cà phê đá và nước đá chanh cho các giáo sư. Tôi chọn cà phê đá. Buổi du ngoạn có được tính chất tự do thoải mái, có thể sinh hoạt tập thể, hoặc chia ra từng nhóm, hoặc cá nhân. Cũng tự do ăn uống.

Mở đầu chương trình văn nghệ mà các em gọi là “văn nghệ bỏ túi”, một em nữ sinh hát bản “Dòng An Giang” của nhạc sĩ Anh Việt Thu. Tuy là một giọng ca tài tử miệt vườn, nhưng đối với tôi, chưa bao giờ tôi được nghe một ca sĩ thứ thiệt nào hát bài ấy hay hơn, gây nhiều cảm xúc hơn. Có thể hôm ấy, người nữ sinh ca sĩ này xuất thân, đem cả hồn mình chuyên chở bài ca, đem cả trái tim mình yêu thương dòng sông của quê nhà ? Hoặc là lòng tôi nhìn cảnh sông nước hữu tình, nên cảm thấy hay tuyệt như vậy?!

Cứ vậy, niềm vui này tiếp niềm vui khác. Buổi trưa, các em học sinh mới lên tiếng mời các giáo sư tham gia chương trình văn nghệ bỏ túi này. Một em nam sinh nhìn tôi gợi ý: “Thưa thầy Hiền, thầy dạy Sử Địa tụi em. Hôm nay, thầy có thể nói cho tụi em nghe về một câu chuyện nào đó liên quan đến Sử hay Địa không thầy”. Dĩ nhiên tôi không thể từ chối. Nhưng chọn đề tài gì thích hợp mới là việc khó. Sau vài phút suy nghĩ, tôi nói:

“Được chứ. Hiện giờ chúng ta đang ở trên mảnh đất phương Nam mà công lao tiền về phương Nam, mở mang là của các chúa Nguyễn. Vậy thì tôi nói về công nghiệp của các chúa Nguyễn này. Được không?”.

“Tất nhiên là được rồi, thưa thầy. Đề tài của thầy hay đấy. Xin thầy bắt đầu ngay đi”, một em lên tiếng cổ vũ.

Tôi vào đề tài:

“Sở dĩ tôi muốn chọn đề tài này vì có chín đời chúa Nguyễn, mà chúa thứ chín, Chúa Định Nguyễn Phước

Thuần (1767-1777) đã bị nhà Tây Sơn bắt tại vùng đất này, Long Xuyên. Đã từ lâu, tôi muốn tìm hiểu xem chính xác là địa điểm nào thuộc Long Xuyên? Biết đâu, chẳng là ở nơi Cồn Đất này? Cồn Đất hẻo lánh, ít người, nằm chơi vơi giữa dòng An Giang, có thể là một nơi ẩn trốn an toàn? Vì sao nhà Tây Sơn có thể tìm ra nơi ẩn trốn của Chúa Định, mà mang quân vây hãm, bắt sống được? Cồn Đất mà bị vây hãm, làm sao thoát được? Sử chép rằng Nguyễn Phước Thuần đã bị Nguyễn Huệ nhà Tây Sơn giết hồi tháng Mười năm Đinh Dậu 1777 tại chùa Kim Chuông ở Saigon. Chùa này nằm trên đường Cống Quỳnh, trong thành Ô Ma cũ dưới thời quân Pháp chiếm đóng. Cùng bị bắt tại Long Xuyên với Chúa Định, có người cháu tên Nguyễn Phước Dương. Dương bị giết ngay tại Long Xuyên. Dương là anh họ của Nguyễn Phúc Ánh, lúc đó Nguyễn Phúc Ánh cũng ẩn trốn ở Long Xuyên, nhưng trốn thoát được, chạy ra Quảng Nam rồi vào Gia Định, sau đó mượn lực lượng của Xiêm và Pháp, đánh bại nhà Tây Sơn, lên ngôi hoàng đế năm 1802, niên hiệu Gia Long.

Nói đến các đời chúa này, tôi phải bắt đầu từ đâu đây? Theo “Quốc Sử Quán triều Nguyễn”, ông thủy tổ gia đình các chúa này là Nguyễn Bặc, ông Bặc giữ một chức vụ quan trọng trong triều đình. Một hậu duệ của Nguyễn Bặc là Nguyễn Kim sinh năm 1468. Từ Nguyễn Bặc đến Nguyễn Kim trải mười ba đời. Nguyễn Kim có ba người con. Người con trai út là Nguyễn Ưông bị Trịnh Kiểm giết. Lúc này, Trịnh Kiểm đang làm Tông Quản Lý hoàng cung của Vua Lê Anh Tông. Kiên lấy người con gái đầu lòng của Nguyễn Kim là Ngọc Bảo. Nguyễn Hoàng, người con trai thứ hai, sợ quá, bèn nhờ chị Ngọc Bảo xin với Trịnh Kiểm cho vào trấn đất Thuận Hóa.

Về chuyện này, Nguyễn Hoàng đã sai người thân tín đến Hải Dương xin ý kiến của cụ Trạng Trình... Cụ Trạng Trình là ai? Tôi xin được nói qua một chút để các em nhớ lại về cụ Trạng Trình. Cụ tên là Nguyễn Bình Khiêm, người thôn Trung Am, làng Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo, tỉnh Hải Dương, đậu trạng nguyên năm 1536, được phong chức Trình Tuyên Hầu, rồi nhậm chức Thái Phó Trình Quốc Công, Lại Bộ Thượng Thư đời Mạc Đăng Doanh (1530-



1540), nên người đời thường gọi cụ là Cụ Trạng Trình. Cụ dâng sớ hạch tội mười tám lộng thần trong triều, không được Mạc Mậu Hợp nghe theo, nên cụ cáo quan về quê ở, lập am, hiệu là Bạch Vân cư sĩ. Cụ để lại cho đời cuốn “Đồ Thư” rất khó hiểu. Cụ viết về cái học lý số, cụ gọi là Đồ Thư một quyển nhà làm của! Nói sâu về cụ Trạng, đó là một đề tài khác, xin được hẹn các em vào một dịp khác

Tôi trở lại đề tài các chúa Nguyễn. Khi người thân tín của Nguyễn Hoàng đến xin hỏi cụ, cụ không trả lời, chỉ quay lại nói với người trong nhà: “Thờ Phật thì được ăn oản”, rồi cụ nói: “Hoành sơn nhất đái vạn đại dung thân”. Nhờ hiểu ý cụ Trạng, Nguyễn Hoàng xin đi Thuận Hóa. Đó là vào năm 1558, Nguyễn Hoàng được bổ nhiệm Tổng Trấn xứ Thuận Hóa. Năm 1613, Nguyễn Hoàng chọn Huê làm kinh đô. Huê là chữ Hóa đọc trạnh ra thành Huê. Nguyễn Hoàng thọ tám mươi chín tuổi mới mất. Ông có sáu người con, bốn người con đầu đã mất. Người con thứ năm làm quan ở Bắc. Chỉ còn người con thứ sáu ở bên, lên kế vị, đó là Chúa Sãi Nguyễn Phước Nguyên. Vậy nên, ta có thể kê theo thứ tự chín đời Chúa Nguyễn như sau:

Chúa Tiên Nguyễn Hoàng (1558-1613), tại ngôi 56 năm, thọ 89 tuổi.

Chúa Sãi Nguyễn Phước Nguyên (1563-1635), tại ngôi 22 năm, thọ 73 tuổi.

Chúa Thượng Nguyễn Phước Lan (1601-1648), tại ngôi 14 năm, hưởng dương 48 tuổi.

Chúa Hiền Nguyễn Phước Tần (1620-1687), tại ngôi 5 năm, thọ 68 tuổi.

Chúa Nghĩa Nguyễn Phước Trân (1651-1691), tại ngôi 5 năm, hưởng dương 41 tuổi.

Chúa Minh Nguyễn Phước Chu (1675-1725), tại ngôi 35 năm, hưởng dương 51 tuổi.

Chúa Ninh Nguyễn Phước Túc (1696-1738), tại ngôi 14 năm, hưởng dương 43 tuổi.

Chúa Võ Nguyễn Phúc Khoát (1714-1765), tại ngôi 28 năm, hưởng dương 52 tuổi.

Chúa Định Nguyễn Phúc Thuần (1754-1777), tại ngôi 13 năm, hưởng dương 24 tuổi.

Có thể nói chúa Định chết khi còn rất trẻ, bị Nguyễn Huệ nhà Tây Sơn giết.

Tôi không thể đi sâu vào công nghiệp của các chúa Nguyễn này. Chỉ xin được nói một cách khái quát. Có thể nói các chúa Nguyễn thực hiện cuộc Nam tiến từng bước một. Dùng lực lượng quân sự đánh dẹp Chiêm Thành, đó là vùng đất từ Thuận Hóa, Quảng Bình vào đến Phan Rang, Phan Thiết. Đánh dẹp Thủy Chân Lạp, vùng đất từ Phan Thiết đến đồng bằng sông Cửu Long. Các Chúa đã đối đầu với rừng thiêng nước độc, thú dữ, muỗi mòng, sốt rét ngã nước... để khẩn hoang đất đai, biến những vùng hoang vu thành ruộng vườn, ao , lập ấp di dân. Tiến thêm bước nữa, đào kinh, cụ thể là đào sông Đông Xuyên và sông Vĩnh Tế.

Năm Mậu Dần 1818, tướng Nguyễn Văn Thoại được vua Gia Long trao cho trách nhiệm đào sông Đông Xuyên, sau đổi là sông An Giang này đây. Tướng Thoại, hay còn gọi là Thoại Ngọc Hầu, có công lớn trong việc bình định Chiêm Thành. Ông người tỉnh Quảng Nam, thuộc một gia đình công thần nhà Nguyễn, đã di dời về phương Nam, trú ngụ tại tỉnh Vĩnh Long. Ông đi theo vua Gia Long từ khi mới mười bảy tuổi. Năm 1817, ông được vua Gia Long cử giữ chức Trấn Thủ Vĩnh Thanh, gồm Long Xuyên và Cần Thơ. Ông mất năm 1829 tại Châu Đốc, thọ sáu mươi tám tuổi, mộ tang dưới chân núi Sam. Nhân dân xã Vĩnh Tế xây đền miếu thờ ông, hàng năm cúng tế, tổ chức như ngày hội lớn của . Các em hãy biết! Nhà Nguyễn nhờ có nhiều danh tướng như Thoại Ngọc Hầu, Nguyễn Hữu Cảnh, Nguyễn Cư Trinh, Châu Văn Tiếp... nên đã chinh phục và hùng cứ được phương Nam. Sau này, được phát triển mở mang thêm. Công nghiệp ấy chẳng thể phủ nhận là một công nghiệp vĩ đại hay sao? Tôi xin được nói vài lời kết. Năm 1945, Việt Minh cộng sản lường gạt giết hại nhiều người ở trong các đảng phái quốc gia, cướp chính quyền, Bảo Đại vị vua cuối cùng của nhà Nguyễn thoái vị, trao ấn kiếm cho Việt Minh, đã kết thúc chín đời chúa và mười ba đời vua nhà Nguyễn, kết thúc luôn chế độ quân chủ tại Việt Nam. Về ấn kiếm của nhà Nguyễn, đó là một đề tài

khác, xin hẹn các em vào dịp khác. Câu chuyện tôi vừa nói, còn nhiều thiếu sót, xin để lại cho các em nào yêu lịch sử nước nhà tìm hiểu, nghiên cứu bổ túc thêm. Xin cảm ơn”.

Các em vỗ tay. Tiếp theo, các em mời một giáo sư cũng dạy Sử Địa nhưng ở lớp Đệ Tam B. Ông nói:

“Tôi xin được nói về một khía cạnh của Nguyễn Phúc Ánh, niên hiệu Gia Long, lên ngôi năm 1802 sau khi đã tiêu diệt nhà Tây Sơn. Đó là khía cạnh trả thù nhà Tây Sơn rất độc ác của vua Gia Long. Chà tôi bắt đầu câu chuyện từ đâu đây?

Ngày mùng hai tháng Bẩy năm Nhâm Tuất 1802, Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi. Việc thứ nhất, Gia Long làm ngay là sai Ngô Nhân Tĩnh, Trịnh Hoài Đức đem phẩm vật và những ấn sách nhà Thanh đã phong cho Nguyễn Huệ, sang nộp cho Yên Kinh và xin cho mình làm An Nam Quốc Vương thay thế Tây Sơn. Điều đáng chú ý là vua Gia Long xin đặt quốc hiệu là Nam Việt, nhưng Càn Long nhà Thanh đổi ngược lại là Việt Nam. Có phải nước ta có quốc hiệu Việt Nam từ lúc này không? Không phải!! Mà quốc hiệu Việt Nam đã có từ xa xưa, Càn Long không biết nên tình cờ trả lại quốc hiệu cũ cho nước ta.

Tôi xin được nói qua về điểm quan trọng này. Trước đây, địa bàn gốc của Trung Quốc là vùng đồng bằng sông Hoàng Hà nằm ở phương Bắc nước Tàu. Khi đó, địa bàn gốc của người Việt ta là vùng châu thổ sông Trường Giang và Dương Tử ở phương Nam. Dân tộc Việt ở phương Nam. Việt Nam, quốc hiệu đó từ thời nhà Chu bên Tàu đã gọi như vậy rồi!! Các nhà viết sử nước ta đã ghi chép, nhưng người Tàu bao nhiêu lần xâm chiếm, đã cướp sách vở nước ta đem về Tàu, phần khác thì đốt đi, hầu muốn đồng hóa. Ngày nay, ta chỉ thấy sử nước nhà được ghi chép từ đời Hồng Bàng, gọi là nước Văn Lang. Đời Mười Tám Vua Hùng. Đến đời nhà Đinh, đổi là Đại Cồ Việt, nhà Lý đổi là Đại Việt... Nước ta hay đổi quốc hiệu nhiều lần, nhưng nói cho thật chính xác, người Việt ta ở phương Nam. Người xưa có thành ngữ: “Phương Nam hỏa đức thịnh”, tức là người phương Nam giàu lòng nhân. Khổng Tử khi dạy cho thầy Tử Lộ, đã nói về sức mạnh của người

phương Nam như sau: “Đem lòng rộng rãi, hiền hòa dạy người, dầu kẻ vô đạo cũng không báo thù. Đó là sức mạnh của người phương Nam. Xông pha gươm giáo, ôm yên mặc giáp, đó là sức mạnh của người phương Bắc” (Giáo sư Trần Lam Giang dịch). Phương Bắc tức là chỉ người Tàu. Tôi chỉ xin gợi ý, các em nên nghiên cứu Sử nước nhà, đặc biệt chú ý đến những bộ sách cổ của ta bị người Tàu cướp đem về Yên Kinh.

Việc thứ hai, Vua Gia Long cũng cho tiến hành ngay, là đem vua tôi nhà Tây Sơn ra hành tội, để trả thù xưa. Các dũng tướng nhà Tây Sơn đều bị tử hình. Trần Quang Diệu bị lột da, vợ ông Bùi Thị Xuân bị quần vải nhúng sáp nóng, cột trụ sắt, châm lửa đốt. Mấy đứa con nhỏ bị bỏ vào bao vải, đánh nát thây hoặc cho voi xé xác. Nhiều tướng Tây Sơn phải trốn vào rừng sâu, sống và chết trong đó, như Võ Văn Dũng, Nguyễn Văn Lộc, Đặng Văn Long, Phan Văn Lân, Lê Sĩ Hoàng, Phạm Công Chánh... Họ là các bề tôi trung thành, tài ba lỗi lạc, kẻ văn người võ, đã có nhiều công sức trong trận đại thắng Đống Đa quân Thanh ra khỏi bờ cõi. Công lao thiết tướng ngàn năm soi kim cổ. Riêng đối với anh em nhà Tây Sơn, Gia Long đối xử khắc nghiệt, tàn bạo hơn, ra lệnh chém tất cả dòng họ từ vua Bảo Hưng bị bắt, cho đến đứa bé mới sinh đang bị giam giữ. Gia Long nói: “Việc trả thù là nghĩa lớn của kinh Xuân Thu”. Đào mả vua Thái Đức tức Nguyễn Nhạc, cùng vua Quang Trung Nguyễn Huệ, nghiền nát xương đổ xuống biển. Sọ thì đem xiềng xích, để nơi ngục thất trong hoàng cung làm bô đi tiểu. Gia Long chủ trương nhổ cỏ tận gốc, truy tầm bà con xa gần của Tây Sơn còn lẫn tránh, hề tìm được người nào giết người nấy. Chưa hết, Gia Long còn cho người đi tìm mộ ông Nguyễn Phi Phúc, thân sinh ba anh em nhà Tây Sơn, ở thôn Trinh Tường trên dãy Hoành Sơn, thuộc huyện Bình Khê. Vùng này đã bị quan quân nhà Gia Long đào bới khắp nơi, nhưng không tìm thấy! Còn nữa, Gia Long ra lệnh tiêu hủy hết sách vở, giấy tờ, sáng tác văn học đời Tây Sơn; điển hình là bộ Lê Triều Thực Lục của Võ Xuân Hoài đã bị đốt! Hành động đốt sách này, có khác gì bạo chúa Tần Thủy Hoàng ?!..

Đất Tây Sơn có bốn môn võ là côn, quyền, kiếm, cổ,

đều bị cấm dạy, cấm lưu truyền. Côn và quyền là những thế võ sử dụng tay chân hoặc gậy. Kiếm và đao sử dụng khí giới sắc bén đúc bằng sắt, đồng, vàng; chuôi kiếm chuôi đao nạm ngọc hoặc sừng tê giác. Cỏ là trống. Đất Tây Sơn có kỹ thuật đánh trống thúc quân mà dùi trống cũng là một thứ khí giới như đao kiếm. Vua Gia Long cấm dạy, cấm học. Nghĩa là Gia Long tìm mọi phương cách hầu cho người đời không còn nhớ gì đến nhà Tây Sơn nữa! Đó là bôi xóa lịch sử. Đó là có tội với dân tộc!! Đó là lời kết câu chuyện của tôi. Xin cảm ơn”.

Chúng tôi vỗ tay hoan hô giáo sư Hưng. Sau đó, tôi xin phép giáo sư Hưng nêu ra một ý kiến nhỏ, gọi là đóng góp thêm một chút vào đề tài:

“Tôi hoàn toàn đồng ý với giáo sư Hưng, nhất là lời kết. Tôi chỉ xin, nhân đề tài này, có thêm một chút ý kiến nhỏ. Đọc sử, tôi được biết vua Gia Long có một cây kiếm, chuôi bằng sừng tê giác có nạm ngọc, được giao cho Bộ Hình để chém các tử tội nhà Tây Sơn. Sau vua Gia Long thu cây kiếm về, đặt tên là “Quy y kiếm”, mà hình như là Bộ Đại Nam Thực Lục Chính Biên, xin lỗi tôi không nhớ chính xác, có nói tới. Vậy phải chăng, có một lúc nào đó, nhà vua chùng tay? Thu kiếm về ? Nhận ra mình quá tàn bạo? Nhất là giết hại các thuộc tướng nhà Tây Sơn, họ đã là những kẻ bại trận, những kẻ ngã ngựa, không một tấc sắt trong tay? Tôi đã có nhiều cố gắng đi tìm tài liệu viết về cây kiếm , nhưng không thấy! Xin cảm ơn”.

Giáo sư Hưng ghi nhận ý kiến của tôi và khuyên các em học sinh nên có công khó nghiên cứu lịch sử nước nhà, hầu làm sáng tỏ nhiều điểm hazy còn chìm trong bóng tối, vì những kẻ Việt gian muốn xuyên tạc hoặc bôi Xóa lịch sử.

Từ bốn giờ chiều, sinh hoạt chung của các giáo sư và học sinh chấm dứt. Chúng tôi tản mát đi chơi trên Cồn. Lúc này, nơi gốc cây phượng cổ thụ, chỉ còn lại tôi và cô nữ sinh Phan Thị Hoàng Việt. Tôi ngồi hút thuốc, uống cà phê. Hoàng Việt lại ngồi đối diện tôi:

“Em xin phép được nói chuyện với thầy”.

“Được chứ. Em cứ nói tự nhiên”, tôi trả lời.

“Em biết chính xác địa điểm Chúa Định bị nhà Tây Sơn bắt sống”.

“Sao mà em biết được? Em có tài liệu?”.

“Em có tài liệu sống. Ông ngoại em nói, từ ông cố nội cố ngoại chi đó. Thầy muốn biết? Có điều kiện, thầy chịu không? Thầy chịu trao đổi không?”.

“Trao đổi? Trao đổi cái gì vậy?”.

“Thầy vừa nói tới “Qui y kiếm” và vẫn đi tìm tài liệu? Vậy khi nào thầy tìm ra được, thầy cho em hay, em sẽ nói cho thầy biết địa điểm Chúa Định bị bắt sống? Trao đổi... trao đổi tài liệu lịch sử đó thầy. Thầy đồng ý không?”.

“Tôi đồng ý”, tôi mỉm cười và đưa tay ra.

Chúng tôi bắt tay nhau, thật lâu và thật chặt. Hoàng Việt nắm chặt lấy bàn tay tôi. Khi buông tay nhau ra, tôi nói:

“Hoàng Việt à , cồn này có rất nhiều cây phượng, tại sao người ta không gọi là Cồn Phượng? Gọi là Cồn Đất, nghe giản dị, đơn sơ, mộc mạc quá? Em thấy sao?”.

“Em cũng không biết. Nhưng nếu thầy thích gọi là Cồn Phượng, thì nó là Cồn Phượng. Thầy có thích sống ở đây không?”.

Tôi trả lời:

“Yêu thích là một chuyện, nhưng thực hiện được hay không mới là điều quan trọng. Thích mà không có khả năng thực hiện thì thích mà làm gì”.

Hoàng Việt hơi nhích người lên, nhìn thẳng vào mắt tôi:

“Em nghĩ rằng thầy không muốn mà thôi. Nếu như thầy muốn thì thực hiện được. Không khó. Không khó một chút nào. Một ngôi nhà giữa một mảnh vườn đầy hoa trái, để về đây sống suốt mùa hè ngắm hoa phượng nở đỏ rực Cồn. Cồn thì thầy vẫn sống ở tỉnh lỵ Long Xuyên đi dạy cho thuận tiện. Không khó chi đâu, thầy ạ”.

Quả thật, nghe Hoàng Việt nói, tôi hiểu ngay ý tình. Ý tình ở Cồn Phượng, cồn đầy những cây phượng, nhưng không một cây phượng nào nở hoa ! Bây giờ đâu mùa xuân, không phải mùa hè!!! Tôi làm như tôi chưa hiểu. Tôi làm như tôi vô tình. Hoàng Việt là cô con gái quý của một thương gia giàu có. Cô còn quá trẻ. Cô mơ mộng. Cô vẽ một bức tranh đầy hoa phượng. Tôi chỉ là một bạch diện

thư sinh, con nhà nghèo, mới bước chân vào đời, chưa có địa vị gì trong xã hội. Tôi có thể bước chân vào cổng biệt thự cô kính kia được sao? Trong hiện tình đất nước bây giờ, tôi đang đứng trước lệnh động viên, không biết sẽ cầm lệnh nhập ngũ trường Bộ Binh Thủ Đức lúc nào! Tôi có thể để cho đôi mắt thơ mộng kia thành mắt lệ được sao? Tôi không dám nhìn vào đôi mắt ấy. Tôi nhìn lên những tàng cây phượng vương ánh nắng chiều. Tôi nhìn dòng An Giang trước mặt.

Chợt một con thuyền máy chạy qua, tiếng máy vô tình làm vỡ phút im lặng của chúng tôi. Dòng sông nổi sóng nhẹ. Vài đám lục bình giạt trôi bên bờ kia. Tôi vẫn im lặng. Để trở lại không khí bình thường, Hoàng Việt hỏi tôi:

“Thưa thầy, thầy có nghiên cứu về ấn kiếm nhà Nguyễn? Kỳ tới, thầy nói về ấn kiếm nghe. Thầy thích kiếm hay ấn?”.

“Tôi không thích ấn kiếm. Bởi không thích quan quyền. Tôi chỉ thích “cổ”, tức là thích trống !!! Tôi thích tiếng trống lăm! Không hiểu sao, tôi cứ bị ám ảnh bởi hình ảnh người xưa gõ chấu sành mà ca cho cuộc đời vui ! Cuộc đời này có gì buồn? Có gì vui? Tôi ưa thích nhất hình ảnh người lính đánh trống trận thúc quân thuở loài người còn chinh chiến trên lưng ngựa !”.

“Trống trận là trống gì, thưa thầy”, Hoàng Việt hỏi.

“Trống trận là trống thúc quân của người xưa. Trong truyện Kiều của thi sĩ Nguyễn Du có câu: “Om thòm trống trận, rập rình nhạc quân”. Em tìm lại xem, đó là câu thứ mấy, tôi quên mất rồi. Người xưa gọi cổ là thứ trống lớn. Người lính đánh trống trận phải đem hết tâm hồn của mình vào, đánh thế nào kích động được tinh thần chiến đấu của toàn quân, mới được gọi là giữ chân kích cổ. Trong Chinh Phụ Ngâm, tác giả Đặng Trần Côn và dịch giả Đoàn Thị Điểm cũng nói đến trống. “Trống trường thành lung lay bóng nguyệt”. Và: “Tiếng nhạc ngựa lằn chen tiếng trống. Giáp mặt rồi phút bỗng chia tay”. Còn nữa, “ôm yên gối trống đã chôn. Năm vùng cát trắng, ngủ cồn rêu xanh”! Cồn rêu xanh, chứ không phải Cồn Phượng!!!”.

Hoàng Việt cười, nói:

“Từ nay, em và thầy gọi còn này là Còn Phượng, nghe thầy”.

“Ừ, đồng ý.

“Chỉ riêng em và thầy thôi”

“Ừ, đồng ý”.

“Thôi, em đi đây”.

“Em đi đâu ?”

“Em đi ra với bạn em. Không thì tụi nó lại chọc em, bảo rằng em yêu thầy!”, nói xong Hoàng Việt chạy đi liền.

Một thời gian sau, tôi rời khỏi tỉnh lỵ Long Xuyên, đến dạy học tại một tỉnh lỵ khác. Chẳng bao lâu sau, lên đường nhập ngũ Khóa 25 Trường Bộ Binh Thủ Đức, ra trường, ôm yên gối trốn ở một miền rừng heo hút. Sau tháng Tư 1975, đi tù cộng sản hơn mười năm. Rời khỏi quê hương sang Hoa Kỳ định cư giữa thập niên 1990. Tính đến nay, khoảng nửa thế kỷ, tôi đã xa Long Xuyên, chưa một lần trở lại.

Suốt một thời gian dài lặn lội, tôi quên phứt “Qui y kiếm”. Mãi cho đến bây giờ, bước qua tuổi thất thập, tôi mới nhớ ra Qui y kiếm. Tìm đọc nhiều sách sử, tôi chỉ tìm biết được rằng vua Gia Long có một cây kiếm nạm ngọc, cán bằng sừng tê giác, cây kiếm này bị người Pháp lấy mất trong vụ cướp phá cung điện nhà vua, sau vụ bạo động ngày 5 tháng Bảy 1885 ở kinh thành Huế. Pháp gửi đến Huế viên tướng Roussel De Courcy làm Tổng Chi Huy Lực Lượng Pháp tại Việt Nam. De Courcy hồng hách ngay từ hôm đến Huế ngày 3 tháng Bảy 1885. Quan đại thần Tôn Thất Thuyết bất mãn, bất ngờ tấn công đồn Mang Cá, nhưng thất bại, dẫn đến vụ quân Pháp cướp phá hoàng cung, lấy đi rất nhiều vàng bạc, kim cương, ngọc trai, đá quý, đồ nữ trang nạm kim cương... Viên Khâm Sứ Pháp tại Huế là Rheinart đã chứng kiến vụ cướp phá này. Tôi đặc biệt chú ý đến một vật quý bị cướp, đó là cây kiếm chuôi nạm ngọc, cán bằng sừng tê giác. Tôi tự hỏi, phải chăng đó là cây “Qui y kiếm”? Tôi tin rằng nó chính là cây “Qui y kiếm”. Bây giờ đã lưu lạc về đâu? Dẫn sao tôi chỉ biết được đến đó.

Tôi muốn gửi chi tiết này cho Hoàng Việt, để đòi lấy địa điểm Chúa Định bị bắt. Nhưng nửa thế kỷ đã trôi qua,



Hoàng Việt bây giờ ở đâu? Cô có bao giờ về Cồn Phượng giữa mùa hè, để ngắm hoa phượng nở đỏ rực Cồn Phượng hay không? Ôi hoa phượng, hình ảnh của mùa hè, hình ảnh của tuổi học trò, của tuổi hoa niên thuần khiết ấp những ước mơ tuyệt vời! Hình ảnh ấy không còn nữa đối với tôi. Nhưng với Hoàng Việt thì sao? Tôi nợ Hoàng Việt một câu trả lời. Nhưng Hoàng Việt cũng nợ tôi một câu trả lời. Phải chăng chúng ta còn nợ nhau? Hay huề , không còn nợ nhau gì cả? Ôi Cồn Phượng của tôi và của Hoàng Việt ! Hiện giờ em ở đâu? Em có về Cồn Phượng? Tôi đã đánh mất hạnh phúc của mình và của người xưa ấy? Bây giờ chỉ còn biết cầu mong cho người luôn được bình an. Chút tình xưa , không biết ai đó có còn giữ lại được chút gì để nhớ? Để đôi khi bồi hồi? Hay đã vùi chôn ở bên Cồn kia hết rồi? Hoặc là hai ta gặp nhau trong thoáng ấy, bởi duyên nợ chỉ có chừng ấy? Rồi mỗi người, sau đó, phải ra đi để trả nợ nghiệp đời riêng ? Tôi là con thuyền xa bến cũ, viễn xứ xa xôi, vẫn còn nặng chút tình xưa?

Chiều nay, tôi nhớ da diết Cồn Phượng, dẫu chưa một lần được ngắm hoa phượng nở ở đó. Sao em lại ngỡ lời không đúng mùa phượng ? Phải chăng đó là điềm báo trước tình yêu không nảy nở, không thành tựu? Ôi chao tình ta chỉ xanh ngắt ngắt màu lá, rồi chìm dần trong bóng chiều, chìm sâu dưới dòng sông sâu sóng biếc? Hỡi em... Em có về Cồn Phượng?

(trích từ tập truyện “ *Em Có Về Cồn Phượng ?*”, Hương Cau xuất bản 2013)

# HOÀNG NGỌC HIỀN

## Côn Sơn ngày về

Ngày 21 tháng 11 năm Đinh Mùi (1427), cuộc khởi nghĩa Lam Sơn của Bình Định Vương Lê Lợi đã đạt được thắng lợi cuối cùng: Tướng nhà Minh là Vương Thông ở Đông Quan đã cùng bộ tham mưu của hắn và các bộ tướng của Bình Định Vương Lê Lợi làm lễ tuyên thệ “chấm dứt chiến tranh, trả lại nền độc lập cho An Nam, lập lại hòa bình, toàn bộ lực lượng quân sự nhà Minh rút khỏi lãnh thổ An Nam”, tại một địa điểm ở phía Nam thành Đông Quan. Đến ngày 12 tháng 12 cùng năm, quân nhà Minh hoàn tất kế hoạch rút quân. Quân kháng chiến của Bình Định Vương bảo đảm cho quân nhà Minh rút quân an toàn, bao gồm cả việc ngăn chặn sự bạo động của dân chúng. Bước sang đầu năm Mậu Thân (1428), Lê Lợi lên ngôi hoàng đế, tức Lê Thái Tổ, đặt quốc hiệu là Đại Việt, đổi Đông Quan thành Đông Đô. Lê Lợi tập hợp cả thảy 227 người có công lớn để phong thưởng, như Trần Nguyên Hãn làm Tả Tướng quốc, Phạm Văn Xảo làm Thái Úy, Lê Sát làm Đại Tư đồ, Nguyễn Xí làm Thượng thư bộ Hình, và nhiều người khác được bổ đi coi các phủ, huyện. Trong ngày phong chức ấy, vắng mặt quan Hành Khiển Tham Mưu Nguyễn Trãi, quân sư của Lê Lợi trong suốt cuộc kháng chiến, không một ai rõ ông đã bỏ đi đâu. Sau đó, nhà vua sai Đại tư đồ Lê Sát đi tìm Nguyễn Trãi. Lê Sát nghi ngờ Nguyễn Trãi trở về quê ngoại ở Côn Sơn, thuộc núi Chí Linh, tỉnh Nghệ An; Lê Sát quát ngựa ra roi, nhắm hướng ấy. Quả nhiên, ông gặp Nguyễn Trãi ở trong một căn lều cỏ được dựng sơ sài trên một miếng đất cao, nhô lên giữa cánh đồng mênh mông, trải dài đến tận những cánh rừng trúc trong núi Chí Linh. Đó chỉ là một trong những căn lều

được dựng rải rác trong cánh đồng cho nông dân hoặc trẻ cắt cỏ, chăn trâu nghỉ chân khi cần thiết, hoặc để tránh cái nắng gay gắt giữa trưa hè trong khoảnh khắc, hoặc tránh những cơn mưa mùa đông giá buốt. Lúc đó, ngọn núi Chí Linh chìm trong bóng mây chiều.

Lê Sát nói: “Xin quan Hành Khiển Tham Mưu trở về Đông đô. Bình Định Vương đang đợi... Ông về đây có chuyện gì khẩn cấp chăng?”

Nguyễn Trãi không quay lại, thong thả trả lời: “Tôi không có việc gì khẩn cấp ở đây. Thưa ông, những gì được gọi là khẩn cấp trải dài suốt tám năm từ năm Canh Tý (1420) đến Mậu Thân (1428), đã xong rồi. Ta đã đuổi được quân thù ra khỏi nước, thu lại giang sơn, đem lại thanh bình cho trăm họ... Ta đã làm xong trách nhiệm của một đứa con đối với Tổ Quốc khi Tổ quốc hữu sự. Nay ta rũ áo phong sương trở về quê quán. Nơi đây, ta đã nung chí, học tập diệt thù. Và nhất là nơi đây, ta đã có những người bạn của tuổi ấu thơ. Phải rồi, những người bạn cùng ta cắt cỏ, chăn trâu trên những cánh đồng kia, trên những con đường kia, trên những sườn núi kia...!”

Nguyễn Trãi ngừng nói, như để nhớ về những người bạn ấy, mà ông đã cùng họ ngồi trên mình trâu trao đổi Thi Thu! Bây giờ họ ở đâu?

Lê Sát nói: “Vậy thì, sau khi đã gặp họ rồi, Hành Khiển Tham Mưu quay bước trở về Đông Đô. Tôi phụng lệnh Bình Định Vương đi đón.”

Nguyễn Trãi vẫn thản nhiên. Ông nhìn trời cao, một vài đám mây xám nhạt đang trôi về phương Nam. Ông nhìn rặng núi xa, và những cánh rừng trúc đang chìm vào màn sương đục.

“Căn lều này, nơi đây, tôi vẫn ghé nghỉ chân trong nhiều buổi trưa hè, mở bọc cơm nắm muối vừng ra ăn. Đôi khi chia sót cho những người bạn nhỏ của tôi. Cũng có khi, họ chia cho tôi một nửa củ khoai lang, hoặc một cái bắp luộc chín. Tôi vẫn còn nhớ hương vị của cơm nắm muối vừng thơm phức, khoai lang ngọt bùi, và bắp nếp chín dẻo làm sao!!! Tôi vẫn còn nhớ cái tình của chúng tôi với nhau, đơn sơ mà chân thật, giản dị mà thắm tình, mộc mạc chẳng thể nào quên. Chúng tôi thương yêu nhau làm sao! Đôi khi

chúng tôi còn cho nhau cái quần, cái áo. Chúng tôi rách rưới mà đùm bọc nhau biết bao! Ôi, chúng tôi thương nhau biết bao! Bây giờ tìm đâu ra nữa? Chính những người bạn trẻ thơ ấy đã dạy tôi về tình thương, sự đùm bọc, nhường cơm xẻ áo, để sau này tôi biết chia sẻ cho các kháng chiến quân của chúng ta như thế.”, Nguyễn Trãi nói như mơ màng, nuối tiếc.

“Tôi biết! Ông vẫn thường hay nhắc nhở tôi lo cho kháng chiến quân của ta được ăn no, được mặc ấm, được có gươm kiếm sắc bén chiến đấu. Tôi biết ông không bao giờ ăn khi họ chưa được ăn. Tôi biết ông khát, nhưng không bao giờ ông nói ông khát. Tôi biết ông đói, nhưng không hề nói mình đói. Tôi biết ông gian khổ, nhưng không khi nào than mình khổ. Hễ binh sĩ có nói khổ, ông bảo họ hãy đuổi bọn xâm lược ra khỏi nước, ta mới hết khổ. Thì ra ông đã học được những điều này từ khi còn nhỏ, ở đây, từ những người bạn ấy?, Lê Sát nói.

“Đúng vậy, thưa ông. Ông hãy ngồi xuống đây, cùng tôi trò chuyện. Lâu quá rồi, chúng ta không có một lúc nhàn rỗi nào để nói chuyện vãn, ông nhỉ? Bây giờ, thật là thú vị quá, ta không còn phải bận tâm đến bất cứ một điều gì nữa!”

Lê Sát nói: “Thưa ông, chưa hết đâu! Đuổi được quân Minh ra khỏi nước rồi, ta còn nhiều việc phải làm lắm. Một đất nước nghèo nàn, tan hoang, nhân dân xao xác như đàn gà con mất mẹ, ta còn phải làm cho đất nước phục sinh. Chưa nghĩ ngơi được đâu, thưa ông.”

Nhưng Nguyễn Trãi cười rồi nói: “Phải, ông nói đúng. Nhưng đó không phải là việc của tôi. Đó là việc của triều đình Bình Định Vương ở Đông Quan. Còn tôi, tôi xin về Côn Sơn, làm người cấy ruộng, đánh dậm, sống đời nông dân trong một đất nước độc lập thanh bình. Kiếm được gì, tôi ăn nấy. Còn không, tôi đói, nằm ở lều cỏ này, nhìn trời mây, cũng đủ thấy lòng vui, ông ạ. Tôi không còn bận tâm đến đói khát, sống chết, bệnh tật, già yếu, thì tôi còn bận tâm về điều chi nữa?! Mỗi bận tâm của tôi về giang sơn thì nay giang sơn đã sạch bóng quân thù, nước nhà thanh bình rồi, thưa ông.”

Lê Sát ngồi xuống một chỗ gần Nguyễn Trãi. Con

ngựa ở gần đó, đang thong thả gặm cỏ, thỉnh thoảng dừng lại, ngẩng đầu nhìn cánh đồng chiều. Những ráng vàng đỏ của mặt trời chiều chiếu vào một góc núi xa. Lê Sát thốt lên; “Quả thật, núi Côn Sơn tuyệt đẹp. Giang sơn ta mỹ miều...”

“Ông nói đúng. Chính vì Côn Sơn tuyệt đẹp, nên tôi phải tìm cách giữ lấy, không thể để cho bọn quan quân nhà Minh đến đây tàn sát, đốt nhà, bắt phụ nữ, cướp lương thực. Bọn chúng đã bạo ngược ở đây, ở khắp nơi trên đất nước ta. Nay đuổi được chúng rồi, tôi không còn phải lang thang ở Lỗi Giang, ở Lam Sơn, ở Đông Quan nữa. Tôi trở về với Côn Sơn, nơi có con suối nhỏ chảy qua rừng trúc thưa, của tuổi thơ tôi.”

Lê Sát trân trọng nói: “Nguyễn Trãi, hẳn ông đã được chứng kiến từ nhỏ cảnh quân Minh đến đây đốt phá, cướp bóc, bắt phụ nữ đem đi. Ông cũng đã chứng kiến bao cảnh khốn khổ khốn nạn của quân dân ta. Hẳn ông phải hiểu rõ nỗi đau đớn và lòng thù hận của người gặp cảnh ấy? Vậy mà sao, trong khoảng thời gian, vào lúc Vương Thông xin hàng; một số lớn quân dân, vì hận thù, đã khẩn thiết yêu cầu Bình Định Vương không cho hàng, thừa cơ tiêu diệt chúng, để trả mối hận thù năm xưa, ông lại ngăn cản? Ông có biết bao nhiêu người phản đối, hận ông, oán ông, trách ông? Và chê ông? Ông đã không trả thù cho bố ông, Nguyễn Phi Khanh và triều đình nhà Hồ bị họ bắt về Tàu năm Đinh Hợi (1407)! Nguyễn Phi Khanh đã chẳng dặn ông ở cửa ải Bắc nước ta rằng ông phải lo phục quốc và báo thù cho cha? Ông đã quên lời phụ thân ông? Nhân hôm nay, được dịp nói chuyện riêng với ông, ông có thể có vài lời giải thích cho tôi hiểu được chăng?”, rồi ông chờ đợi.

Một hồi lâu sau, Nguyễn Trãi mới trả lời: “Vâng, thưa ông, quả thật đây là một vấn đề thuộc về gan ruột của Trãi này. Tính toán mãi, tôi quyết định đặt quyền lợi lâu dài của trăm họ trên oán thù của gia tộc tôi. Cha tôi, Nguyễn Phi Khanh đã cùng với nhiều công thần, và Hồ Quý Ly bị bắt, giải về Yên Kinh, không biết số phận ra sao? Bị giết hay bị lưu đày? Còn không thì làm tay sai cho giặc, như Hồ Nguyên Trừng, làm tới Thượng Thư Bộ

Binh! Cha tôi, người từng giữ chức Học sĩ Viện Hàn Lâm, rồi Tư nghiệp Quốc Tử Giám, một chức quan cao trong triều nhà Hồ, ắt Yên Kinh mua chuộc không được thì phải giết! Tôi biết thân phụ tôi chẳng khi nào mang tài năng của mình ra phục vụ cho kẻ thù muôn đời của dân tộc ta. Chắc chắn là người đã bị giết! Người dặn tôi: “Hỏi quan Chánh chương đài ngự sử nhà Hồ, hãy về đi! Hãy phục quốc và báo thù cho cha!”. Lúc đó, tôi đang giữ chức Chánh chương đài ngự sử nhà Hồ. Thưa ông, họ giết cha tôi, tất tôi phải giết họ. Như thế mới xòng phẳng? Không phải! Đến đời con cháu họ, sẽ tìm cách giết con cháu tôi. Như thế, bao giờ nhà họ và nhà tôi được yên? Bao giờ hai nước mới được yên? Bởi thế, tôi muốn dứt ra! Thưa ngài, chỉ có cách mà nhà Phật dạy “dùng ân trả oán, oán mới tiêu tan”. Chỉ có cách đó, mới dứt nghiệp khởi trùng phùng! Nếu như nước Nam ta với nước Tàu, cứ thù nhau mãi, gây chiến tranh mãi, bao giờ ta mới có hòa bình? Chi bằng, cuộc chiến này đã kết thúc, ta nghĩ đến hai chữ “hòa hiếu”, quên đi quá khứ, xóa bỏ hận thù, mới có thể đạt được hòa bình cho mình và cho người. Cho nên, tôi đã bạo dạn đề nghị với Bình Định Vương một giải pháp hiếu hòa, dẫu mình có bị thiệt thòi, nhưng chắc chắn sẽ đạt được cái lợi lớn ở xa, đó là một nền hòa bình lâu dài. Thưa ông, khi trình bày kế sách ấy với Bình định Vương, tôi không có mấy hy vọng được ngài chấp thuận. Nhưng rồi, ngài đã hiểu được cái lợi lớn cho toàn dân, cho các thế hệ hậu duệ sau này, cùng với viễn ảnh một nền hòa bình lâu dài, nên ngài đã chấp thuận. Hẳn ông cũng rõ tướng Minh là Mã Kỳ, để gài bẫy hầu bắt được Lê Lợi, cũng như dẹp tan cuộc khởi nghĩa Lam Sơn của chúng ta, đã ra lệnh tàn sát nhiều người thuộc dòng tộc Lê lợi. Họ còn quật mồ tổ tiên, phụ thân ngài, đem hài cốt ra trưng bày, không ngoài mục đích dụ Lê Lợi đến, hầu bắt sống. Đó là cái bẫy giương ra, tựa như Tôn Tần dụ Bàn Quyên tới Mã Lăng... Ai dám can ngăn Bình Định Vương? Hay là chỉ có một mình tôi dám đứng ra giữ chặt cương ngựa của Lê Lợi?! Lê Lợi đã rút kiếm ra, nhưng rồi phải tra gươm vào vỏ, xuống ngựa, nghe lời tôi? Giữ cương ngựa của Bình Định Vương, tôi biết tôi có thể chết dưới lưỡi gươm giận dữ của ngài!”

Ngừng nói một lát, Nguyễn Trãi nói tiếp: “Thưa ông, tôi đề nghị giải pháp hiếu hòa, tiền chân đại quân thất trận ấy một cách nồng hậu, hầu thiết lập một quan hệ bình thường mới với kẻ thù, may mắn thay, Bình Định Vương chấp thuận. Tôi lại bàn với ngài, về việc xin cầu phong và chịu triều cống nước Tàu. Đây là cái thế bất đắc dĩ... Người Tàu, có khác gì một kẻ đi săn với đầy đủ cung tên, ta chỉ như một con nai mà thôi? Tôi đề nghị cống Tàu hai người bằng vàng, coi như thế mạng hai tướng Liễu Thăng và Lương Minh mà ta đã giết ở trận Chi Lăng! Hai “đại thân kim nhân” là hai con cá mà con nai phải dùng làm lễ, dâng lên cho người đi săn. Thêm nữa, phải dâng biểu xin cầu phong, để chứng tỏ mình nhỏ bé, là kẻ dưới, không bao giờ dám xông lên ăn thịt người đi săn. Chẳng bao giờ con nai có thể giết được người thợ săn. Cái thế nước mình và nước người, chênh lệch quá xa như vậy, nên ta phải nhìn xa, không thể ra tay làm cỏ đoàn quân thất trận ấy được!!! Đó là cách thặng tí hon phải xử với một người khổng lồ. Đó cũng là cách bỏ cái lợi nhỏ trước mắt mà nghĩ đến cái lợi lớn ở xa! Ông Lê Sát! Nếu Bình Định Vương và tôi chấp nhận một cuộc tàn sát cho hả lòng căm giận, một cuộc tắm máu quân Vương Thông ở Đông Quan, theo một sự yêu cầu của một số ít quân dân ta, liệu Yên Kinh có chịu ngồi yên? Hay là một đạo quân hàng triệu người sẽ ồ ạt vượt ải quan, làm cỏ nước Việt ta? Thế thì mục tiêu chấm dứt chiến tranh, văn hồi trật tự, tái lập hòa bình, bao giờ mới có? Ông nghĩ đi! Ông biết quân ta ở thế yếu mà? Đã từng lấy ít đánh nhiều, đánh chớp nhoáng rồi rút chạy vào rừng sâu. Đó là “phục kích chiến” mà ta phải dùng làm chiến thuật hầu như suốt cuộc kháng Minh. Thưa ông, ta đuổi họ, đừng để họ quay lại, đó là sách lược “Tâm công” của tôi, mà tôi đã dâng lên Bình Định Vương. Tôi có thể tạm trả lời ông như vậy.”

Lê Sát chăm chú lắng nghe, không để sót một tiếng nào. Đến lúc Nguyễn Trãi dứt lời, ông buột miệng khen: “Cao kiến! Thật là cao kiến!”

Một lúc sau, Nguyễn Trãi lại nói: “Thưa ông, “Tâm công” của tôi chủ trương lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo, mục đích để đánh vào

lòng người, người mình cũng như người Tàu. Trước hết, nói về người mình, mình có từ bỏ hung tàn mới mong người khác từ bỏ hung tàn. Mình có đại nghĩa ở trong lòng mình trước mới mong người khác có đại nghĩa. Cũng vậy, mình có từ bỏ cường bạo mới mong người khác từ bỏ cường bạo. Và mình có cư xử với người bằng chí nhân, chí hiếu, chí tình, thì người khác mới xử với mình được như vậy. Cho nên, thưa ông, người Việt mình, dẫu bị đàn áp, bóc lột, giết hại; nhưng nay, mình không hận thù, mình quay ra đối xử tốt với kẻ thù, lấy lòng chí nhân đối đãi với họ, ắt hận thù sẽ không lưu truyền đến đời con cháu nữa. Mình đã dứt ra khỏi nghiệp oán thù rồi! Muốn kết thúc oan nghiệp, oán thù, thì mình chủ động dứt ra trước, từ bỏ trước, chứ đừng đợi ở người! Mình buông bỏ, tha hết!!! Thưa ông, “tâm công” của tôi, nói thì dễ, nhưng thi hành rất khó đó, thưa ông! Ai? Ai đã hiểu được tôi, ngoài một mình Bình Định Vương? Quả thật, Lê Lợi đích thật là một “Kiếm khách” hiếm có trên đời!!!”

Lê Sát cười lớn. Tiếng cười của ông vang vọng trên đồng không, tưởng như âm thanh vọng tới tận chân núi Chí Linh, làm xôn xao rừng trúc. Một đàn chim đang đậu ở bụi tre đầu một làng kia bỗng cất cánh bay lên. Trong bóng nắng chiều vàng nhạt, chúng tựa như những cánh hoa bay trên cánh đồng lúa .

Nguyễn Trãi nói tiếp: “Sự thật, hai chữ “Tâm công”, tôi dùng hơi gượng ép, không tự nó nói lên hết ý nghĩa mà tôi muốn nói. Tôi đã tạm dùng hai chữ “tâm công”. Nhưng người nào từ bỏ được ích kỷ, hẹp hòi, có được cái tâm rộng rãi, ắt sẽ hiểu được ý nghĩa đích thật mà tôi muốn nói. Ông Lê Sát, có lần ông đã hỏi tôi về việc tôi vào thành Đông Quan du thuyết? Tôi chỉ cười mà không trả lời. Thưa ông, tôi đã năm lần vào thành Đông Quan, gặp tướng nhà Minh để du thuyết, xin bãi binh, giảng hòa, nước Nam chấp nhận thần phục Trung Quốc như xưa. Chỉ có thế thôi! Tôi đã chỉ dùng những lời lẽ phân trần, có lợi cho cả đôi bên, tránh được giết chóc, mưu tìm hòa bình cho cả hai dân tộc. Nếu các ông cứ tiếp tục chính sách nước lớn, chúng tôi sẽ tiến hành chiến lược chiến thuật du kích, rồi rút vào rừng sâu, thì các ông sẽ không biết có còn



sống để trở về cố hương hay không?! Tướng giặc đầu không nghe, đã không giết tôi hoặc không bỏ ngục, bởi tôi không hề thốt lên một lời hận thù. Trước sau, tôi chỉ nói lên mơ ước một cuộc bãi binh, chấm dứt đổ máu, cùng vui hưởng thanh bình. Mà nếu như tướng nhà Minh có giết tôi, thì ắt những lời nói của tôi càng lưu dấu vào trong lòng họ. Bởi tôi không giả dối, tôi thành thật với chính bản thân tôi và thành thật với người! Khi ta đến với người bằng sự chân thực, mà người hãm hại ta, họ sẽ chuốc lấy ân hận suốt đời mà thôi! Khi tâm ta chứa toàn điều thiện, thì ta chẳng sợ gì phong ba bão táp, ta chẳng sợ gì cái chết! Cho nên, năm lần, tôi vào thành Đông Quan, tôi không mang theo gì cả, tôi chỉ có cái “Tâm” làm vũ khí thôi!!!”

Nguyễn Trãi chợt ngừng nói, thở dài. Nhắc đến chuyện năm lần vào thành Đông Quan, ông không khỏi ngậm ngùi. Đi sứ, đi thuyết khách, tính mạng kể như treo trên sợi tóc! Nguyễn Trãi phụ trách tham mưu chiến lược, phải gánh vác luôn cả trách nhiệm này. Ông không bị địch giết, nhưng đã từng bị câu lưu trong nhiều ngày, có lần dài tới sáu tháng bị cầm giữ ở góc thành nam Đông Quan. Đó là lần thứ tư, năm Bính Ngọ (1426), ông vào thành du thuyết.

\*\*\*\*\*

Chợt một đàn chim bay ngang bầu trời, phía trên cái lều mà Nguyễn Trãi và Lê Sát đang trò chuyện. Cả hai người cùng ngược nhìn. Nguyễn Trãi nói: “Thời thanh bình, đàn chim bay một cách bình yên, không sợ những tay súng nhắm bắn. Thời bình, không có kẻ xâm lược, không phải mài gươm giết kẻ thù. Nước Nam, người Nam ở. Nước Tàu, người Tàu ở. Đó là cảnh thái bình hoan lạc của cả hai dân tộc. Nay điều đó đang ló dạng ở chân trời...Thôi, đừng khơi dậy quá khứ hận thù. Chỉ có thể, viễn ảnh thái bình mới về gần... Ông Lê Sát, đã lâu, chiều nay tôi mới được ngắm nhìn một đàn chim bay trên cánh đồng miền núi Côn Sơn. Ông nhìn kìa, những ánh nắng chiều màu vàng chiếu trên lưng chừng ngọn núi, đẹp chưa? Hình ảnh ấy, gọi lại cho tôi tuổi thơ đẹp nhất trong đời!”

Lê Sát nói: “Mười năm gian khổ, mới có một ngày hôm nay. Ông có tâm lớn, nhìn xa trông rộng. Quả thật, ông là đệ nhất kiếm sĩ của Bình Định Vương. Tôi sẽ lưu giữ hình ảnh đàn chim chiều, ánh nắng vàng trên sườn núi, cánh rừng trúc xa xanh... Hòa bình đã thực sự về trên đất nước ta! Tôi xin báo để ông được rõ: Bình Định Vương đã lên ngôi hoàng đế, đặt Quốc hiệu là Đại Việt, phong tước cho nhiều người có công. Tôi đã được phong Đại tư đồ. Nhà vua đang đợi ông. Thôi! Xin ông quay bước về Đông Đô, quan Hành Khiển Tham Muu!”

Nguyễn Trãi thưa: “Vâng, thưa quan Đại tư đồ. Cho tôi nghỉ lại đây đêm nay. Ở đây, chỗ này, lều cỏ này... Ngày xưa, tôi đã từng nằm ngủ ở đây, với những người bạn cất cố, chẵn trâu của tôi trên cánh đồng này. Tôi cũng cần về thăm ngôi nhà của ông ngoại tôi, Bãng Hồ tướng quân Trần Nguyên Đán, ở đằng xa kia. Tôi cũng cần ghé qua chỗ con suối xưa, cánh rừng trúc cũ, lối mòn in dấu chân trâu ngày mưa dầm gió bắc. Ngôi nhà xưa, cảnh xưa, dẫu tang thương đến thế nào, ta cũng còn gặp lại được, phải không ông? Chứ biết bao nhiêu chiến hữu của chúng ta đã nằm lại ở chiến trường gió cát!?” Thưa quan Đại tư đồ, tôi không còn thiết gì đến quan chức triều đình, tôi muốn già từ kinh thành, theo bước ông ngoại tôi, đang làm quan khanh ở triều đình nhà Trần đã xin về trí sĩ ở Côn Sơn. Nhờ có thế, tôi mới được ông ngoại dạy cho Thi Thư kim cổ. Tôi mới có được nền tảng kiến thức chiến lược chống quân Minh. Tôi muốn trở về đây, bốn mùa cúng tế tổ tiên. Tôi biết Bình Định Vương chưa cho tôi về! Biết bao giờ tôi mới được tan vào cánh rừng, con suối xa, đồng lúa vàng, và trăng gió của Côn Sơn? Ông ạ, thật sự đối với tôi, không còn gì quan trọng nữa!!!”

Nói rồi, Nguyễn Trãi ngã người, nằm dài trên nền đất của căn lều trống trải. Ông nhìn lên mái cỏ tranh, nhiều chỗ đã hư nát, trống không cho thấy một mảnh trời chiều qua chỗ trống ấy. Ông nhìn thấy một đám mây bay qua chậm chậm. Mọi sự, cuộc đời, đời người, cuộc chiến, rồi đây sẽ trôi đi hết như đám mây trôi kia thôi... Tất cả sẽ theo nhau vào thiên cổ. Muôn đời như thế. Tất cả, như bầy chim trời, bay ngang cánh đồng chiều, đi về nơi mịt mù vô

tận. Ông nhắm mắt và chìm vào giấc ngủ, giấc ngủ bình an sau mười năm “nằm gai nếm mật”!

HOÀNG NGỌC HIỂN

(trích từ bản thảo tập truyện “Bóng Thời Gian”)

# HOÀNG NGỌC HIỀN

## Thân phận “tiếng sủng cao nguyên”

Đời tôi gặp nhiều lúc con đen vận tủng, nói theo cách nói dân gian có lẽ tôi “sinh ra đời dưới một ngôi sao xấu”, không biết làm gì để sống. Vốn nghiên cứu khoa Tử Vi Hà Lạc lý số từ khi còn trẻ, bèn bắt chước cụ thi sĩ Tản Đà, người nổi tiếng với bài thơ đường luật “Vịnh Bức Đồ Rách”, tôi đem nghề bói toán ra trước cổng chùa, trải manh chiếu hoa dưới một tàng cây, may ra kiếm được miếng ăn. Vậy mà cái nghề bất đắc dĩ ấy cũng đã giúp tôi được đôi phần đỡ khổ, tuy không kiếm được cơm, nhưng cũng kiếm được chút cháo sống lay lắt qua ngày. Nhập cảnh vào Hoa Kỳ đất trịch, tôi gọi là đất trịch vì tôi ở trong một ngõ sâu, giữa thập niên 1990, tuổi đã ở khoảng giữa ngũ thập, tiếng Anh lồm bồm, gọi là “ăn đong” theo cách gọi của những tay nói lưu loát, vội vã xoay ra nghề Hà Lạc kiếm sống trước đã, rồi mọi sự tính sau. Tôi chẳng đăng quảng cáo chi hết, chỉ nhờ bạn hữu, người thân giới thiệu dùm. Hễ có khách, tôi lại nhờ khách giới thiệu. Và lại, tôi chỉ lấy giá “tùy tâm”, nên giàu nghèo chi, ai cũng có thể đến với tôi được khi cần. Hầu hết, người ta có vấn đề mới hay tìm đến thầy bói thầy số, ít khi có khách đi xem chơi. Trong số những người khách xem chơi ấy, tôi đã tiếp một ông già ngoài bảy mươi tuổi. Khách không cho biết quý danh, địa chỉ, số phân, quê quán, v... v... Ông khách chỉ cho biết ngày giờ tháng năm sinh, rồi hỏi ngay rằng:

“Thưa ông, tôi xin được hỏi ông, cùng một giờ sinh như tôi, hẳn là có cả hàng trăm đứa trẻ sinh ra cùng một lúc. Thì cuộc đời của họ, có giống như tôi không?”

Tôi thưa ngay:

“Thưa ông, khác nhau chứ ông! Bởi vì khác nhau do dòng giống tổ tiên, khác nhau do phong thổ tức nơi

sinh, và khác nhau do sự phát triển mỗi người mỗi cách. Ông thắc mắc gì nữa? Ông muốn xem gì?”

“Thì ông muốn nói gì thì nói. Ông lập lá số tử vi, hà lạc chi đó; rồi ông thấy chi đáng nói thì nói. Quả thật, hồi còn trẻ tôi có đi xem tử vi nơi một ông thầy bói khá nổi tiếng, nhưng tôi không tin. Bây giờ, tôi bỗng thích xem tử vi, nghe nói ông phối hợp với hà lạc?”

Cảm ơn ông, rồi tôi lập lá số tử vi, quẻ hà lạc; trong lúc ông ngồi uống trà đợi tôi. Nhanh lắm, chỉ trong khoảng ba mươi phút, tôi phán ngay:

“Thưa ông, theo tôi, ông có cách Tử Phủ Vũ Tướng, bị Địa Võng vây hãm, ông bước vào con đường chính trị từ khi còn trẻ, nghĩa là khoảng hai mươi tuổi. Đến đại hạn ba mươi lăm tuổi, ông gặp Không, Kiếp, Kinh, Hình; nhất định là ông phải ngồi tù. Phối hợp với Hà Lạc, tôi thấy bước đường công danh hanh thông của ông quá ngắn, chỉ chừng năm hay sáu năm thôi! Thưa ông, số ông đi làm nhà cai trị mới đặc cách, chứ làm nhà chính trị, xin lỗi ông, không hợp cách, chỉ ôm mỗi hận sâu sắc trong lòng mà thôi! Bởi vì đối phương ở thế thượng phong! Ông thua là cái chắc! Tôi mạn phép ông, có vài lời như vậy, xin ông cho biết đúng, sai thế nào? Rồi tôi mới có thể coi tiếp.”

Ông khách nở một nụ cười:

“Giỏi lắm! Ông nói đúng lắm! Giá như hồi tôi ba mươi tuổi gặp ông xem cho lá số, được nghe ông nói như vừa rồi, hẳn tôi đã không phải lao đao, lận đận trong tù, cũng như trên đường hoạt động cách mạng. Ất là thoát được bao nhiêu tai họa rồi! Đáng tiếc quá!”

Tôi cười, rồi mới nói:

“Thưa ông, lúc ông ba mươi tuổi, tôi chỉ là một cậu bé mười tuổi, đang học lớp nhì ở Hà Nội, đã biết gì về lý số Hà Lạc đâu!!! Tôi phải trải qua nhiều tai họa mới chứng nghiệm được tử vi hà lạc có một giá trị. Nhưng cũng còn tùy thuộc trình độ và kinh nghiệm người coi. Và hôm nay, tôi mới nói ra được những lời vừa rồi. Vả, thưa ông, cái số nó bày ra thế, ông khó tránh lắm. Vâng, khó thoát lắm! Ông thấy đó, Đường Tam Tạng phải chịu đủ 81 tai nạn, mới hoàn thành được cuộc hành trình thỉnh kinh. Cuộc

nhân sinh khéo bày ra đây!!!”

Ông khách vặn hỏi:

“Thưa ông, nếu như không phải là tôi, mà là một người khác, cũng ngày giờ năm sinh như tôi; người ấy cũng có số đi vào con đường chính trị như tôi sao? Lý do nào, ông phán tôi như vậy?”

“Vâng, thưa ông, nhìn tướng pháp của ông, tôi biết ông là người có học thức cao. Lại nữa, tôi đặt ông vào môi trường xã hội đất nước thời ông sinh sống, đó là một thời tao loạn, như thời Xuân Thu Chiên Quốc bên Tàu. Tôi mới đi đến kết luận như vậy!”

Ông khách gật gù:

“Ông nói đúng. Quả thật, bây giờ nhìn lại, tôi thấy cái lúc ấy, cái lúc tuổi còn trẻ đó mà, mình cứ lao vào cuộc chơi nguy hiểm ấy, như một nổi đam mê. Ông ạ, mê làm chính trị, có lẽ còn hơn mê gái. Bởi tính chất lý tưởng của nó. Mình muốn đuổi quân xâm lược ra khỏi đất nước mình. Mình muốn tiếp bước cha ông giữ gìn giang sơn tổ quốc. Mình muốn làm trách nhiệm mà hồn thiêng sông núi trao phó cho người trai thế hệ. Không ai bắt mình phải nhận lãnh, nhưng tự mình ý thức nhận trách nhiệm ấy. Dầu biết đó là nổi khổ, nổi chết! Ông ạ, mê gái khổ như thế nào, mê làm chính trị còn khổ hơn!!! Thế đó! Hèn chi, ông phán hai chữ “khó tránh”, tôi thấy đúng! Đúng lắm! Tuy thất bại, nhưng mình an ủi mình là, không thành công cũng có phần nào thành nhân, như nhà chí sĩ Nguyễn Thái Học đã nói. Quốc gia hưng vong, mình là kẻ sĩ, chẳng lẽ chỉ lo cho hạnh phúc riêng mình, để đất nước cho những kẻ thất phu lo liệu hay sao? Ông ạ, khi mình ngồi tù, mới hiểu rõ được lòng người hơn. Hiểu hơn về những người lãnh đạo đất nước, về lòng những người cai tù, về lòng những người thân yêu của mình. Nói chung, về lòng người. Cổ nhân nói cháy nhà, ấy cái lúc mình cháy nhà ấy mà!!! Cũng là cơ hội mình học được những bài học quý giá ở đời. Ai quân tử? Ai tiểu nhân? Ai chung thủy? Ai lừa dối? Ai bội phản? Mình lớn lên trên những đau khổ của đời mình. Đau khổ có giá trị của đau khổ...”

Ông khách mỉm một nụ cười, nhấp một ngụm trà:

“Thưa ông, ông phán tiếp đi!”

Tôi liền nói: “Tôi thấy, ông bước vào đại vận 35 tuổi, gặp đủ bộ hình tinh. Ất khó tránh cảnh phải ngồi tù. Ông bị tù ở đâu, thưa ông?”

Ông nhìn lên trần nhà, như suy nghĩ, như để nhớ lại, rồi mới cúi xuống nói:

“Nhiều nơi,... Họ giam tôi ở nhiều nơi, nhưng lâu nhất là ở P.2.”

“P.2.?”

“Phải, ở P.2.”

Tôi hỏi: “Ông có ở trong nhóm Caravelle không?”

“Không, thưa ông. Tôi đối lập thật sự với tổng thống Việt Nam Cộng Hòa, ông Ngô Đình Diệm, nên Sở Nghiên Cứu Chính Trị của Bác sĩ Tuyên mới bắt tôi! Tất nhiên phải do lệnh của Tổng thống Diệm hay ông cố vấn chính trị Ngô Đình Nhu. Tôi là người của đảng phái, có chân trong ủy ban trung ương. Nhóm Caravelle là nhóm Tự Do Tiên Bộ, họp ở khách sạn Caravelle ngày 26.4.1960 để phổ biến tuyên cáo chính quyền độc tài, đề nghị Tổng thống Ngô Đình Diệm thay đổi chính sách. Họ gồm có mười tám người: Trần Văn Văn, Phan Khắc Sửu, Trần Văn Hương, Nguyễn Lưu Viên, Lê Ngọc Chấn, Huỳnh Kim Hữu, Phan Huy Quát, Trần Văn Đổ, Trần Văn Tuyên, Trần Văn Lý, Nguyễn Tăng Nguyên, Nguyễn Tiến Hi, Lê Quang Luật, Phạm Hữu Chương, Tạ Chương Phùng, Trần Lê Chất, Lương Trọng Tường, và Hồ Văn Vui. Sau này, khi chính quyền ông Diệm sụp đổ, nhiều người đã ra tham chính, giữ chức vụ tổng, bộ trưởng... Tôi có được hân hạnh quen biết vài người. Nhưng thưa ông, tại sao ông lại hỏi tôi câu hỏi này? Ông nghi ngờ tôi ở trong nhóm Caravelle à?”

Tôi trả lời:

“Thưa ông, khi coi số cho bất cứ một ai, tôi cũng phải đặt họ vào nơi họ sinh ra, vào môi trường xã hội họ lớn lên, họ sinh sống; xem những cái đó tác động hoặc ảnh hưởng đến cá nhân họ như thế nào? Chứ không chỉ căn cứ vào bộ sao thủ mệnh. Tôi đã đặt ông vào xã hội thời Đệ nhất cộng hòa, nên hỏi ông như vậy. Cảm ơn ông. Thưa ông, P.2., tôi nghe nói là nhà tù bí mật của chế độ ông Diệm, ở Sở Thú, do bác sĩ Tuyên quản trị?”

Ông trả lời:

“Đúng vậy. P.2., đó là một nhà lầu hai tầng, ở trên một khu đất khá rộng, nằm trong vườn Bách Thú, trên đường Nguyễn Bình Khiêm, thuộc Quận Nhất Saigon. Sở Nghiên Cứu Chính Trị do bác sĩ Trần Kim Tuyền cầm đầu, đã sử dụng tầng dưới, ngăn chia thành nhiều phòng, mỗi phòng cho một người nằm, theo kiểu xà lim có song sắt ở cửa. Tầng trên là các văn phòng cho nhân viên của sở. Ban đêm, các cửa phòng khóa lại, đèn thấp sáng suốt đêm ở các hành lang. Nhà tù P.2 đặt dưới quyền điều khiển của một sĩ quan cấp đại úy. Có một tiểu đội phòng vệ. Tôi bị đưa vào đây, sau khi đã trải qua trại Vân Đồn nằm ở bên Vân Đồn, Khánh Hội; và trại Lê Lợi nằm trên đường Lê Văn Duyệt, Quận Ba Saigon. Trại Lê Lợi cũng thuộc sở Nghiên Cứu Chính Trị đây. Ông ơi, ở tất cả các trại này, tôi chẳng được cấp phát gì cả, kể cả cái mùng mà mình rất cần để chống muỗi. Tôi có kêu ca, nhưng họ cứ lờ đi. Cũng chẳng có chiếu chăn gì, phải nằm trên nền xi-măng lạnh lẽo. Cũng không cấp phát quần áo chi hết! Chỉ khi nào mình được phép liên lạc với gia đình, người nhà mình mới gửi mùng mền quần áo và các vật dụng khác cho mình mà thôi. Còn ông, ông ở tù Cộng sản, trại tù cộng sản thế nào?”

“Cũng tương tự như P2, ông ạ. Còn hơn thế! Trong chế độ tù giam của Việt Nam Cộng Hòa, người tù còn được ăn no đủ, khi ốm đau còn có thuốc thang. Cũng chẳng được cấp phát mùng mền chi hết! Chỉ khi nào họ đưa ra trại lao động cưỡng bức, thì hai năm mới được cấp một bộ quần áo. Ở tù cộng sản, ăn đói, phải lao động cực nhọc, chưa hết, buổi tối về phòng còn phải ngồi đồng, học tập chính sách, kiểm điểm, khổ hết nói, ông ạ. Ông may mắn thoát ra khỏi nước trước ngày 30 Tháng Tư 1975, không phải gánh cái khổ giá ấy!!!”

“Vâng. Ở tù,... Tôi ở tù hơn năm năm trời, không được gặp mặt vợ con. Họ không cho gia đình mình biết mình bị giam giữ ở đâu, còn sống hay đã chết. Nghĩa là tù ở P2, không được gặp thân nhân, không được gia đình tiếp tế, như ở một vài trại giam khác. Hình như P2 đặc biệt chỉ giam tù chính trị? Vả, người tù chính trị này cũng có một điểm đặc biệt chi đó? Ở tù, tôi mới ngộ ra rằng, nếu như mình có quyền, mình sẽ ra lệnh cải thiện chế độ lao tù. Có



lẽ nào người tù bị hạ thấp xuống hàng thú vật? Không được tôn trọng nhân phẩm, một cách tối thiểu? Dẫu là chế độ nào đi chăng nữa, cũng nên để cho người tù có một chút tự do tối thiểu, có một điều kiện sống vật chất tương đối nào đó. Họ cần được đối xử như đối xử với một con người!!!”

Tôi chợt hỏi ông khách:

“Ông ở P2, vậy ông có biết vụ Hà Minh Trí ám sát hụt tổng thống Ngô Đình Diệm ở hội chợ Ban Mê Thuột năm 1957 không? Anh ta có bị nhốt ở đó cùng thời với ông không?”

“Có. Tôi biết!”

“Hồi ấy, báo chí, nhất là báo chí đối lập chính quyền, hoặc thân Cộng sản chỉ đó, thổi lớn lên, gọi là vụ “Tiếng súng cao nguyên” nghe rầm rộ, rôm rả lắm! Và bây giờ, tôi nghe nói Cộng sản phong cho hắn là “chiến sĩ anh hùng”, với quân hàm đại tá, đề phô trương? Chuyện hư thực thế nào, hả ông?”

Ông cười: “Thì ông còn lạ gì cái trò Cộng sản đánh bóng người của nó lên?! Họ cố tính đánh bóng con bài Hà Minh Trí này để tuyên truyền! Ôi chao, con bài này bị lợi dụng suốt đời thôi! Có lẽ, nay với cái “mạng thương binh, gãy chân trái”, mang quân hàm đại tá, làm Trưởng ban tôn giáo ở tỉnh Tây Ninh, một chức vụ chẳng có quyền hành gì, cũng chẳng có miếng ăn thơm phức nào, hắn cũng đành ngậm ngùi một mình mà thôi! Biết than thở cùng ai? Ông nghĩ xem, thử hỏi, một tên vô học như hắn, thì làm được cái trò trống gì?! Hắn chỉ được người ta dùng như một con bài thí thôi! Họ huấn luyện cho hắn thành một tay súng, cũng chả đến mức thiện xạ gì ráo, rồi giao cho công tác ám sát tổng thống Diệm để gây tiếng vang. Ông có biết tiểu sử hắn không?”

Tôi thành thật thưa:

“Thưa ông, quả thật, tôi không biết. Xin ông cho nghe.”

Thế là câu chuyện xem tử vi hà lạc cho ông khách, bỗng biến thành câu chuyện về thân phận “tiếng súng cao nguyên”. Ông cho biết:

“Hà Minh Trí, tên thật là Phan Văn Điền, sinh năm

1935 tại Nghệ An. Cha mất vào năm 1940. Mẹ đi lấy chồng, bỏ Hà Minh Trí cho bà nội nuôi dưỡng. Hai bà cháu phải đi ăn mày trong nạn đói năm Ất Dậu 1945. Một hôm cậu ta lang thang trên Quốc lộ Một, bị một xe lính Nhật chạy ngang qua, bắt cậu vào tận Vũng Tàu làm tên chăn ngựa cho một sĩ quan Nhật. Sau khi Nhật bại trận, rút đi, cậu vào phụ việc trong một quán ăn mà ông chủ là một cán bộ Việt Cộng. Ông chủ đặt tên mới cho cậu ta là Đinh Văn Phú. Năm cậu ấy hai mươi ba tuổi, được đưa vào mật khu Củ Chi, Hậu Nghĩa, rồi được huấn luyện bắn súng, giao cho công tác ám sát Tổng Thống Diệm ở hội chợ Ban Mê Thuột. Hắn sử dụng khẩu tiểu liên MAT.49, đứng trà trộn vào đám đông rồi ra tay. Việc bắt thành, bị bắt tại trận, đưa về Saigon, một thời gian giam ở P2, bị tuyên án tử hình, nhưng chính quyền ông Diệm không thi hành án, đày đi Côn Sơn năm 1963. Đến ngày 10 tháng Ba năm 1965, được Quốc trưởng Phan Khắc Sửu ký lệnh phóng thích. Về đến Saigon ngày 13 tháng Ba 1965, lập tức hẩn thoát ly ra căn cứ Củ Chi. Tại đây, một lần hẩn bị bom Mỹ đập, nhưng không chết, chỉ bị gãy chân trái, trở thành thương binh. Đến năm 1975, Việt Cộng chiến thắng, về Saigon, hẩn được cử lên đến chức vụ cao nhất là Phó Ban Nội Chính tỉnh Tây Ninh năm 1989. Từ 1992, chuyển sang làm Trưởng Ban Nội Tôn giáo tại tỉnh này. Đại cương tiêu sử của hẩn, tôi biết được là như thế. Ông nghĩ xem, một đứa bé, không được học hành gì, chỉ được huấn luyện bắn súng, nhồi nhét mớ lý thuyết cộng sản đấu tranh giai cấp, quá hấp dẫn với cậu bé mồ côi ấy, rồi giao cho công tác ám sát Tổng thống Diệm. Hẩn bị tù hơn tám năm. Sống tiếp mười năm trong rừng rú, địa đạo, năm 1975 về Saigon, hẩn có khả năng gì chứ? Làm Phó Ban Nội Chính chỉ là một chức vụ ngồi chơi. Làm trưởng ban tôn giáo thì có gì mà làm? Phong cho quân hàm đại tá để tuyên truyền quảng cáo mà thôi! Cho nên bọn thân Cộng nào đó làm rùm beng vụ Hà Minh Trí, thổi lên là “tiếng súng cao nguyên” cho rôm rả, chứ thực chất, bản thân hẩn ta có nghĩa lý gì đâu? Nghệ thuật tạo ra hào quang cho một nhân vật nào đó của Cộng Sản, thì ông đã biết mà! Chẳng hạn như trận Điện Biên Phủ do tướng Tàu Vi Quốc Thanh chỉ huy, chớ đâu

phải Võ Nguyên Giáp! Giáp chỉ thi hành lệnh của Thanh thôi! Vậy mà Hà Nội thổi Giáp lên thành danh tướng, đánh thắng Pháp trong trận Điện Biên ấy! Hồ Chí Minh còn viết sách ký tên Trần Dân Tiên ca ngợi Hồ Chí Minh nữa cơ mà!!! Ôi chao, “tiếng súng cao nguyên” chỉ có thể thôi! Cũng như vụ Nguyễn Văn Trỗi, Võ Thị Sáu, cũng vậy. Chúng dựng thành phim ca ngợi Trỗi, ca ngợi Sáu là những chiến sĩ anh hùng! Láo khoét cả!!! Những con chót đen ấy, được đánh bóng cho nhu cầu giai đoạn của họ!”

Tôi thở ra:

“Thì ra vụ tiếng súng cao nguyên chỉ có thể!!!”

Ông khách cười, nói tiếp:

“Hắn bắn dở ẹt! Đâu có phải tay thiện xạ gì đâu! Thiện xạ? Thì phải như tay súng bắn Tổng thống John Kennedy ở Dallas mới đáng mặt thiện xạ! Tổ chức nào đứng sau lưng tay súng này, tất cũng phải khác xa Hà Nội vậy!... Tên Hà Minh Trí đó, sống sót được là nhờ vào lòng nhân đạo thật sự của Quốc trưởng Phan Khắc Sửu nói riêng, của Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa nói chung. Tuyên án hắn tử hình, nhưng không nỡ giết một kẻ thừa hành như hắn. Chính quyền ta có lòng nhân đạo, chứ không như bọn Cộng sản. Hà Nội giết biết bao các nhà chí sĩ đảng phái quốc gia, giết biết bao người của nhóm Đệ Tứ, giết biết bao người Đệ Tam ly khai!!! Tôi hy vọng rằng những ai quan tâm đến lịch sử thời cận đại này, hãy cầm bút, viết hết cho các thế hệ hậu duệ của chúng ta được biết, viết thành một bản án tội ác của Cộng Sản. Ghé qua tiệm sách báo, tôi thấy đã có kha khá sách viết,... Tôi hy vọng lịch sử ấy, có cả ngàn người viết!...”

“Tôi cũng mong ước như ông,... sẽ có cả ngàn người viết!!!”

Ông khách lại hỏi tôi:

“Thưa ông, ông là người nghiên cứu về số mệnh con người, ông có thấy cuộc đời này đẹp không ông? Có đáng sống không ông?”

Tôi thưa:

“Ông đặt ra cho tôi một câu hỏi rất khó trả lời. Cuộc đời, theo tôi, có thể đẹp cho người này, mà không đẹp cho người khác. Đáng sống với người này, nhưng

không đáng sống cho người khác. Dòng đời, như sóng biển đồ hoai vào bờ, con người bơi chài kiếm ăn cực nhọc suốt đời, đời này nối tiếp đời khác, từ bao giờ không biết, rồi miên viễn đến khi nào, cũng không biết. Nhưng dường như mọi thứ ở đời, cứ lập đi lập lại, không có gì mới chảng, cứ trôi hoai trôi mãi,... Cũng ngần ấy thứ buồn vui. Cũng sinh lão bệnh tử, rồi ai cũng có một thời để chết. Biết thế nào là đẹp, biết thế nào là đáng sống? Thưa ông? Số mệnh con người, theo tôi, là cả một quá trình từ quá khứ xa xôi. Con người, hình như đã trải qua nhiều kiếp. Kiếp này, mang tất cả nghiệp đời của các kiếp trước. Kiếp này, mang tất cả trách nhiệm của các kiếp trước. Kiếp này, là một sự tổng kết của mọi kiếp trước kia của người ấy. Do vậy, đau khổ hay hạnh phúc, giàu sang hay nghèo nàn, là kết quả của mọi cái nhân từ xa xôi,... Tôi quan niệm như vậy. Thưa với ông như vậy.... Ông, bây giờ có thể hưởng sự an nhàn được rồi, xin chúc mừng ông.”

Ông khách mỉm cười:

“Cảm ơn ông. Tôi cũng muốn hỏi ý kiến ông về tổng thống Diệm một chút. Có người nói ông Diệm mạng lớn, nên mới thoát chết ở hội chợ Ban Mê Thuật năm 1957. Ông nghĩ sao?”

“Đối với tôi, tôi không phân biệt mạng lớn hay mạng nhỏ, mà chỉ có đức lớn hay đức bạc. Ông Diệm không chết trong vụ ám sát năm 1957, vì ông, lúc đó, còn hồng đức. Sau này, trong mấy năm cầm quyền, không vun trồng đức lớn, ngược lại, làm suy giảm,... Do đó, trong cuộc cách mạng của quân đội cuối năm 1963, không thoát nổi. Thưa ông, mình đối xử với đời như thế nào, thì đời đối xử với mình cũng như thế ấy. Đó là cái nhìn của tôi, ý kiến riêng của tôi.”

Ông khách lại mỉm cười:

“Ông lý giải như thế, tôi ngộ ra rồi. Quả như lời thi sĩ Nguyễn Du: “Có Trời mà cũng có Ta.” Tôi chống ông Diệm vì tính chất độc tài của ông. Theo tôi, đảng tôi chủ trương đoàn kết quốc gia, chỉ sử dụng vũ lực với Bình Xuyên mà thôi! Bởi Bình Xuyên nắm sòng bài Đại Thế Giới. Cần phải dẹp sòng bài này! Để xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn, lành mạnh hơn. Nhưng đối với các đảng phái,

và lực lượng quân sự của các giáo phái, như Cao Đài, Phật Giáo Hòa Hảo, cần có sự thương thảo, sự hợp tác, để từng bước chuyển đổi họ thành những sư đoàn chính qui của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Vùng Hậu Giang, được coi như một ốc đảo thanh bình, vì tinh thần chống Cộng Sản rất cao, lực lượng vũ trang của Hòa Hảo nếu như được chính quyền yểm trợ vũ khí, đạn dược, quân trang quân dụng, sẽ trở thành một sư đoàn thiện chiến. Được vậy, chính quyền kiểm soát được Vùng Bốn, Việt Cộng không có chỗ dung thân! Vùng Ba cũng vậy, nếu như sử dụng lực lượng vũ trang của Cao Đài. Ông biết không, khi ông Diệm giết tướng Ba Cụt Lê Quang Vinh của Hòa Hảo, ngài Phạm Công Tắc của Cao Đài giáo sợ quá, phải chạy sang Phnom Penh. Ông biết không, số tin đồ Cao Đài và Hòa Hảo đã bỏ chạy vào rừng, theo Việt Cộng khoảng trên hai ngàn người. Họ bị Hà Nội sử dụng triệt để trong việc thành lập Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam Việt Nam. Thay vì sử dụng được họ, lại đẩy họ sang hàng ngũ kẻ thù!!! Làm suy yếu chính mình, làm suy giảm đoàn kết dân tộc, mà lúc này cần đoàn kết để chống Cộng. Có phải là, theo tôi, ông Diệm đã tự đào hố chôn mình?! Ở Miền Trung, ông Diệm triệt hạ Đại Việt Quốc Dân Đảng ở Quảng Trị, diệt Việt Nam Quốc Dân Đảng ở Quảng Nam. Lịch sử của các đảng phái này, có ghi chép đầy! Chẳng qua là ông Diệm muốn tập trung quyền hành. Không biết ông có vấn chính trị Ngô Đình Nhu có ý kiến gì trong việc này không? Quả thật, tôi không biết! Chủ trương tập trung này, là độc tài! Trong khi tình hình đất nước, đứng trước nguy cơ xâm lược của Cộng sản Bắc Việt, đòi hỏi một sự linh động hơn, hầu tạo được thế quân dân đoàn kết!!!

“Nay, nghe ông nói đến hồng đức. Tôi ngộ được một điều. Ông Diệm trong những năm cầm quyền, đã làm suy giảm hồng đức,... Cái chết của ông Diệm trong ngày 1 tháng 11 năm 1963, cũng chỉ là tương quan nhân quả thường tình!!! Còn lịch sử nghĩ sao, tôi không biết! Tôi biểu đồng tình với ông về quan điểm này. Cảm ơn ông. Ông giải đoán lá số của tôi, khá lắm. Một lần nữa cảm ơn ông. Tôi cũng xin lỗi ông, không cho ông biết danh tính của tôi. Ông cũng không cần thắc mắc làm gì! Cứ xem tôi,

như một người khách “vô danh” đi, có được không?”

Ông khách cười nhỏ. Tôi hỏi ông:

“Thưa ông, ông là một nhân vật trong thời đại đó, xin được phép hỏi ý kiến ông. Một câu hỏi thôi: Lý do chính nào, chúng ta bại trận năm 1975?”

Ông khách đứng dậy. “Chúng ta bị phản bội.”, ông nói. Rồi ông móc túi, đặt quẻ 50 USD và chào tôi, ra về. Tôi cảm ơn ông và tiễn khách. Từ lúc bước vào nhà, cho đến lúc rời khỏi, ông khách vẫn đội mũ phớt, đeo kính. Không biết đâu ông có bị sói không? Chỉ thấy nhiều sợi bạc ở hai bên thái dương. Ông mặc suit màu xám tro, thắt cà vạt nâu nhạt. Ông cho biết ông đã từng giữ một chức vụ trong chính quyền Miền Nam Việt Nam, sau cuộc đảo chánh tổng thống Diệm. Ông là ai? Tôi không đoán được. Tôi cũng không nhớ rõ được khuôn mặt ông. Thời gian trôi đi, tôi không lưu giữ được một nét gì về ông. Quả thật, ông là một người khách “vô danh”! Bây giờ ông ở đâu? Chúc ông được bình an, vui hưởng cảnh thanh nhàn của tuổi già.

HOÀNG NGỌC HIỂN

(trong bản thảo tập truyện “Trăng Lu Phố Cũ”)

HOÀNG NGỌC HIỂN

# BÓNG NÚI TÀ CÚ

Sau mấy ngày mưa gió xầm xập, sáng sớm nay bỗng ngừng hẳn. Thế là cơn bão rút đã đi qua. Nắng lên vàng óng, rục rờ trên sườn núi Tà Cú. Cụm sương trắng đọng trên đỉnh đang tan dần, lộ ra mái ngói âm dương của ngôi chùa trên núi. Gọi là Chùa Núi, đã được xây cất trên hai trăm năm, do hai thiền sư Hữu Tạng và Hữu Đức, nghe nói có từ thời Chúa Nguyễn chiếm được mảnh đất Champa cuối cùng trên con đường Nam tiến mở rộng bờ cõi biên cương. Theo tục lệ, vào ngày mùng Năm tết mỗi năm, các Phật tử lên chùa Núi lễ Phật, ở đó suốt ba ngày, ăn chay niệm tâm. Năm nào, vào những ngày ấy, cũng âm áp, trời trong xanh đẹp đẽ, Phật tử có thể ngủ ngoài rừng, phía trước cổng chùa. Ban ngày vào ở bên trong chùa. Trong cảnh yên tĩnh, thanh vắng, tiếng chuông âm vọng: "...úm ma ni bát mê hồng..." như càng làm lắng đọng không gian và thời gian, làm tăng vẻ tôn nghiêm, thành kính, tin tưởng vào chân lý sắc không của Phật tử. Số Phật tử đến Chùa Núi thường không mấy đông, có lẽ bởi Chùa Núi ở trên cao, đường đi không mấy dễ dàng. Nhưng những ai đã từng đến với Chùa Núi, ít ai bỏ được Chùa Núi, mà đi chùa khác. Có khá nhiều Phật tử ở mãi thị trấn Phan Thiết cũng thường tới Chùa Núi này.

Dưới chân núi Tà Cú, có một miếng đất rộng hơn mười mẫu của Chùa Núi, được dùng canh tác, tạo hoa lợi nuôi sống tăng ni và hơn hai mươi trẻ mồ côi. Được cái là hầu hết các trẻ em mồ côi ở đây đã lớn, có nhiều em có thể tham gia lao động. Vả lại, hầu hết các em này được huấn

luyện để trở thành tu sĩ theo ý nguyện của cha mẹ chúng khi bỏ rơi chúng vào đây. Có người đã cấp dưỡng, tuy chỉ một lần duy nhất, nhưng số tiền bạc khá lớn, rồi từ đó không bao giờ trở lại. Có người liên tục cấp dưỡng một thời gian nào, rồi dứt hẳn. Có thể nói, hầu hết những em này bị bỏ vào đây, do chúng bị sinh ra trong một nghịch cảnh, đặc biệt, ngang trái, ngoài ý muốn; gia đình, vì một lý do nào đó, không thể chấp nhận nuôi dưỡng, đành đem chúng lên Chùa Núi nhờ một vị Sư Bà ở chùa Núi này. Do đó, chúng đều bị mặc quần áo nâu sồng, được học hỏi các Pháp để trở thành tu sĩ. Dãy nhà cây, vách ván hoặc nhà lá trên miếng đất trống trọt này, không phải là một trang trại nuôi trẻ mồ côi, nhưng do tính chất khác thường ấy, bỗng biến thành một nơi nuôi dưỡng trẻ mồ côi, một cách mặc nhiên. Trên danh nghĩa, chúng là những tu sinh của Chùa Núi. Cha hay mẹ chúng, bỏ chúng vào đây rồi, coi như đã giải quyết xong số phận chúng.

Huân là một trong số những em này. Năm nay, anh đã bốn mươi tuổi, hoạt bát, tích cực trong mọi công việc của Chùa Núi, nhất là ở Chùa Dưới. Ở đây, gọi chùa này là Chùa Dưới để phân biệt với Chùa Trên. Chùa Dưới chỉ có một phòng nhỏ đặt bàn thờ Phật, bát nhang, chuông mõ, kinh kệ mà thôi. Đôi khi ngài viện chủ xuống đây giảng kinh cho tu sinh. Có khi tất cả phải lên Chùa Trên khi có lệnh của ngài, nhưng thường chỉ xảy ra trong những dịp lễ tết. Huân được ngài viện chủ tin tưởng trao phó cho công việc quản lý ở chùa Dưới. Anh là một tay chơi đàn guitar rất khá. Thú tiêu khiển giải buồn của anh, chỉ là cây guitar. Thỉnh thoảng anh mới cất tiếng hát, Giọng anh không hay lắm, nhưng phảng phất, đôi khi như cô đọng một nỗi buồn. Anh chỉ hát nhạc tiền chiến, như những bản của các nhạc sĩ Lê Thương, Văn Cao, Đặng Thế Phong, Đoàn Chuẩn, Hoàng Giác... Căn phòng của Huân ở kế cận phòng tôi, nên tôi luôn được thưởng thức tiếng đàn giọng hát của anh. Tôi, năm bảy mươi tuổi, tôi bỏ miền “đất trịch” Hoa Kỳ, tình nguyện đến đây, để sống những năm cuối đời mình, thấm thoát thế mà đã được hơn một năm rồi. Nhanh quá. Sáng nay, tôi pha cà phê và trà xong, gọi anh Huân qua uống. Tôi nói:



“Con mưa bão qua rồi. Trời đẹp, có nắng ấm rồi, mai ta lên chùa Trên thăm các ngài trên đó xem sao.”

“Vâng, con cũng vừa có ý nghĩ như chú. Hôm nay, mình kiểm soát, thu dọn chùa Dưới xem có gì hư hại không, để mai báo trình các ngài trên ấy.”, Huân vừa ngồi xuống ghế vừa nói.

“Thì ra anh đã tính toán đầu đuôi rồi, trước cả ý nghĩ của chú. Ngài Viện Chủ trao trách nhiệm cho anh điều hành công việc Chùa Dưới, quả là ngài đã tin tưởng vào khả năng của anh.”

“Chú quá khen. Cảm ơn chú. Con cũng nhờ chú giúp đỡ nhiều. Ngài cũng đưa chú đến đây làm cố vấn cho con, hẳn cũng đã nhìn thấy tài năng của chú.”

Tôi cười: “Thế là chú cháu mình khen nhau! Uống cà phê đi anh, còn đương nóng. Rồi nấu mì gói ăn cho ấm bụng. Sau đó ta bắt tay ngay vào việc. Đám trẻ kia đã có nhà bếp lo liệu, nếu có cần thiết ta mới nhờ đến các em tu sinh ấy. Hy vọng trời nắng ráo, cho đất ấm lên, cây cỏ vươn lên. Chú cũng muốn ra thăm con suối Đá Bạc xem nước đã dâng lên tới đâu rồi? Sau những cơn mưa lớn, chú thích nhìn dòng suối đầy nước, chảy cuồn cuồn...”

Huân đặt ly cà phê xuống:

“Con thấy chú hay ra suối Đá Bạc?”

“Phải, chú thích ngồi bên bờ suối, hút một tẩu thuốc, nhìn dòng nước chảy...mà liên tưởng đến dòng đời. Dòng nước cứ chảy, dòng đời cứ trôi... Chú có cảm tưởng như là dòng đời cuốn chú đi. Chú chỉ như là một chiếc lá rơi trên dòng suối ấy...”, tôi ngừng nói, như để suy nghĩ. Quả thật, tôi đang nghĩ đến chiếc lá rơi ấy, nó sẽ về đâu?

Huân chép miệng:

“Chú ở đây hơn một năm rồi đấy! Chú có cảm thấy buồn không? Nhớ nước Mỹ không? Chú Phụng, con vẫn thắc mắc vì sao chú bỏ cuộc sống tiện nghi vật chất đầy đủ ở một xã hội văn minh bậc nhất thế giới, về sống giản dị trong vùng núi sâu này? Chú qua Mỹ từ trước ngày 30 tháng Tư năm 1975, ở Mỹ trên ba mươi năm, hẳn chú đã có chỗ đứng vững vàng, có nhà, có xe,... Vậy mà sao?”

Tôi nhấp một ngụm trà, rồi thông thả trả lời chú:

“Đúng, anh thắc mắc cũng phải. Hai đứa con tôi,

một trai một gái, đều đã có gia đình riêng, chúng không những thắc mắc, mà còn phản đối tôi nữa kìa! Phải, tôi có nhà, có xe Mercedes, đời sống đầy đủ tiện nghi. Vợ chết đã hơn mười năm, không vương bận gì, hưởng tiền hưu đã bốn, năm năm, hàng ngày dong chơi... Vậy mà đột nhiên, tôi bán hết, bỏ hết, về dưới chân núi Tà Cú này, sống cuộc đời mộc mạc. Không phải là tôi không có lý do! Tất phải có chứ? Từ khi tôi bước vào tuổi ngũ tuần, tôi đã có ý định đến năm đúng bảy mươi tuổi, tôi sẽ buông bỏ hết, để đi tu. Tu ở đâu? Tôi chưa biết, nhưng rồi tôi sẽ chọn lựa. Tôi nghĩ, nếu như mình sống được đến bảy mươi tuổi, đã là thỏa mãn lắm rồi, còn ham hố gì nữa? Đến bảy mươi tuổi, tôi cảm thấy mình được hưởng quá nhiều lộc của Trời rồi, dẫu cũng đã có những lúc gian nan, thiếu thốn, vất vả, đau buồn. Tôi bỗng có cảm tưởng tôi chưa làm được gì giúp ích cho đời, cho người. Đã đến lúc tôi phải thay đổi, tôi phải làm một cái gì chứ? Nếu không thì muộn mất! Tôi chợt nghĩ tới Phan Thiết, núi Tà Cú, nơi trước kia tôi đã có một thời làm sĩ quan tác chiến. Tôi vốn biết Chùa Núi, nơi có một số em mô cô, nơi có một số tu sinh. Hình như tôi đã có lần nói cho anh biết, tôi từng là sĩ quan Đại Đội Trưởng một đại đội tác chiến của Tiểu Khu Phan Thiết, từng hành quân vào chân núi Tà Cú? Một lần, tôi lên chùa Núi, gặp vị hòa thượng trụ trì. Không ngờ, vị ấy là thầy học của tôi khi tôi học lớp Đệ Nhất. Ông qua đời rồi... Anh Huân, đó là cơ duyên mà tôi cúng dường chùa Núi, và về đây, đem thân nương nhờ cửa Phật ở vào tuổi cuối đời? May ra mình làm được một chút gì có ích cho đời cho người, trước khi tôi là cánh lá trôi theo dòng suối Đá Bạc kia! Dưới chân núi Tà Cú này, đơn vị tôi đã từng chạm địch, đã từng đẩy lui địch, giết cả trung đội địch, thu giữ nhiều súng AK47, K54, K59,... Đơn vị tôi đã nghỉ chân bên bờ suối Đá Bạc. Lúc dừng chân ấy, tôi thấy dòng suối đẹp quá, ngọn núi Tà Cú rực rỡ quá. Bầu trời cao và xanh ngắt. Một thời oai hùng, oanh liệt. Vậy mà chúng tôi đã thua trận cuối cùng! Tại sao? Tại sao thì giờ đây, lịch sử Hoa Kỳ đang mở ra..."

Tôi ngừng nói. Uống một ngụm trà, rồi nói tiếp:

"Và lại, ở đây, cũng đầy đủ tiện nghi vậy. Nào có

thiếu chi đâu? Tôi thích ăn xôi gà rô-ti, thì chúng ta đã nuôi một bầy gà kia, muốn ăn lúc nào chẳng được? Gà này, bên Mỹ gọi là gà “đi bộ”, để phân biệt với gà công nghiệp nuôi trong chuồng. Gà đi bộ thịt nó dai, chứ không bở như gà chuồng, ngon hơn nhiều. Hơn nữa, đối với tôi, chỉ có ông vô này là quan trọng hơn hết, thì tôi đã căn dặn các con cứ hai hoặc ba tháng gửi cho tôi một lần thuốc hút, hiệu Priar Patch, hương vị Champagne. Nào có thiếu đâu? Ở đây, thỉnh thoảng ta ra biển cát, ngắm những đồi cát vàng, những đồi cát trắng, đẹp tuyệt vời, trông đến thích mắt. Ở Mỹ, muốn ngắm bãi cát trắng, phải mất công tới tận vùng biển Florida! Ở đây, còn màu biển xanh của Phan Thiết, một màu xanh đâu có thua gì màu xanh của vùng biển Địa Trung Hải? Chú đi nhiều nơi, quả thật, không đâu đẹp bằng quê hương mình. Việt Nam ta có những kỳ quan lịch sử, không đâu sánh được! Vịnh Hạ Long đó! Đất Hà Tiên đó! Những hòn đảo nằm trên biển xanh, như Hoàng Sa, Trường Sa, Côn Sơn, Phú Quốc,... đẹp vô ngần!!! Tôi quyết định dành phần đời còn lại của tôi ở dưới bóng núi Tà Cú này, vì những lý do đó. Đến đây, tôi lại may mắn được gặp anh Huân, nghe tiếng đàn tiếng hát của anh, thật là thú vị lắm. Còn anh, anh Huân, chắc anh cũng phải có lý do đặc biệt nào đó, mới làm tu sinh ở dưới bóng núi Tà Cú này?”

Anh Huân thông thả trả lời:

“Cảm ơn chú. Thưa chú, quả có thể. Chú muốn nghe, con sẵn sàng kể. Chuyện thế này,...”.

Tôi đặt ly trà xuống bàn, chăm chú nghe:

“... Con là một đứa trẻ mồ côi, bị bỏ rơi ở Chùa Núi này từ khi lên bốn tuổi. Không cha, không mẹ, không có tên nữa. Sư Bà ở đây đã đặt tên con là Nguyễn Thiện Huân. Cũng không biết rõ ngày tháng năm sinh, và sinh ở đâu? Vâng, thưa chú, chuyện đời con như vậy,... Sư Bà kể rằng, một ngày kia, bà nội con, đột nhiên đến Chùa Núi thăm ngài. Xưa kia, Sư Bà và bà nội con vốn là bạn đồng lớp, đồng trường; nhưng lớn lên, mỗi người một chí hướng. Sư Bà đi tu, bà nội con đi lấy chồng, làm con dâu của một gia đình thuộc hàng thế gia vọng tộc. Bà nội con kể cho Sư Bà đây nghe, rằng bà có đứa cháu nội trai, đang

học lớp Đệ Tam bậc trung học đệ nhị cấp, đã gian dứ với một cô gái, đúng hơn, một nữ nghệ sĩ hơn nó đến năm, bảy tuổi. Cô ta mang bầu, sinh ra đứa trẻ, chỉ một tháng sau, đem trả cho người tình, rồi ra đi mất biệt. Người cháu nội trai bé đưa bé về, nhờ bà nội giải quyết. Đứa bé ấy cần được quên đi, đúng hơn, cần được bỏ đi, cần được biến mất, trong gia đình. Cho bố nó được yên tâm theo đuổi việc học hành, xây dựng sự nghiệp, không gây tai tiếng cho dòng tộc. Đứa bé ấy, được bà nội đem thuê người khác nuôi, cho đến khi được bốn tuổi, thì đem bỏ ở chùa này.... Mẹ con, một nữ nghệ sĩ, không biết là nghệ sĩ cải lương, một đào thương trong một đoàn hát, hay một ca sĩ, một nhà văn, một nhà thơ, một kịch sĩ, một tài tử điện ảnh, con không biết rõ. Trước khi gian dứ với cậu học sinh trẻ tuổi, bà ta đã có một đời chồng, có một đứa con gái; nhưng bà ta cũng đã bỏ chồng, bỏ con,... Bà nội con không thể, và không bao giờ có thể chấp nhận một người đàn bà như vậy làm cháu dâu trong nhà. Đó là lý do, bà nội con phải lặn lội từ Ban Mê Thuột đến chùa Núi này gặp người bạn thân cũ, kể câu chuyện đời, và xin nhờ nuôi dưỡng nó như nuôi dưỡng một đứa trẻ mồ côi, và cũng nhờ huấn luyện nó thành một tu sĩ Phật giáo. Đó là nguyện vọng của bà. Bà nội con cũng đã cúng dường vào chùa Núi này nhiều tiền bạc, chỉ vì có một đứa cháu bị bỏ rơi ở đấy vào đúng một ngày lễ hội, ngày mừng Năm tết!!! Thời gian trôi đi... Bà nội con không bao giờ trở lại. Con lớn dần lên. Một ngày kia, Sư Bà ngó ý muốn con trở thành một tu sĩ Phật giáo, xuống tóc qui y. Sư Bà nói, con không thể tìm được nguồn gốc của mình đâu! Bởi bà nội con không trở lại, có lẽ đã qua đời rồi, hơn mười năm bà đã không trở lại chùa Núi. Cũng không hề thấy một người đàn ông, hoặc một người đàn bà nào, đến chùa Núi này hỏi thăm đứa trẻ. Tất cả, đã quên đứa trẻ, đã gạt nó ra khỏi gia đình, dòng tộc. Tuy nhiên, họ vẫn còn một chút lương tâm, nên mới giao nó cho một ngôi chùa nuôi dưỡng và bày tỏ nguyện vọng muốn nó trở thành tu sĩ. Sư Bà nói, họ trốn tránh, vì một lý do nào đó, nên thông cảm và tha thứ. Bà luôn luôn khuyên con nên quên đi quá khứ, nhìn về tương lai. Bà luôn khuyên con nên thông cảm và tha thứ, họ cũng có nỗi khổ

tâm của họ. Có thể Sư Bà biết rõ chuyện, nhưng không nói hết.

“Người thân yêu nhất của con là Sư Bà. Nhưng Sư Bà đã qua đời gần mười năm rồi. Vào những ngày cuối cùng, Sư Bà luôn an ủi con, ngài nói dòng đời nghiệt ngã lắm, con nên đứng xa ra, không nên bước chân vào. Núi Tà Cú này có thể là một bóng mát che chở suốt cuộc đời con. Con nhớ mãi câu nói này của Sư Bà...”

Anh Huân ngừng nói. Câu chuyện kể đã hết. Đường như anh có một chút xúc động nhẹ. Tôi nói:

“Xin lỗi anh Huân, tôi đã gọi lại nỗi buồn của anh.”

“Không! Không có gì, thưa chú. Sư Bà mất, con cảm thấy cô đơn vô cùng, trong mấy năm vừa qua. May sao, có chú đến với con. Con cảm thấy bớt cô đơn, Nhưng liệu chú ở đây được bao lâu nữa? Con e là, với cảnh buồn ở đây, chú sẽ bỏ đi, chú lại trở về Mỹ?”

Tôi nhìn anh nói:

“Chú ở đây, sống với anh như sống với một người bạn. Vui lắm. Cảnh trời chiều dưới chân núi Tà Cú có vẻ hoang lạnh, thời gian đầu, chú cảm thấy buồn thật, nhưng chú ngộ ra rằng cảnh im vắng này mới thích hợp với người tu hành. Chú chẳng đang muốn làm một tu sinh hay sao? Đáng lẽ ra, chú phải bước vào cửa Phật sớm hơn kia. Chú không bỏ nơi này mà đi đâu!... Hình như câu chuyện đời cháu vừa kể, chưa hết?”

“Hết rồi, thưa chú. Sư Bà nói ngài chờ đợi bà nội con trở lại, mòn mỏi,... Bà có hứa là bà sẽ trở lại. Nhưng rồi không bao giờ có nữa!!!”

Tôi đưa ra ý kiến:

“Nhất định là bà nội anh sẽ trở lại, vì bà đã hứa với Sư Bà. Nhưng, theo chú nghĩ, vì thời cuộc thay đổi quá nhanh chóng, quá bất ngờ. Anh biết đấy, đất nước ở trong thời kỳ chiến tranh mà! Ai dự tính trước được đời mình? Cuộc tháo chạy tháng Ba năm 1975, cuộc tan hàng vô nghĩa lý tiếp theo sau, biết đâu bà nội anh đã gặp rủi ro gì chẳng? Sư Bà nói anh nên thông cảm và tha thứ, chú thấy đúng lắm đấy, anh Huân ạ. Mỗi người đều có nỗi khổ tâm riêng, không thể giải bày được. Mình nên thông cảm và tha

thứ, chứ không nên buộc. Như vậy, trước hết, lòng mình được nhẹ nhàng, thanh thản hơn. Ở đời, mấy ai hoàn hảo? Mấy ai không phạm sai lầm? Trong câu chuyện kể, chú thấy rằng mọi người đều có nỗi khổ tâm riêng. Có lẽ mẹ anh là một nữ nghệ sĩ sắc nước hương trời, mới có thể làm say đắm lòng cậu thư sinh trẻ tuổi? Lỡ rồi, biết giải quyết ra sao? Bà nội anh giải quyết như vậy, cũng là khôn khéo lắm, nhưng hẳn cũng không tránh khỏi nỗi ngậm ngùi, nỗi ân hận, nỗi tiếc nuối,...? Bà nội anh không trở lại được, nhất định là bà hối tiếc lắm. Phải, Sư Bà nói phải lắm, nên thông cảm và tha thứ, cho cả cha anh, mẹ anh. Thời buổi chiến tranh, khói lửa khắp nơi, biết đâu mà tính trước được đời mình?”

Câu chuyện đến đây, chợt có tiếng vọng của hồi chuông sớm từ chùa Trên đổ xuống. Chúng tôi cùng im lặng lắng nghe âm vọng: ...Úm ma ni bát mê hồng...

Khi âm vọng chấm dứt, Huân nói:

“Hòa thượng chùa Trên thỉnh thoảng đánh chuông khuya như chùa Hàn San bên Tàu. Ngài dạy rằng: con hãy để hết tâm hồn con vào tiếng chuông, nhất là tiếng chuông khuya khoắt, trong đêm thanh vắng của núi rừng, con sẽ thấy tiếng âm vọng của nó, úm ma ni bát mê hồng, như có một hiệu lực thần kỳ, làm lòng con quên hết những giông bão của cuộc đời, con sẽ cảm thấy bình yên trong tâm hồn. Đó là niềm vui đích thật, phát xuất từ chính lòng mình.”... Chú Phụng, thêm vào lời nói của Sư Bà: bóng núi Tà Cú có thể là bóng mát che chở suốt cuộc đời con.... Bởi vậy, con không muốn xa núi Tà Cú, bước chân vào chốn thành thị xa hoa!... Chú nhìn kia, đỉnh núi Tà Cú đẹp chưa?”

Tôi nhìn ra ngoài. Không còn một mảng sương mù nào trên đỉnh núi Tà Cú. Ngôi Chùa Núi hiện ra giữa bầu trời trong xanh, đầy nắng. Quả thật, như Huân nói, ở đây, thỉnh thoảng hòa thượng chùa Trên đổ một hồi chuông khuya, như chùa Hàn San. Không giờ là điểm khởi đầu, mà cũng là điểm kết thúc. Khởi đầu ở không giờ. Kết thúc cũng ở không giờ. Nó mang ý nghĩa trọn vẹn của “vô thường”. Mọi sự từ hư không mà đến, thì tất cả mọi sự sẽ trở về hư không.

Tôi bỗng chờ đợi một hồi “Vô thường chung” hơn

bao giờ hết. Núi Tà Cú xanh mượt mà trên bầu trời rực nắng. Và chợt nhớ suối Đá Bạc, nơi tôi thường hay ngồi bên bờ, hút hết một ống điếu, mỗi buổi chiều. Có lẽ, sau mấy ngày bão rút, mưa dầm dề, giờ đây nước dâng đầy suối Đá Bạc? Tôi sẽ là một cánh lá rơi trên dòng suối ấy? Nhưng bao giờ? Tôi đã sẵn sàng...

(trích từ bản thảo tập truyện “Trăng lu phố cũ”)

HOÀNG NGỌC HIỀN

## Ngã Ba Rừng Cản Lê

Ở một chỗ trong cánh rừng cao su mênh mông, có một ngã ba giao lộ. Không xa Quốc Lộ Mười Ba và cầu Cản Lê bao nhiêu, hai ông cháu đang chụm lửa nướng cá. Ông lão đã ngoài bảy mươi tuổi, râu tóc bạc phơ, nhưng vẫn cường tráng, mắt sáng quắc, chọt ngừng tay, nhìn bóng nắng đổ trên con đường đất đỏ, bảo cháu:

“Bây giờ mới khoảng giờ mùi, nắng còn lớn, cứ thong thả, cháu”.

Cậu thiếu niên mười bảy tuổi ngược nhìn ông:

“Ông bảo về sớm, để nghỉ ở đây, chứ không phải về về nhà sao ông?”.

“Nghỉ ở đây cháu. Bữa nay, mình câu được nhiều cá rồi! Mấy con cá này béo lắm đấy! Cháu nhìn, mỡ chảy xuống đồng lửa, xèo xèo! Bớt lửa lại, cời than ra, cháu”.

Cậu thiếu niên vội đưa thanh củi dụi vào đồng than hồng. Những đốm lửa đỏ như pháo hoa bốc lên, kêu lộp bộp. Mấy con cá nướng trông vàng ngậy treo trên giàn nướng, có vẻ như gần chín, chỉ đầu cá còn trắng.

“Cá sắp chín rồi, ông. Cá béo chấm muối tiêu chanh. Tuyệt đấy, ông ạ. Cháu có đem theo mấy trái chanh cho ông nữa. Cả bình rượu chuối!”.

“Cảm ơn cháu”, ông lão vừa nói vừa mắc võng vào khoảng giữa hai cây lớn.

Như mọi lần. Chỗ này là chỗ quen thuộc của hai ông cháu, thường dừng chân nghỉ lại, đốt than nướng cá, sau khi đi câu ở dưới Suối Đá Trắng trở về. Con suối ở dưới xa



kia, chỉ một thôi đường. Con suối khá lớn, có nhiều bãi cát và bãi đá trắng. Giữa suối, nổi lên một tảng đá trắng lớn, nên dân miền này gọi con suối là “Suối Đá Trắng”. Con suối có nhiều vùng trũng, cá tụ ở đây rất nhiều trong mùa nắng. Hai ông cháu đi câu hầu như suốt mùa. Chỗ ngả ba này, có một khoảng đất trống rộng rãi, vài ba cây cô thụ. Từ đây chia ba ngã. Một ngã đi xuống Suối Đá Trắng, một ngã dẫn tới xã Cần Lê, một ngã ra Quốc Lộ Mười Ba. Trên Quốc lộ, có một cây cầu, gọi là cầu Cần Lê. Trước tháng Tư năm 1975, có một tiền đồn gần cây cầu, do Đại Đội 399 trú đóng, với nhiệm vụ chính là bảo vệ cây cầu, giữ an ninh đoạn đường này dài hơn hai mươi cây số, con đường huyết mạch giữa thị trấn An Lộc và Chi Khu Lộc Ninh. Sau đó, cộng quân chiến thắng, đã phá hủy hoàn toàn tiền đồn Cần Lê.

Ông lão ngả lưng trên võng, nhìn trời. Cậu thiếu niên nhìn ông, hỏi:

“Ông mệt hả ông”.

“ Có lẽ ông hơi mệt thật, nhưng không sao đâu”.

“Hay là ông ngủ một giấc đi”.

Ông lão không trả lời, chỉ âm ừ, rồi nhắm mắt lại. Ông cũng muốn ngủ một giấc ngắn, nhưng làm sao ông ngủ được, bởi trong đầu ông vương vất với cái ngày đặc biệt: Hôm nay 30 tháng Tư 2005. Đúng ba mươi năm rồi! Đã ba mươi năm ! Ngày ấy, đại đội 399 trấn đóng đồn Cần Lê, mà ông lão lúc ấy là Trung úy Đại Đội Phó. Đêm 29 rạng ngày 30 tháng Tư năm ấy, trong căn hầm của Bộ Chỉ Huy Đại Đội 399, có sự hiện diện của sáu sĩ quan: Đại Đội Trưởng, Đại Đội Phó, bốn Trung Đội Trưởng, một Hạ sĩ quan truyền tin giữ máy PRC.25, và một Hạ sĩ quan cận vệ đại đội trưởng. Họ đã chờ đợi một trận tử chiến với Cộng quân như thế nào, vẫn còn ám ảnh ông như một nỗi chết không rời! Ông lão ngồi nhồm dậy, thong chân chạm đất, lấy cái bọc da nhỏ trong túi áo rộng. Cái bọc da đã cũ mèm, nhưng trong đó là một ông vớ hiệu dunhill, một gói thuốc, và một cái quẹt ga. Ông lão coi ông vớ là tài sản đáng giá đáng quý nhất của ông. Gói thuốc hương vị champagne, hiệu Briar Patch do người anh cả ở thủ phủ

tiểu bang California thường gửi cho ông. Ông lão quý lắm. Giờ đây ông nhồi thuốc vào ống vó, bật quẹt châm hút. Hơi đầu dài, khói thờ ra một làn bay theo gió nhẹ, ông nhìn theo làn khói, cảm như có men say thấm đẫm vào hồn... Đối với ông, không còn gì quan trọng trong cuộc đời này nữa, chỉ có tẩu thuốc là còn một chút ý nghĩa cuối cùng nào đó mà thôi! Hút xong tẩu thuốc, ông bắt đầu kể câu chuyện của ông cho đứa cháu nội của ông nghe. Mười bảy tuổi, nó đến tuổi hiểu được câu chuyện rồi !

\*\*\*\*

Đại úy Nguyễn Tiến Bộ, Đại Đội Trưởng trải rộng bản đồ phòng thủ Đồn Cần Lê trên bàn. Tôi, Trung úy Hiệp, Đại Đội Phó biết ông muốn nói gì rồi. Ông muốn nói đến phương án cuối cùng, trong trường hợp địch tràn ngập đồn. Ông nhìn tôi. Tôi nhìn ông. Thế là đủ hiểu. Như lúc Đức Thích Ca, sau bài thuyết pháp, cầm một bông hồng đưa lên, rồi nhìn tất cả một lượt các đệ tử của Ngài. Chỉ có Ca Diếp mỉm cười, và Đức Thích Ca mỉm cười đáp lại. Đó là cái mỉm cười, mang ý nghĩa nhận trách nhiệm của Ca Diếp mà Đức Thích Ca muốn trao phó.

“Các bạn, đêm nay, trong khi chờ tử chiến với cộng quân, sẽ dài lắm đấy! Nào, chúng ta nói chuyện gì đi chứ? Cho đầu óc bớt căng thẳng”, Đại úy Bộ nói.

Tôi móc gói thuốc Salem trong túi ra, mời mọi người. Tôi đốt một điếu bằng chiếc bật lửa zippo màu trắng trơn:

“Thì chúng ta triết lý đi. Triết lý quân sự, chiến tranh... câu chuyện dài đó của bọn mình nói đến bao giờ mới cạn?”

Thiếu úy Nhẫn, Trung đội trưởng trung đội Một cười nói:

“Thì ông vẫn được coi là triết gia của 399, ông mở đầu đi”.

Nhẫn ngả lưng xuống tấm ván, nói tiếp:

“Sao đêm nay tôi cảm thấy không được bình yên. Trong lòng tôi nó thế nào ấy! Còn quý vị, thế nào?”.

Tôi ngòì xuống:

“Bình tĩnh! Bình tĩnh lại các bạn ! Có thể đêm nay chúng ta đánh trận cuối cùng! Hơn bao giờ hết, chúng ta cần bình

tĩnh, đánh một trận cuối tuyệt đẹp! Rồi mỉm cười đi vào thiên thu !”.

Nhưng lời nói kích động của tôi, chỉ làm các sĩ quan đại đội 399 cười gượng gạo, không xua tan được hết nỗi ưu tư trong khi chờ đợi...

Chúng tôi đang đợi T.54 của cộng quân đổ xuống từ Lộc Ninh! Quận Lộc Ninh đã mất vào tay chúng mấy ngày nay rồi! Chúng tôi đang chờ đợi những đơn vị bộ chiến của địch từ trung ương cục R bên rừng Tây Ninh đổ xuống. Tin tức tình báo Tiểu Khu cho hay địch đang di chuyển về Bình Long. Đồn Cần Lê là cửa ngõ vào thị trấn An Lộc. Đại đội 399 đang đứng ở tuyến đầu. Đại Đội Trưởng đã ra lệnh cho chúng tôi: “Chuẩn bị tử chiến !”.

Chúng tôi im lặng. Có tiếng gió nổi lớn bên ngoài. Có tiếng động mạnh như tiếng cành cây khô . Đại úy Bộ đứng đây:

“Gió rừng lại thổi nữa rồi! Cành cây khô lại gãy nữa rồi! Hình như đêm nay, gió rừng nổi lớn !Như có cái gì bất thường...? Những cánh rừng cao su trầm mặc, thẳng hàng dọc, thẳng hàng ngang, cho tôi cái cảm tưởng đó là những xác chết đã đứng dậy. Mỗi cây cao su là một xác người ! Là một hồn người ! Tôi có linh cảm rừng cao su mách bảo cho tôi biết...”, ông chợt ngừng nói.

Ông dụi điều thuốc. Ông cầm lấy bao lưới lê, rút cây lưới lê ra khỏi bao, mân mê...

“Đây là lưới lê của tôi, dùng trong trường hợp cận chiến. Tôi gọi là kiếm ngắn. Quả thật, đây là một cây kiếm ngắn của Nhật, tôi mua được trong một tiệm tạp hóa ở Saigon, trong một chuyến đi công tác. Kiếm ngắn là một loại đoản kiếm, tiếng Nhật gọi là Tanto! Cây tanto của tôi, chuôi bằng đồng. Nó sắc như nước. Kiếm là đặc tính của dân tộc Nhật, hướng tới chân thiện mỹ... Không chừng đêm nay tôi phải dùng tới cây kiếm này”.

Im lặng.

Tôi như nổi gai ốc . Tôi biết người Nhật thường dùng kiếm ngắn trong trường hợp tự sát để bảo vệ danh dự. Tôi hình dung địch tràn vào đồn. Bọn đặc công thường cử trần, bôi than đen người. Cận chiến? Đồn Cần Lê đang chờ

đợi một cuộc tử chiến! Chiến đấu đến người lính cuối cùng? Tôi không run sợ. Nhưng hình như tôi hơi thiếu bình tĩnh. Tôi vội trấn tĩnh lại bằng cách đốt một điếu thuốc. Tôi thấy gói thuốc lên bàn cho các bạn tôi. Ông Đại Đội Trưởng nhìn tôi:

“Trung úy Hiệp, ông nói một cái gì đi chứ? Hay là ông nói tiếp câu chuyện dang dở hôm rồi đi... về William Faulner”. “William Faulner? Tôi không biết rõ về ông ta. Tôi chỉ biết qua loa về cuốn “The sound and the fury” của ông ta thôi! Âm thanh và cuồng nộ... Ông thấy đó, có tiếng gió hú bên ngoài, tiếng cành cây khô gãy mạnh, chẳng đủ âm thanh và cuồng nộ hay sao?”.

“Mặc Trung úy Hiệp cứ nói đi. Không có gì đâu. Những người chết cuối cùng trên tàu Titanic vẫn ca hát, uống rượu, kèn trống! Chúng ta, trong khi chờ tử chiến, vẫn ngồi với nhau, hút thuốc, ngắm cây tanto và triết lý về cuộc đời! Cuộc đời có ý nghĩa gì không, trung úy Hiệp?”.

“Có chứ? Phải không trung úy Hiệp?” , tiếng chú hạ sĩ quan cận vệ đại đội trưởng. Đồng thời, chú bung đến một mâm, trên đó sáu ly cà phê đen nóng, bốc khói. Mời quý vị dùng cà phê. Cà phê Ban Mê Thuật đậm đặc đây”.

“Ồ, hay quá. Cảm ơn chú Tùng. Cà phê của chú đến đúng lúc quá. Tôi xin một ly”. Chuẩn úy Hùng cười nói rộn ràng, với tay lấy một ly, đưa lên miệng uống liền.

“Tuyệt ! Tuyệt !Quý vị “ .

Mỗi người nhận một ly. Tôi có cảm tưởng đó là ly cà phê ngon nhất trong đời, quên phứt tính mạng mình đang bị treo trên sợi tóc. Phải chăng nó đượm chút hào hùng, uống ở một tiền đồn, đêm gió nổi, cành cây rừng khô gãy? Chú Tùng ngồi xuống với chúng tôi. Đại Đội Trưởng liền hỏi chú:

“Cuộc đời có ý nghĩa gì không, chú?”.

“Cuộc đời có ý nghĩa lắm chứ, đại úy . Đối với em, hình ảnh con tàu chuyển bánh trên đường rầy là hình ảnh của cuộc đời. Nhà em vốn nằm kế cận đường rầy... ngày nào mà chẳng có những chuyến tàu qua lại, dẫu trong nắng đổ hay mưa vùi. Có lúc em cảm nhận con tàu đi nhẹ nhàng, thanh thoi; có lúc em thấy nó nặng nề, mệt mỏi. Em cũng nhiều lần đi chuyển đây đó bằng tàu hỏa. Tàu dừng lại ở

nhiều ga, mỗi ga có một sắc thái riêng, tựa một nỗi niềm riêng. Khách đi tàu cũng vậy, đủ mọi loại người, trên tàu, em thấy đủ mọi vui buồn. Chúng ta là những hành khách trên một con tàu. Con tàu ấy là cuộc đời ! Dẫu một ngày nào đó, không có em, con tàu vẫn tiếp tục hành trình của nó... Đời người, theo em, có khác gì con người có mặt trên một chuyến tàu thôi ? Nhưng đủ cả hương vị, cay có đắng có, vinh có, nhục có... có đau khổ, có hạnh phúc ... Đó chẳng là ý nghĩa cuộc đời sao, đại úy ?”.

Bỗng có mấy tiếng súng M. 16 ở ngoài rừng vọng về. Rồi vài tiếng nổ của trái hỏa châu soi sáng trời đêm. Chúng tôi im lặng, lắng nghe... Nhưng sau đó, im bật, yên ắng . Câu chuyện trở lại. Đại úy nhìn ông Hùng:

“Còn chuẩn úy Hùng thì sao ?”.

“Tôi ... Quê tôi ở gần Cần Phụng. Gần chỗ ông Đạo Dừa đó. Quý vị đã biết ông tục danh Nguyễn Thành Nam, tốt nghiệp kỹ sư ở Pháp về Việt Nam đầu thập niên 1960, đi giảng thuyết đây đó. Ông chỉ sống bằng nước dừa. Ông dựng một cái am nhỏ, gọi là cốc ở trên một thân cây dừa để tĩnh tu. Năm 1963, ông lập một cái đền nhỏ trên một xà lan, cắm sào ở Cần Phụng. Con thuyền , ông gọi là con thuyền cứu rỗi. Có khi ông gọi là thuyền bát nhã. Có lúc ông gọi là thuyền Prajna. Đứng ở sân nhà tôi, có thể nhìn thấy bóng dáng con thuyền ấy thấp thoáng mấy cây dừa. Đã có lúc, tôi muốn mặc áo nâu đi theo ông Đạo Dừa. Nhưng nào tôi có được chọn lựa? Dòng đời đã đẩy tôi ra khỏi quê tôi. Tôi nhập trường Bộ Binh Thủ Đức năm 1973. Ra trường, tôi chọn Tiểu Khu Bình Long, về đại đội 399, lưu lạc từ đó đến nay, chưa một lần tôi trở về thăm quê. Tôi cũng không có kỷ niệm gì đáng nhớ ở đó... Có nhớ chẳng là nhớ dòng sông và con thuyền ! Cuộc đời là dòng sông. Ta chỉ thuyền. Vì là con thuyền, nên ta lênh đênh mãi trong cuộc đời ! Làm sao yên ?”.

Chúng tôi vẫn lặng lẽ hút thuốc, uống cà phê. Đại úy Bộ có vẻ trầm ngâm suy nghĩ hình ảnh con thuyền và dòng sông.

Đêm 29 rạng ngày 30 tháng Tư năm 1975 trôi đi đều đặn như tiếng tíc-tắc của chiếc đồng hồ treo trên tường.

Chợt có tiếng chim rùng kêu. Chú hạ sĩ quan truyền tin  
Phú có vẻ hơi hốt hoảng:

“Tiếng chim gì kêu vậy? Chim cú phải không? Chim cú...?”

Quả thật có tiếng chim cú kêu. Giữa đêm khuya, có tiếng chim cú kêu, nghe rờn rợn thế nào ! Nhưng chỉ vài tiếng, rồi mất hút. Phú nói tiếp:

“Đích thật tiếng chim cú kêu! Có điềm, có điềm... Đại úy ! Em gọi mấy thằng bạn xem sao ?”

Đại úy gật đầu. Phú mở máy.

“Đứa con thứ ba, mày đang làm gì? Có nghe tiếng chim cú kêu không ?”

“Có, gần đây, nghe rất rõ. Nó bay đi rồi ! Không có gì đâu ! Tang tảng sáng rồi !”

“Áy, rắn thường chui ra khỏi hang vào lúc mờ sương sớm. Thứ rắn độc ấy tinh khôn lắm. Mày biết không? Cẩn thận đó !”

“Biết rõ... súng bọn tao có thần Núi yểm trợ. Yên chí đi !”

“Lúc này đang động rừng! Thảm quyền ba mai nhắc nhở, không được coi thường! Gió nổi, cây khô gãy, để ý xem rắn có bò về không ?” .

“Nhận rõ, có gió, có cây khô gãy, có chim rùng kêu nhưng bọn tao quan sát kỹ, không thấy rắn độc xuất hiện. Hẹn mai về phép, uống cà phê Tài Ký”.

Phú tắt máy. Nó vẫn bị ám ảnh bởi tiếng chim cú kêu:

“Cổ nhân bảo chim cú kêu là nó sẽ lấy đi mạng sống của một người nào đó !”.

Để xua tan nỗi ám ảnh đó, tôi dụi điếu thuốc xuống cái gạt tàn, vỗ vào báng súng. Các bạn tôi vỗ tay. Hễ tôi vỗ vào báng súng, các bạn biết ngay là tôi đã nổi hứng ngâm bài “Hồ Trường” của Nguyễn Bá Trác. Đại úy Đại Đội trưởng phụ họa, gõ tay xuống bàn... Tôi cất giọng hào sảng:

*“Trượng phu đã không hay xé gan bẻ cốt*

*phù cương thường*

*Sao lại tiêu dao bốn bể lưu lạc tha hương?*

*Trời Nam nghìn dặm thăm,*

*mây nước một màu sương*

Học không thành, công chẳng lập,  
 trai trẻ bao lăm mà đầu bạc  
 Trăm năm thân thể bóng tà dương.  
 Võ gươm mà hát, nghiêng bầu mà hỏi:  
 Trời đất mang mang, ai là tri kỷ?  
 Lại đây cùng ta cạn một hồ trường  
 Hồ trường! Hồ trường! Ta biết rót về đâu?  
 Rót về Đông phương, nước bể Đông chảy xiết sinh  
 cuồng loạn  
 Rót về Tây phương, mưa Tây sơn từng trận chứa chan  
 Rót về Bắc phương, ngọn Bắc phong vi vút, đá chạy cát  
 dương  
 Rót về Nam phương, trời Nam mù mịt,  
 có người quá chén như điên như cuồng  
 Nào ai tỉnh, nào ai say?  
 Chí ta ta biết, lòng ta ta hay  
 Nam nhi sự nghiệp ư hồ thử  
 Hà tất cùng sầu đối cỏ cây ?”

Trong đêm tiền đồn heo hút, xa xôi, quanh là những  
 cánh rừng mênh mông, trải dài tận biên giới Việt Miên,  
 tiếng ngâm Hồ Trường hào sảng của tôi vọng lên, cho đến  
 lúc dứt tiếng, chính tôi còn nghe âm vọng của nó từ xa dội  
 về. Tôi nhìn mọi người... ai cũng nhắm mắt hết cả. Có  
 người đã gục xuống bàn, có lẽ đã thiếp ngủ. Mí mắt tôi  
 cũng từ từ sụp xuống... Lúc tôi bừng mắt dậy, trời đã hừng  
 sáng!

Thế là một đêm dài chờ tử chiến đã trôi qua. Đêm ấy  
 đem lại bao ý nghĩa cho đời chiến binh như chúng tôi? Chỉ  
 ở trong chiến tranh, chúng tôi mới ngồi với nhau trong căn  
 hầm này? Mới chia sẻ ly cà phê, điều thuốc, trong gió  
 rừng, cành cây khô gãy và tiếng chim cú kêu sương? Có  
 lần, tôi cao hứng nói đại đội 399 là điểm hẹn của kiếm sĩ  
 phương Đông, trọng nghĩa khinh tài, tâm hồn cao thượng,  
 không gò bó, không hẹp hòi. Đại úy Bộ phá lên cười:

“Kiếm sĩ phương Đông? Đúng quá chứ! Bọn ta quá  
 chén không điên không cuồng như ông Bá Trác”.

Tôi tỉnh dậy. Mùi cà phê thơm phức xộc vào mũi. Tôi tỉnh ngay lập tức. Các kiếm sĩ phương Đông kia đã tỉnh giấc tự bao giờ ! Họ đang uống cà phê cỡ buổi sáng mai rồi! Thấy tôi dậy, chú Tùng liền đem cho tôi một ly:

“ Trung úy Hiệp ngủ giấc say nhất đấy”.

“Thì tôi đã nói rồi mà! Tôi coi quả Kinh nói rằng đời bình yên, địch dấy binh đất ta, ta phá được địch, như đến bến hỏi đạo vậy”, tôi nói.

“Cảm ơn trung úy Hiệp. Quả bói của ông lúc nào cũng tốt cho đơn vị. Ông làm công tác chính trị rất đẹp”, Đại úy Bộ nói.

Tôi hỏi:

“Các vị đang nói chuyện gì vậy?”.

Đại úy Bộ nối tiếp câu chuyện:

“Tôi đang nói về hòa bình. Trong những giờ phút cuộc chiến lên cao điểm, tôi thường nghĩ đến hòa bình, mặc dầu tôi không mơ ước. Bởi vì, tôi nghĩ nó ở ngoài tầm tay của dân tộc mình, Hiệp định Genève chẳng hạn, bọn mafia quốc tế chia đôi đất nước mình, người Việt mình không làm chủ được ngôi nhà của mình. Họ cần gây chiến tranh ở tiêu quốc, hầu có cơ nhảy vào kiếm chác quyền lợi. Thì... hòa bình là một cái gì ngoài tầm tay của mình! Mơ ước ? Vô ích !

“Từ khi Đại đội đến trú đóng cầu Cần Lê, tôi thường vào thăm dân xã Cần Lê. Hơn một trăm nhà, họ là phu cạo, làm rừng, chăn nuôi, trồng trọt, đời sống khó khăn, thiếu thốn. Đã thế, bọn cộng sản nằm vùng, bọn trung ương cục R ở bên rừng Tây Ninh lâu lâu xâm nhập xã, bắt dân đóng góp lương thực, vừa tuyên truyền “chống Mỹ cứu nước”, vừa hăm dọa ! Làm cho người dân xã Cần Lê đã khổ càng thêm khổ. Đại đội chúng ta chưa hoàn thành được nhiệm vụ bảo vệ họ. Tôi cảm thấy mình thiếu trách nhiệm, bất tài !!!

“Cuộc chiến đã đưa tôi đến đây. Quốc lộ Mười Ba. Rừng cao su. Cầu Cần Lê. Suối Đá Trắng... Tâm hồn người dân xã ấp Cần Lê giản dị, thanh khiết, trong vắt như nước Suối Đá Trắng! Hễ có dịp, là tôi tới suối, vốc nước suối rửa mặt, nước suối làm mát mẻ lòng mình. Tôi muốn làm mát mẻ lòng người dân Cần Lê. Nhưng cách nào?



Cách chi? Khi cuộc chiến được phát động từ Bắc Kinh? Từ Washington DC? Cuộc chiến này sẽ đẩy chúng ta về đâu? Con người đã hủy hoại ước mơ của con người ! Thời đại này đã giết chết ước mơ của tôi lâu rồi! Tôi ước mơ một đời sống khác? Nhưng làm sao có được một đời sống khác bây giờ? Chuẩn úy Hùng đã nói, cuộc đời là dòng sông mà ta là con thuyền, lênh đènh mãi trên sóng nước, làm sao yên? Quý vị , tôi muốn nói xa hơn chuẩn úy Hùng. Cuộc đời là dòng sông, ta là một đám lục bình trôi... Tôi đã từng thấy những đám lục bình hoa màu tím than, lênh đènh, trôi giạt trên sóng nước, một chiều nào trên một nhánh sông Vàm Cỏ...”.

Ông Bộ ngừng nói. Tôi biết tính ông, mỗi khi ông buồn thường nói nhiều. Ông đang buồn đây. Tôi quen rồi, kệ ông! Tôi uống cà phê cho tỉnh ngủ. Đêm 29 đã qua ! Ngày 30 tháng Tư năm 1975 đã tới! Đại Đội 399 lại bắt đầu một ngày làm việc: Ứng chiến 100%! Theo lệnh của Đại úy Bộ, người hạ sĩ quan truyền tin gửi cho hai trung đội nằm ở ngoài rừng: “Lệnh của ba mai, ứng chiến tại chỗ 100%. Hết. Thời gian qua mau. Chẳng bao lâu sau đó. Mười giờ. Từ chiếc máy thu thanh đặt trên bàn Đại úy Đại Đội Trưởng, phát ra bản tin từ hệ thống truyền thanh Quốc Gia. Đó là lời tuyên bố của tổng thống Dương Văn Minh. Chúng tôi lắng nghe: “Tôi tin tưởng sâu xa vào sự hòa giải giữa người Việt Nam để khỏi phí phạm xương máu người Việt Nam. Vì lẽ đó tôi yêu cầu tất cả các anh em chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa hãy bình tĩnh ngưng nổ súng và đầu ở đó. Chúng tôi cũng yêu cầu anh em chiến sĩ chính phủ Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam ngưng nổ súng, vì chúng tôi ở đây chờ gặp chính phủ Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam để cùng nhau thảo luận lễ bàn giao chính quyền trong vòng trật tự, tránh sự đổ máu vô ích cho đồng bào”.

Sau đó, đài phát thanh Saigon lập đi lập lại nhiều lần lệnh này. Thiếu úy Thành thẳng thốt: “Sao lại như vậy được? Hoa Kỳ cam kết những gì? Hoa kỳ bỏ rơi Việt Nam Cộng Hòa thật ? Thì ra những cam kết của họ đều dối trá. Hoa Kỳ phản bội chúng ta rồi!!! Đại úy , bây giờ đại đội

chúng ta phải làm gì? Chúng ta tuân lệnh ông Dương Văn Minh tổng thống bất hợp pháp? Hay ta gọi về Tiểu Khu, xin ý kiến Đại Tá Tiểu Khu Trưởng ?....”

Nhưng Đại úy Đại Đội Trưởng không trả lời. Ông ngồi bất động như tượng đá. Chúng tôi hầu như rơi vào cơn thất thần, thảng thốt, bàng hoàng! Hình như mọi người đều suy nghĩ lung lăm. Kể cả tôi. Niềm thất vọng hầu như bao trùm không khí đồn Cần Lê. Không biết nên nói với nhau điều gì bây giờ? Thời gian trôi qua một cách ngột ngạt, nặng nề.. Đến khoảng quá giờ Ngọ, Đại úy Bộ, Đại Đội Trưởng 399 nói với tôi: “Tôi không còn tư cách pháp lý Đại Đội Trưởng Đại Đội 399 Tiểu Khu Bình Long nữa! Tôi tuyên bố tôi không còn quyền hành gì trên các bạn nữa. Các bạn hãy tự quyết định vận mệnh của mình. Các bạn có thể ở lại đồn chờ gặp người của Chính phủ Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam, hoặc tự do bỏ đồn ra về. Tôi chỉ xin Trung úy Hiệp Đại Đội Phó Đại Đội 399 ở lại để bàn giao đồn Cần Lê cho Bắc quân. Tôi cảm ơn tất cả các bạn và xin các bạn bỏ qua cho tôi tất cả mọi chuyện, trong suốt thời gian chúng ta sống và chiến đấu. Bây giờ, đối với tôi, không còn gì nữa. Chào tất cả các bạn..”

Nói xong, ông Bộ đeo bao súng colt 45 Vào thắt lưng, tay cầm khẩu M16 đã gắn sẵn một băng đạn. Bình tĩnh, thư thái, chậm rãi, ông bước ra khỏi cổng đồn Cần Lê. Khi bước qua mặt tôi, ông nói: “Giờ phút này, ai cũng có quyền hành sử riêng theo cách suy nghĩ của mình.Tôi đi đây”.

Tôi theo dõi bước đi của Đại úy Đại Đội Trưởng 399, ông vẫn mặc bộ đồ tác chiến, trên cổ khăn quàng đen bay bay theo gió nhẹ. Tay cầm khẩu M16 mũi hơi chúc xuống mặt đất. Ông bước qua Quốc Lộ Mười Ba, sang phía bên kia. Ông theo con lộ nhỏ vào xóm Cần Lê. Ông đi qua xóm, con đường đất đỏ dẫn xuống Suối Đá Trắng. Rồi tôi không thấy bóng ông nữa, chỉ thấy một đám bụi đỏ bốc lên như đang ở trong một cơn gió xoáy. Chừng nửa giờ sau, tôi nghe nhiều tiếng súng nổ ở phía Suối Đá Trắng vọng về đồn Cần Lê. Tôi biết điều gì đã xảy ra. Tôi đứng lặng người đi, như trong một phút mặc niệm một chiến hữu đã hy sinh cho tổ quốc.

Người thiếu niên chờ mãi, không thấy ông nội mình nói gì nữa, mới lên tiếng:

“Ông nội kể tiếp đi”.

“Hết chuyện rồi! Cá nướng chín chưa? Ông cảm thấy đói rồi”.

“Cá chín quá rồi! Đây, cháu mời ông! Muối tiêu chanh đây ông”.

“Cảm ơn cháu”

Ông lão nhận một con cá nướng và đĩa muối tiêu chanh. Cậu thiếu niên vừa ăn vừa hỏi chuyện: “Trung úy Hiệp, Đại Đội Phó đó, là ông nội của cháu đây. Sau đó, Cộng Sản bắt ông đi tù cải tạo bao lâu”.

“Mười bốn năm”, ông lão bậm môi.

“Sao ông không đi Mỹ theo diện HO?”, cậu thiếu niên gặng hỏi.

Ông lão bỏ miếng cá xuống, rút khăn tay lau miệng. Ông thong thả nhồi thuốc vào điếu, bật quẹt châm lửa hút một hơi dài. Rồi ông mới trả lời:

“Câu hỏi của cháu... Cháu hãy nhìn cái giao lộ ngã ba này đây. Con người luôn đứng trước ngã ba, mà mình phải chọn lấy một thôi. Mỗi con đường dẫn đến một ý nghĩa, một kết cuộc khác nhau... Nhiều khi, sự chọn lựa ấy rất khó khăn, rất nhức nhối. Cháu thấy đây, trong câu chuyện ông vừa kể, ông Đại úy Đại Đội Trưởng đã chọn con lộ nhỏ dẫn xuống Suối Đá Trắng. Ông ấy âm thầm đi vào lịch sử như Ông Hoàng Diệu, Phan Thanh Giản...uống độc dược khi mất thành!! Điều đó, ông không cần ai biết. Ông chỉ cần lịch sử biết!!! Trở lại câu hỏi của cháu, lúc ấy, ông đã bước vào ngũ tuần. Ông cảm thấy quá mệt mỏi. Cũng chán đời rồi! Ông không muốn bắt đầu bưng trải lại cuộc đời của mình nơi xứ người. Ở lại quê nhà, ông biết ông đã bị đẩy ra bên lề xã hội. Tuy nhiên, ông có thể nương nhờ vợ, người Bình Long, có đất đai nhà cửa sẵn rồi. Ông vui lòng ẩn cư ở đây, sống nốt cuộc đời thừa của mình... Đây, cháu thấy không, bây giờ ngoài thất tuần, ông vẫn là một ông lão câu cá ở Suối Đá Trắng. Vừa ngồi câu, vừa ngậm ống điếu, chạng càn gì nữa! Còn có ông vó này... đủ rồi”.

Ông lão đưa ống điếu lên môi, thản nhiên hút tiếp. Rừng chiều hoang vắng. Nắng nghiêng. Ông lão bắt chợt buông ống điếu, rót một chén rượu chuối uống cạn, rồi vào rượu mà ngâm:

*“Hồ trường! Ta biết rót về đâu?  
Rót về Nam phương, trời Nam mù mịt,  
Có người quá chén như điên như cuồng  
Nào ai tỉnh, nào ai say?  
Chí ta ta biết, lòng ta ta hay  
Nam nhi sự nghiệp ư hồ thử  
Hà tất cùng sầu đối cỏ cây”*

Ông lão buông bầu rượu xuống, than rằng:

“Giọng ta không còn hào sảng được như xưa nữa! Sao lại đượm buồn vậy cà”.

Cậu thiếu niên hỏi:

“Nguyễn Bá Trác, tác giả bài Hồ Trường là ai vậy ông?”.

“Nguyễn Bá Trác? Có phải cháu nghe mấy ông thầy xã hội chủ nghĩa giảng rằng ông Trác đi theo Tây, ra làm quan cho Pháp, là Việt gian, nên bị Việt Minh kết án xử tử cùng với Phạm Quỳnh...?! Biết như thế là không đúng! Sách vở của Việt Nam Cộng Hòa có đầy đủ tài liệu, nhưng Hà Nội đã ra tay đốt hết. Họ sửa lại lịch sử theo ý họ ! Cháu à, viết sai, bôi xóa, xuyên tạc lịch sử là có tội.. Nguyễn Bá Trác? Ông Trác người Quảng Nam, sinh năm 1881, đỗ Cử nhân năm 1906 tại trường Thừa Thiên. Hiệu là Tiêu Đầu. Trước khi ra làm quan cho Pháp, ông đã đi theo phong trào Duy Tân Và Đông Du của cụ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh. Ông đã qua Nhật, qua Tàu. Năm 1907, Pháp ký hiệp ước với Nhật, dành cho Nhật nhiều quyền lợi, đổi lại Nhật trục xuất du học sinh Việt Nam. Trong hoàn cảnh đó, ông Trác trở về Việt Nam. Nhiều người bị bắt, bị tù, hoặc bệnh tật, vô vọng chết ở xứ người. Họ là những người yêu nước, mưu đồ đuổi quân xâm lược, như cha ông ta ngày xưa đuổi quân Tàu, giành lại chủ quyền độc lập dân tộc. Nhưng tiếc thay!!! Sau này, Việt Minh nổi lên, với sự giúp đỡ của Nga, Tàu, cam tâm hãm hại người quốc gia. Ông Nguyễn Bá Trác cũng như ông

Phạm Quỳnh, trong hoàn cảnh đó, đành phải ra làm việc cho chính phủ bảo hộ, nghĩa là ra làm quan cho chính phủ Nam triều đặt dưới quyền kiểm soát của viên Khâm sứ Trung Kỳ và viên Toàn Quyền Đông Dương. Hai ông không làm điều gì hại dân, không ám hại những nhà cách mạng chống Pháp. Các ông làm việc trong lãnh vực văn hóa, báo chí. Ông Quỳnh làm chủ bút tờ Nam Phong, ông Trác phụ trách phần chữ Hán. Ông Phạm Quỳnh bỏ Hà Nội vào Huế, trước hết làm Ngự Tiễn Văn Phòng cho Hoàng Đế Bảo Đại, rồi làm Thượng Thư Bộ Học, Thượng Thư Bộ Lại, viết văn ký bút hiệu Thượng Chi, đã xuất bản tác phẩm Thượng Chi văn tập gồm bốn cuốn, tập hợp các bài đã đăng trên tạp chí Nam Phong. Tháng Tám 1945, ông bị Việt Minh bắt tại tư gia ở An Cựu, Huế và sau đó bị giết, chôn cùng một hố với cựu Tổng Đốc Ngô Đình Khôi và con trai Ngô Đình Huân. Đó là về ông Phạm Quỳnh.

Còn về ông Nguyễn Bá Trác, có lúc làm Tổng Đốc Thanh Hóa, Tuần Vũ Quảng Ngãi, nhưng ông không có làm điều gì xấu xa tàn bạo với người Việt Nam mình. Tổng đốc là chức quan đứng đầu tỉnh lớn. Tuần Vũ, quan đứng đầu tỉnh nhỏ. Quận đạo, đứng đầu tỉnh nhỏ hơn. Thời Pháp thuộc, họ tổ chức hành chánh như thế. Cháu nhớ đấy! Chẳng qua vì thời thế, ông Trác phải ẩn nhẫn chờ thời. Ông Trác đã từng trốn vào Nam, sang Xiêm, sang Nhật, qua Tàu, hẳn nhiên muốn tìm cách nào cứu nước. Tâm sự bất thành ấy, ông đã viết cuốn “Hạn Mạn Du Ký” tức lời viết của một người đi chơi phiếm. Nội dung viết về sáu năm ở nước ngoài, từ 1908 đến 1914, trong đó có bài thơ Hồ trường, tất nhiên gói ghém tâm sự của ông! Tâm Sự của ông, mọi việc đều thất bại! Nên nhìn bốn phương đều mờ mịt!... Ôi, uống rượu, nhìn về trời Nam, thì trời Nam mờ mịt! Tâm sự ấy chẳng bi đát hay sao? Cháu thử nghĩ xem... Những người thất trận như ông, dễ thông cảm với tâm trạng thất chí của ông Trác lắm. Ông đây cũng một nỗi tâm sự “Hồ trường” đấy, cháu ạ”...

Ông lão thở dài, nâng ống vó lên môi. Cậu thiếu niên lại hỏi:

“Cảm ơn ông, cháu hiểu về ông Trác rồi! Ông cũng cùng tâm sự! Hèn gì, ông ngâm nga bài Hồ Trường suốt,

cháu chỉ nghe ông ngâm mà thuộc. Cháu còn một câu hỏi nữa. Câu chuyện của ông, có nhắc đến tên một nhà văn...”

“A, rồi đâu có còn dịp nào để nói nữa! Sau ngày ba mươi tháng Tư năm ấy, mỗi người mỗi ngả. Không gặp lại nhau! Thành ra ông chưa nói gì cả! Mà nếu ông nói, ông chỉ nhắc đến hai câu văn thôi, hai câu ông rất đặc ý trong cuốn *Âm thanh và cuồng nộ* của William Faulner. Câu ấy thế này: “Chiến trường là nơi con người thấy rõ tất cả sự tuyệt vọng của mình!” Và: “Người ta không bao giờ thắng trận!” Nội dung tác phẩm ấy khá giản dị. Người cha tặng cho con trai cái đồng hồ, ý nghĩa không phải để xem thời gian, mà là để quên đi quá khứ, đừng mệt nhọc thân xác làm gì, vì thời gian sẽ chôn vùi tất cả! Mọi nhu cầu của con người sẽ không bao giờ được thỏa mãn cả. Vậy làm chi cho mệt? Do đó, đích thật, con người không bao giờ thắng trận ! Cháu ạ, ông muốn nói với các chiến hữu của ông rằng mặc kệ cuộc chiến, lúc nào địch đến ta đánh, còn lúc nào có thể bình yên ta cứ thản nhiên uống cà phê, hút thuốc, ăn hủ tiếu mì ở quán mì Tứ Hải!!!”

Cậu thiếu niên cười lớn: “Hèn chi !Hèn chi ! Cháu hiểu rõ ông rồi! Ông cứ luôn nói: “Thong thả cháu, ngồi lại đây nướng cá ăn đã. Ông muốn uống một tợp rượu chuối ! Ông muốn hút một còi thuốc rồi! Ngày trước ông ăn lương Trung úy, uống bia chai 33, ăn hủ tiếu mì, hút thuốc Salem, chẳng lý tới sống chết ! Bây giờ, làm ông lão câu cá ở Suối Đá Trắng, tự làm rượu chuối mà uống, cũng chả sao! Rồi cũng qua một đời”. Ông ơi, mai kia cháu đi làm có nhiều tiền, cháu sẽ biếu ông, tha hồ ông uống bia Saigon, hút thuốc Ba số Năm, về Đại lộ Hoàng Hôn ăn hủ tiếu mì Hải Ký. Ông ráng chờ cháu nhé ?”

“Ừ, ông ráng sống thêm chục năm nữa! Chờ cháu thành tài. Mong rằng Ông Trời không gọi ông về sớm! Thật ra, đối với ông, sống chết không thành vấn đề !Không có chi quan trọng nữa rồi!! Ô Người bầy thú rừng Trương Tiêu đến kia”.

Từ một con đường rừng, người bầy thú rừng Trương

Tiêu xuất hiện, bước mau về chỗ giao lộ ngã ba, nơi hai ông cháu Lê Văn Hiệp nướng cá. Trương Tiêu là một cựu chiến binh Việt Nam Cộng Hòa, thời cuộc xô đẩy, trôi giạt tới miền rừng này. Cô đơn một mình, không bà con thân thuộc, kết bạn với ông Hiệp rất thân, hành nghề bẫy thú rừng rất giỏi kiếm sống qua ngày. Trương Tiêu tới nơi, hạ cái bị trên vai xuống.

“Hôm nay đê bẫy được hai con chóc. Hai con ! Đê bán một con mua gạo muối. Một con để nhậu ! Hai ông cháu, xin mời tới “ sơn trại” của đê. Hũ rượu chuối, rượu mít của đê, chín nấu ra rồi! Nhậu đã lắm !”

“Được rồi! Hai ông cháu tới tới thôi”, ông lão trả lời ngay.

Trương Tiêu gọi căn nhà nhỏ dựng bằng cây rừng của mình ở cuối xã Cần Lê là sơn trại, gọi là thi vị hóa đó thôi. Có lần ông Hiệp bảo Trương Tiêu: “gọi là lều tranh đi” Trương Tiêu vội xoa tay: “Áy chết, đại huynh! Tha cho! Trương Tiêu này chỉ là tay lính thúy đánh bộ, trong đầu chẳng có chút văn chương mưu lược nào! Không dám dùng hai chữ “lều tranh”! Đâu dám sánh vớ”lều tranh” của Gia Cát Khổng Minh! Dùng hai chữ “sơn trại” đã là láo lếu rồi! Tha cho, đại huynh”. Người bẫy thú ngồi bệt xuống đất. Cậu thiếu niên nhanh nhẹn đem tới cho ông một con cá nướng. Ông lão rót một chén rượu chuối, sai cháu đưa cho Trương Tiêu.

“Bạn già khỏe không”, ông lão hỏi.

“ Bị cảm mạo mới khỏi. Dậy được là đi rừng liền. Đi kiếm sống chứ? Vả ở nhà, buồn lắm, không chịu được. Nhiều lúc muốn bỏ nghề...Nhưng không biết phải xoay ra làm gì ? Muốn về thành phố theo mấy thằng bạn đi bụi, bán vé số, sửa xe, nhưng không có hộ. Tụi công an đường phố nó bắt mình bỏ tù mấy hồi! Thôi thì cứ bám rừng, sống ngày nào hay ngày nấy! Đời mình đã chắm dứt từ ba mươi tháng Tư năm ấy rồi, có còn gì quan trọng nữa đâu!!! Mà này, đại huynh, hôm nay, ba mươi Tháng Tư đây, ông anh nhớ không? Đã ba mươi năm !!!”

Lão già nở một nụ cười chua chát:

“Ừ, sao lại không nhớ! Chúng ta tưởng niệm nỗi đau

của chính mình, mỗi người một cách trong âm thầm, lặng lẽ, không nói ra lời! Thoáng một cái, đã ba mươi năm!!! Thôi, hãy để cho lịch sử xử !Ta uống chén rượu tìm quên đi”.

Ông rót hết chỗ rượu còn lại trong bầu ra được hai chén đây.

“Nào, cạn chén, ông bạn”.

Hai người bạn cùng cạn chén... như cùng cạn chén đắng trong cuộc đời ! Trương Tiêu đặt chén xuống, tay gõ vào bầu rượu, miệng hát : “ Buồn như ly rượu cạn,.. Không còn rượu để say...” (Trong bài Buồn của nhạc sĩ Y Vân). Rồi Trương Tiêu nói:

“ Ta là người bầy thú rừng. Ta hiểu hơn ai hết thân phận của những con thú bị ta săn đuổi. Nhất là những con thú đáp ứng chiến lược của ta như nai, mễn, chúc... Bọn để quốc có chiến lược toàn cầu và phương tiện hùng hậu thực hiện. Chúng vươn tới mọi nơi. Quốc gia nhược tiểu như nước ta chỉ được xem như con nai, con mễn, con chúc... Đó là thân phận tiểu quốc phục vụ đại quốc. Đại quốc không thương tình, ắt nai mễn chim chóc bị ăn thịt hết!! Thôi, ta về trước, ngả món con mồi này... giống như đại quốc thực hiện chiến lược toàn cầu!!!”

Hai ông cháu , cứ tà tà, thùng thình đến sau. Mời hai ông cháu đến “sơn trại” của ta uống rượu tiêu sâu một chiều ba mươi tháng Tư”.

Nói rồi, Trương Tiêu khoác bị lên vai, rời khỏi ngã ba. Ông lão lồi trong túi áo rộng cái bọc da nhỏ. Rất thông thả, chậm rãi, ông nhồi thuốc vào ống điếu. Ông bảo cháu:

“Ông hút xong cối thuốc này, ta đến nhà người bầy thú rừng, nhậu chơi, nghe cháu. Gợi lại mấy con cá nướng kia... Nhớ đổ nước dập tắt bếp lửa nghe cháu. Cứ thông thả, cháu . Ông còn hút cối thuốc đã chứ? Chỉ có ống vố là quan trọng! Không còn gì quan trọng nữa mà! Cháu có hiểu không”. Cậu thiếu niên nhìn ông cười: “Cháu hiểu hết rồi! Ông nói bao giờ ông cười hạc qui tiên, ông đem theo ông vố ? Ở cối tiên, cũng chỉ có ống vố là quan trọng ? !”.

Ông lão hình như không nghe đứa cháu nói gì, hờn đã



bay theo khói? Hay đã nhìn về phương Nam, Trời Nam mờ  
mịt một màu sương?

Ngã ba rừng Cần Lê chìm trong bóng chiều. Chỉ còn  
chút nắng đọng ở Suối Đá Trắng.

(trong *Em Có Về Cần Phương ?* Hương Cau xb, 2013)

HOÀNG NGỌC HIỂN

## “RĂN CẢN VÓ NGỰA”

*Lời tòa soạn: Bài văn trích dưới đây là chương cuối cùng trong bản thảo cuốn tiểu thuyết “Kim Tự Tháp” của nhà văn Hoàng Ngọc Hiến. Tác phẩm này là tác phẩm giả tưởng về cuộc hội nghị thượng đỉnh Trung Quốc & Hoa Kỳ năm 1972 tại Bắc Kinh. Cũng có thể gọi là vài chương hoang ngôn. Để bạn đọc nhận rõ về kiến thức lịch sử cộng vào sự tưởng tượng rất phong phú của tác giả. (TQBT)*

Đêm nay, đêm cuối cùng Tổng Thống Richard Nixon và đoàn tùy tùng của ông ở nhà khách chính phủ Nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, đột nhiên ông cảm thấy lưu luyến. Tổng Thống dạo bước trên hành lang một hồi lâu, sau đó ông vào phòng khách, ngồi trầm ngâm trước một ly trà lypton đậm đặc. Dưới ánh sáng của một chùm ngọn đèn màu hồng nhạt, ông đọc một đoạn Kinh Thánh. Ông có thói quen mang theo bên mình một cuốn Thánh Kinh, nhất là trong những cuộc hành trình ra nước ngoài, dẫu có khi ông không đọc đến.

Giữa lúc đó Tiên sĩ Kissinger bước vào. Tổng thống nở một nụ cười: “Hay quá! Tôi đang cần có một người nói chuyện. Tiên sĩ đến thật đúng lúc. Ngài dùng trà hay cà phê?”

“Thưa tổng thống, tôi dùng cà phê”. Thấy có cuốn Kinh Thánh trên bàn, ông hỏi: “Tổng thống đọc Thánh Kinh à?”

Tổng thống Nixon phác nhẹ tay trong không khí: “Tôi vừa đọc Lu Ca, đoạn con chiên lạc mất. Tôi đang suy nghĩ về chỗ này. Đàn chiên một trăm con, có một con lạc mất. Ngài có suy nghĩ gì về con chiên lạc bầy?”

Ngoại trưởng Henry Kissinger cầm ly cà phê vừa tự tay pha lấy cho mình, đến ngồi đối diện Tổng Thống.

Nixon nói: “Thế này, thưa ngài ngoại trưởng, đàn chiên một trăm con, có một con đi lạc. Con đi lạc đó, có

thể do nó mãi kiếm ngọn cỏ non mà đi xa bầy. Cũng có thể nó tự ý bỏ bầy. Nó chẳng phải có cái gì đặc biệt sao? Mao Trạch Đông chính là con chiên bỏ bầy của nó, vượt lên, trội lên. Mao khi còn nhỏ đã chống lại người cha. Mười tuổi đã bỏ thôn Thiều Sơn ra đi. Mao mô tả Thiều Sơn chìm dưới núi, cây cối um tùm, tre xanh thẳng đứng, nghèo nàn, lạc hậu, buồn bã. Ba trăm nóc nhà ở Thiều Sơn, họ an phận sống với đồng ruộng, con trâu, cái cây, cái cuốc. Mao bỏ đi. Sau này, ông ta là một người hết sức táo bạo. Mao có chủ trương phải làm một cuộc cách mạng làm thay đổi Nước Trung Hoa. Ông ta dùng học thuyết Marx như một thứ vũ khí vay mượn! Ông ta đã là người làm lịch sử!”

Kissinger nói: “Thưa ngài, tôi hiểu. Được tiếp xúc trực tiếp với Mao, hẳn ngài hiểu Mao hơn tôi. Hội nghị thượng đỉnh Hoa- Mỹ đã làm “thay đổi thế giới”. Chắc ngài đã hiểu được con người thật của Mao? Kẻ đã lãnh đạo cuộc trường chinh của Hồng Quân, tất nhiên không anh hùng cũng kỳ nhân?”

“Chính thế! Tôi cảm thấy Mao, trước hết, là một người yêu nước. Ông ta yêu đất nước Trung Hoa. Chỉ có thế, mới có được quyết tâm làm thay đổi Trung Hoa, từ nhược tiểu thành siêu cường. Tôi có cảm tưởng ông ta không hề có tham vọng làm hoàng đế nước Trung Hoa. Ông ta là một người yêu nước chân chính! Rất mực chân chính!”

“Rất mực chân chính?”, Kissinger thốt lên.

Tổng thống Nixon nói như khẳng định: “Chính thế! Khi Mao còn là một sinh viên trường Sư Phạm, ông đã quan tâm đến những hoạn nạn của đất nước, tương lai của người dân, ông đã hình thành tư tưởng cải tạo Trung Quốc. Ông đã cùng Tiêu Tam thảo luận chính trị, đi tìm một phương cách tốt nhất cứu nước Trung Hoa khỏi tình trạng bị các cường quốc xâm xé, và thoát khỏi tình trạng lạc hậu, nghèo đói, dốt nát, bệnh tật; đời sống thiếu tự do, dân chủ. Ông khẳng định: “Phải cải tạo, phải sáng tạo một xã hội mới trên mảnh đất già lão, cổ xưa Trung Quốc này!”. Ông có niềm tin và tự đặt mình vào trách nhiệm. Ông xứng đáng là người con của nước Trung Hoa! Một cái mốc quan trọng trong cuộc đời của Mao. Đó là vào năm 1917, ông

đọc cuốn “Tinh thần vĩ đại của nước Nga” của Leon Trosky, ông nhận ra ngay rằng học thuyết này hoàn toàn mới mẻ, nó đã làm thay đổi bộ mặt xấu xí của nước Nga. Muốn thay đổi, chỉ có cách đập vỡ cái cũ! Muốn thực hiện, phải dùng vũ lực! Lập tức Mao cùng bè bạn thành lập “Tân Dân Học Hội” ngay năm đó, tôn chỉ của hội là cải tạo Trung Quốc và thế giới! Một vài qui định mới mẻ của hội là hội viên không được ăn hối lộ, không được lấy thiếp, chỉ một thê thôi, cũng không được đi đến nhà điếm để sinh hoạt tình dục bừa bãi, phải sống đúng đắn, không được có các hành vi bất lương. Đa số hội viên lúc ban đầu của “Tân Dân Học Hội”, sau này trở thành những đảng viên nòng cốt của Đảng Cộng Sản Trung Hoa. Khi còn là sinh viên, ông ôm ấp tư tưởng ấy, tất nhiên biểu lộ một tâm hồn trong sạch, nhân hậu, chân thật và lý tưởng. Do đó, tôi khẳng định Mao là một người yêu nước chân chính.”

Ngưng nghĩ một lúc, như để suy nghĩ, Tổng thống nói tiếp: “Trung Hoa là một nước lớn, đông dân nhất thế giới. Thời nào cũng có những nhân vật kiệt xuất, trên mọi lãnh vực. Triết học có bách gia chư tử, văn học có Ngô thừa Ân, Phùng Mộng Long; sử gia có Tư Mã Thiên, Tư Mã Quang. Quân sự có Tôn Tử, Khổng Minh, Hàn Tín, Lưu Bang. Chính trị có Khương tử Nha, Quản Trọng. Còn nhiều lắm,... Bây giờ, có Mao Trạch Đông, nhiều phò tá giỏi, như Diệp Kiếm Anh, Đặng tiểu Bình, Lâm Bưu,... Trung Quốc không bao giờ thiếu nhân tài!!! Thừa ngài ngoại trưởng, Hoa Kỳ phải đối đầu với một quốc gia như vậy, không dễ dàng. Trong một vài thập kỷ tới, Trung Hoa sẽ là đối thủ số một của Hoa Kỳ. Do đó, chiến lược toàn cầu của Hoa Kỳ phải làm thế nào để Trung Hoa trở thành đồng minh chiến lược không thể thiếu. Ngài ngoại trưởng thấy không, họ như thế đó, mà hình như trong họ tiềm tàng một thi sĩ,... Mao làm thơ khi ngồi trên lưng ngựa trong cuộc chạy trốn Quốc Quân. Bài thơ bi tráng nhất của Mao viết về cầu Đại Độ: “Cầu Đại Độ, xích sắt vắt ngang sông lạnh buốt”! Tiến sĩ ạ, ngài có nghĩ Mao là một thi sĩ không?”

Henry Kissinger hạ cái kính cận xuống: “Thưa tổng thống, tôi có đọc Mao Tuyển và một vài bài viết về

Mao. Họ ca ngợi Mao là thi sĩ từ khi còn là sinh viên sư phạm. Có lẽ ông ta là một thi sĩ thật, bởi ông ta sống thật với lịch sử, khi qua cầu Đại Độ, tiếng lòng ông đã bật thành tiếng thơ. Thưa ngài, hình như người phương Đông, hầu hết họ là thi sĩ! Mao trong số đó. Mao là một thi sĩ trên lưng ngựa. Đúng như vậy!!!”

Tổng thống Nixon lại miên man trong dòng suy nghĩ của ông. Mao Trạch Đông hình như có một cái gì đó giống như Tần Thủy Hoàng. Ông đã đọc nhiều sách viết về Tần Thủy Hoàng, một nhân vật kiệt xuất đã gồm châu lục quốc, dựng nên đế nghiệp nhà Tần. Ông ta không chịu dừng lại để an hưởng ngôi vị đế vương, mà tiếp tục cải cách nước Trung Hoa. Ông quét sạch bọn trí thức thời đó. Đốt sách, chôn sống học trò! Lệnh của vua Tần rất khắc nghiệt: “Sử quan thấy sách gì không phải là sách của nhà Tần thì đốt hết. Sách gì không phải là quan bác sĩ được phép giữ, mà trong thiên hạ cất giấu, như Thi Thư, Bách Gia ngữ, phải đem đến quan Thủ Úy đốt hết. Ai dám nói thầm với nhau về sách Thi Thư thì chém bỏ xác ngoài chợ, ai đem đời xưa mà chê đời nay thì giết cả họ. Kẻ nào thấy mà không tố giác thì cùng chịu một tội. Lệnh xuống trong vòng ba mươi ngày mà không chịu đốt thì gọt đầu bôi đen, bắt đi làm phu. Những sách được để lại là sách thuốc, sách bói, sách trồng cây. Ai muốn học pháp lệnh thì phải lấy kẻ lại làm thầy”. Mức độ tàn bạo của nhà Tần dường như đã để lại bài học lịch sử cho các đời sau: đưa quân đội của sáu nước bại trận (Hàn, Triệu, Ngụy, Sở, Yên, Tề) đi đày ở miền cực Bắc nước Trung Hoa, dưới hình thức làm phu xây cất Vạn Lý Trường Thành.”(Ghi Chú: Các triều đại Trung Hoa, mỗi khi triều đại này lên ngôi, thì ra tay triệt tiêu hết mọi dấu tích của triều cũ, giết hết những người lãnh đạo. Việt Nam cũng bắt chước. Gần đây, Hà Nội chiến thắng Miền Nam Việt Nam vào Tháng Tư 1975, đã tập trung hết các sĩ quan của Miền Nam, đưa đi học tập cải tạo, nhưng thực chất là lao động cưỡng bức trong các rừng sâu. Một cách giết họ dần dần. Cộng Sản Hà Nội cũng đốt sách của Miền Nam như đời Tần Thủy Hoàng).

Tiến sĩ Kissinger cười nói: “Thưa ngài, một số nhà nho đã thuộc lòng Thi Thư, Bách Gia Ngữ, truyền miệng

lại. Khi Tần Thủy Hoàng vừa qua đời, những sách ấy lại tự do lưu hành. Những bộ sách bị cấm ấy bỗng trở thành kinh sử!!!”. (Ghi chú: Sách báo của Miền Nam Việt Nam bị đốt ấy, cũng trở thành những bộ sách quý, thành kinh sử, mà sau này chính người Cộng sản lại đi tìm đọc!!! Họ phải thú nhận Miền Bắc không có được một nền văn học như Miền Nam, ngay đến cả một tạp chí, như tạp chí Khởi Hành, họ không làm nổi. Kể chiến thắng năm 1975 đã thú nhận rằng kẻ được giải phóng chính là họ!!!)

Tiến sĩ Kissinger nói: “Thưa ngài, tôi thiết nghĩ cụm từ “cải tạo thế giới” của Mao không có gì mới. Thế giới cần sửa chữa từ thời Cựu Ước. Có lẽ Mao không đọc Kinh Thánh bằng chúng ta. Nhưng có thể Mao đọc Marx nhiều hơn chúng ta. Thưa Tổng thống, hỡi ngài không quên Sáng Thế Ký của Môi- Se? Sách ấy đã ghi sự kiện Ca-in xông đến giết em mình là A-Bên ở ngoài đồng. Chiến tranh đã xảy ra từ thuở ấy. Thượng Đế đã hỏi Ca-in: “Ngươi đã làm điều chi vậy? Tiếng của máu em ngươi từ dưới đất kêu thầu đến ta”. Đó là đoạn 4, câu 10 sách Sáng Thế Ký, thưa ngài. Loài người từ khởi đầu đã chém giết nhau, cái noi ấy truyền từ đời này qua đời khác, tồn tại đến bây giờ. Nay cần cải lại để cái noi oán thù ấy không còn tái diễn nữa. Đó chẳng là “cải tạo thế giới” hay không? Để lập lại tình huynh đệ. Nếu không, “đường phố Giê-ru sa lem hết tiếng kêu vui reo mừng, không còn tiếng của trẻ mới và dâu mới, và đất đó sẽ trở nên hoang vu” (I will put an end to the happy singing and laughter in the streets of Jerusalem. The joyful voices of bridegrooms and brides will no longer be heard in the towns of Judah. The land will lie in complete desolation) . Thưa ngài, đó là lời cảnh báo của Giê-Rê- Mi đã được ghi rõ ở đoạn 7, câu 34 trong sách Giê-rê-Mi.”

Ngừng nói một lúc, ngài ngoại trưởng nói tiếp một cách buồn bã: “Đọc Kinh Thánh, tôi nhận thấy mười hai người con trai của Gia-Cop mở ra mười hai chi phái. Lời tiên tri của Gia-Cop đối với mười hai chi phái lành ít dữ nhiều. Nào Si-Mê-Ôn và Lê-Vi là những thanh gươm hung tàn, nào đũa khác thì dữ dần, đũa thì như rắn cắn vó ngựa làm cho kẻ cưỡi phải té nhào (Dan will be a snake beside

the road, a poisonous viper along the path that bites the horse'hooves so its rider is thrown off; Genesis,49,17) , Bên-gia-min thì như một con chó sói.... Đó, thưa ngài, loài người đã khởi đầu và diễn biến qua bao nhiêu thời đại, đều là chém giết, cướp bóc, áp bức, thù hận, oán hờn... Và Giê-Rê-Mi viết: “Thượng đế sẽ làm cho Israel thành hoang vu” (The land will lie in complete desolation) !!! Có nghĩa là cả trái đất của chúng ta sẽ trở nên hoang vu?! Vào một ngày nào đó? Ngày đó sẽ đến!!! Chẳng lẽ chúng ta mặc nhiên ngồi chờ ngày ấy sẽ đến? Đã đến lúc như Mao nói “Cải tạo thế giới”. Nếu không muộn mất, thưa ngài tổng thống!”.

Tiến sĩ lại ngừng nói. Ông thở dài như tỏ ý ngao ngán, bi quan về tương lai của nhân loại.

Tổng thống Nixon khẽ nhún vai biểu lộ sự bất lực.

Một lúc sau, tiến sĩ chép miệng rồi nói tiếp: “Nghĩ cho cùng, thưa ngài, tất cả chỉ là phù vân!... Như một đám mây, nổi giữa bầu trời, rồi sau đó sẽ bị gió thổi tan đi. Ảo mộng! Thành ảo mộng hết cả mà thôi! Tôi đã đọc nhiều lần Sách Truyền Đạo, tôi rất chú ý đến đoạn 1, câu 2: “Hư không của sự hư không, hư không của sự hư không, thảy đều hư không” (Everything is meaningless, completely meaningless) . Phải chăng, thưa tổng thống, tác giả sách Truyền Đạo muốn nói rằng tất cả, dầu tồn tại lâu đến cả ngàn năm, thì rồi cũng thành hư không? Câu 4: “Đời này qua, đời khác đến; nhưng đất cứ còn luôn luôn”. Câu 5: “Mặt trời mọc, mặt trời lặn, nó lật đật trở về nơi nó mọc”. Phải chăng, trời đất cứ xoay vần mãi mãi như thế thôi, có gì nữa đâu? Câu 14: “Thảy đều hư không, theo luồng gió thổi”. Đoạn 5, câu 15: “Minh lọt ra khỏi lòng mẹ thể trần trông thế nào, ắt sẽ trở về thể ấy, và về các huê lợi của sự lao khổ mình, chẳng có vật gì đem theo được”.... Thưa tổng thống, tôi đã lặng người đi nhiều lần khi mắt tôi dừng lại ở những câu đó. Nhìn lại đời mình, tôi đã níu giữ được gì? Ăn miếng ngon, hưởng cảm giác ngây ngất, thích thú, nhưng rồi nó cũng qua đi. Tất cả đều theo nhau vào quá khứ, tôi có cảm giác như chưa từng được hưởng, vẫn còn là khát vọng. Phải, hư không!!! Hư không chứ còn gì nữa?! Ấy vậy mà con người vẫn cứ mưu đồ, có khi dùng thủ

đoạn tàn bạo, đê tiện, để thực hiện cho bằng được. Mê chẳng? Phải chăng vì vậy, các triết gia mới đưa ra triết học phi lý? Không ai tránh khỏi cái chết, và ra đi tay không. Mà trong khi sống, có biết bao nhiêu đau khổ? Ấy thế mà nhân loại không biết thương nhau, vẫn ra sức chém giết nhau không thương tiếc!!! Triết học phi lý, tôn giáo chẳng có hiệu lực gì!!!”

Ngoại trưởng Kissinger lại chẹp miệng, và thở dài.

Tổng thống Nixon nói giọng trầm xuống: “Tôi đưa ra học thuyết toàn cầu hóa, chỉ nhằm mục đích ổn định thế giới, đem lại một nền hòa bình cho nhân loại. Ngoài ra, không có tham vọng giải quyết tất cả những vấn đề của con người. Hư không? Đó là lãnh vực của triết học, hoặc tôn giáo chi đó. Tôi không có tham vọng giải quyết cái gốc rễ, cũng như cái ngọn ngành. Ngài tiến sĩ vừa nói có bao nhiêu cái chết oan ức, kể từ thời Cain đó? Bao nhiêu kẻ đã chết như Abel? Phải, như thế, lịch sử con người là hàng ngàn trang xương máu!!! Chứ gì nữa? Chỉ cần nói riêng một thời kỳ người Mỹ chúng ta bất đồng trong việc hủy bỏ hay không hủy bỏ “vấn đề nô lệ da đen”, chúng ta đã gây ra cuộc nội chiến Nam- Bắc, bao nhiêu người đã chết? Chúng ta đã tàn sát nhau! Tôi nhớ không lầm, chỉ trong một trận đánh thôi, hình như ở Pennsylvania, có tới mười bốn ngàn người tử vong!!! Quả nhiên, nhân loại có thể tổng kết bằng một lời ngắn gọn: “Lịch sử ấy là con người đã bầm nát nhau!”. Cho nên hệ quả của nó là chất chồng báo oán? Nhân loại ngày nay không được sống trong an ninh vì báo oán? Các linh hồn chết oan ức đã sống dậy đòi báo oán? Đây là lời giải thích của Triết học hay thần học? Thưa ngài, đôi khi tôi cũng như ngài, cho rằng có một thần lực vô hình can thiệp vào thế giới người sống. Mao Trạch Đông, phải chăng là hậu kiếp của Tần Thủy Hoàng? Lenin, Stalin,... đều là những hiện thân của ai đó, sống dậy với mục đích báo oán?! Ôi chao, nói đến Stalin mới đáng sợ chứ?! Ông ta từng cai trị Liên Bang Xô Viết trong ba mươi năm (1922-1953), bằng một chế độ độc tài sát máu. Ông nắm chức vụ Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô, lãnh tụ Đệ Tam Quốc Tế sau khi Lenin mất năm 1924,... Năm 1937, ra lệnh thanh trừng, bắn bỏ 70 ngàn sĩ quan cao và



trung cấp, bỏ tù lưu đày hơn 20 ngàn, lệnh này vẫn còn được lưu giữ trong ngân khố Nga. Năm 1940, ông ra lệnh xử bắn hơn 20 ngàn sĩ quan Ba Lan trong rừng Katyn, gần Smolensk. Cái chết của ông, sau năm ngày hấp hối, nôn mửa ra máu, xuất huyết não,... người đời chưa cho là ông đã đền tội. Ông “sa hoàng đỏ” ấy, đáng bị trừng phạt hơn thế nhiều. Thưa tiến sĩ, tại sao người lại có thể giết người ghê gớm đến như thế? Phải chăng, những linh hồn chết oan nghiệp đã trụ vào thể xác ông ta, xui khiến ông ta hành động trả thù như vậy? Nếu thật như vậy, thử hỏi có thể hóa giải được không? Hóa giải cách nào, và bắt đầu từ đâu? Chẳng lẽ vô phương?”

Tiến sĩ Kissinger nở một nụ cười bí hiểm, rồi thong thả nói: “Thưa tổng thống, chiến lược toàn cầu của ngài không bao giờ là phương hóa giải oan nghiệp, hóa giải hận thù. Hãy thành thực nhìn lại chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ đối với các quốc gia đồng minh, xem có phải đó là một sự lừa bịp trắng trợn hay không? Chúng ta đã dùng những từ ngữ hết sức hoa mỹ, gọi cảm, nhưng lờ mờ khó hiểu hậu che đậy ý đồ thâm hiểm của chúng ta. Tôi có thể dùng biểu tượng một đóa hoa hồng. Chúng ta đã trao cho đồng minh của chúng ta một đóa hồng đầy gai nhọn. Thật đáng xấu hổ.”

Nixon nhìn ông bộ trưởng: “Ông cũng biết xấu hổ về điều đó ư? Vậy thì, tiến sĩ nên từ chức ngoại trưởng, tìm một ngôi chùa nào trên núi mà tu? Thưa ngài, tôi cũng không biết học thuyết của tôi có giải quyết được gì không, sẽ đưa Hoa Kỳ và thế giới về đâu? Tôi không tiên liệu được. Chúng ta vẫn phải tiếp tục nói dối, ngay cả với đồng minh của chúng ta. Biết đâu, chúng ta chẳng trao cho họ một bông hoa xương rồng, còn nhiều gai nhọn hơn?”

Nixon nghiêng vai về phía tiến sĩ nói nhỏ xuống: “Này, ngài bộ trưởng, tôi muốn hỏi ngài câu này. Sau khi Hoa Kỳ rút chân ra khỏi Đông Dương, thì thế nào giới truyền thông báo chí, cũng có người muốn hỏi chúng ta rằng như vậy vấn đề Đông Dương đã xong chưa? Ngài sẽ trả lời thế nào?”

Kissinger cười, rồi trả lời: “Thưa tổng thống, giả thiết tòa Bạch Ốc mở một cuộc họp báo ở Vườn Hồng, nếu

có ký giả nào hỏi câu ấy, ngài hãy nhường cho tôi trả lời. Thưa ngài, tôi sẽ vỗ mấy cái vào cái cặp da truyền thống cũ kỹ của tôi, gần như một vật bất ly thân, cái cặp da luôn đầy cộm, nhưng chẳng hề đựng một văn kiện chính trị nào, nó thường đựng một vài tờ tạp chí, cuốn tiểu thuyết, cuốn sách nào đó mới xuất bản, để tôi đọc trong lúc chờ đợi... Như khi tôi chờ đợi máy bay cất cánh, chờ đợi hội kiến, chờ đợi một cái gì đó,... Vâng, thưa ngài, tôi sẽ trả lời rằng, thưa quý vị, mặc dầu bây giờ các lực lượng Đỏ đang làm chủ Đông Dương, nhưng vấn đề ấy vẫn chưa xong, nó vẫn còn nằm trong cặp da này!!! Như thế là đủ, thưa tổng Thống”.

Đến lượt Tổng thống nở nụ cười: “ Thế giới không bao giờ hiểu được Hoa Kỳ đang làm gì, sẽ làm gì, mà chỉ khi nào xong rồi, người đời mới có thể hiểu được. Có những sự kiện lịch sử, một trăm năm sau, chúng ta mới bạch hóa. Mặc kệ thế giới bình luận, thậm chí nguyên rủa! Hoa kỳ sẽ trở lại Đông Dương khi Hoa Kỳ muốn! Tôi đã theo cách của Gia Cát Khổng Minh, vạch thế tam phân ngay từ khi còn ở “lều tranh”. Ông ta đã trình bày cho Lưu Bị trước khi rời khỏi núi Nam Dương. Lưu Bị không thể làm được, nếu như không có Khổng Minh. Tôi cũng không thể làm được nếu như không có ngài. Ngài cứ nói dối...”

“Tổng thống cũng biểu đồng tình với tôi? Tổng thống ạ, đôi khi mình dối người, dối cả bản thân mình! Có lúc, tôi đã nghĩ đến người vợ cũ, nàng Ann Fleischer, hai đứa con đã có với nàng. Chúng tôi đã chung sống trong mười lăm năm, từ 1949 đến 1964. Rồi đổ vỡ, tôi tự hỏi lỗi tại ai? Tại tôi hay tại nàng? Hay tại thời đại này? Tôi đã đánh mất hạnh phúc của đời tôi, nếu như tôi khôn ngoan hơn một chút. Cũng như Mao, ông ta mơ ước được sống giản dị ở một thôn xóm hẻo lánh, nằm dưới chân cầu Đại Độ chẳng hạn. Dòng sông lạnh buốt ấy, thôn xóm đìu hiu ấy, một mái lá đơn sơ, có thể là hạnh phúc của một đời người. Nhưng dòng đời đẩy đưa,... Cũng vậy, tôi chỉ thích sống ở một thành phố nhỏ, có Ann Fleischer bên cạnh, nhưng không sao thực hiện được, khó như lên Trời vậy! Giờ đây, tôi sống thì sống thôi. Như chơi voi giữa dòng,... Tôi đã lao vào dòng đời, tôi đã làm con rắn cắn vó ngựa,

để cho kẻ cười ngã quị, mình lên cười ngựa. Rồi có con rắn khác cắn vó ngựa mình đang cười, mình quị ngã. Phải chăng đó là luật “mắt trả mắt, răng trả răng” (a fracture for a fracture, an eye for an eye, a tooth for a tooth) ? Hay “nhân quả trùng phùng”? Như Stalin giết người, ắt có người khác giết lại (Anyone who takes another person's life must be put to death) ? Khi Stalin đột quị, trùm mật vụ Beria ra lệnh chờ đợi, tới ba mươi tiếng đồng hồ sau mới được chữa trị. Không cách chi cứu được nữa!!! Tôi cũng có đôi khi, cảm nhận như Tổng Thống nói, có một thần lực vô hình chi phối . Phải chăng là oán thù từ thuở xa xưa báo ứng?”

Ngoại trưởng Henry Kissinger ngừng nói. Ông im lặng nhìn dãy hành lang dài mà có cảm tưởng như một con đường sâu hun hút. “Tôi đã trót ngồi trên lưng ngựa rồi, thưa tổng thống.”

Tổng thống Nixon cười nhỏ: “Đã đem thân vào đời, nhất là đem thân vào chính trường, thì hiểm họa “rắn cắn vó ngựa” càng dễ dàng xảy ra, càng khó tránh. Bản thân mình cũng khó không chơi trò “cắt vó ngựa dong ruổi đường dài”. Ấu là bản chất của cuộc chơi? Có đúng không? Hình như là không đúng, thưa ngài ngoại trưởng. Chúng ta phải làm lại! Cả loài người phải làm lại! Chính trị không phải là mưu mô xảo trá, không phải là bịp bợm, không phải là lợi dụng; mà chính trị phải là một cái gì đường đường chính chính, có đạo đức, có luân lý, có nhân nghĩa... Cho nên, tôi soạn thảo chiến lược toàn cầu hầu đưa nhân loại đến một trật tự mới. Nhưng thật ra, chỉ là đưa nhân loại về thuở xa xưa,... Thuở ấy, con người đối xử với nhau có tình có nghĩa, có tín, có trung,... Tôi nghe nói Trung Hoa thuở ấy, thuở Vua Nghiêu, vua Thuấn, nhà nhà không đóng cửa, vật rơi ngoài đường không ai nhặt. Ông Nghiêu, ông Thuấn cũng ra đồng đi cày ruộng như mọi người dân. Vua quan không bóc lột dân. Vua quan chỉ đứng ra làm công việc điều hành đất nước. Đây mới thực sự là “Chính trị”. Bây giờ, mọi sự đã đảo lộn lên hết cả rồi!!!”

Tổng thống Nixon làm một cử chỉ phác tay trong không khí, như một cách bày tỏ sự bất lực. Rồi tổng thống

đứng dậy: “Thôi, khuya rồi. Chúng ta về phòng nghỉ ngơi. Chúc ngài ngủ ngon”. Kissinger bắt tay ông, rồi quay bước, trước khi nói: “Chúc tổng thống ngủ ngon”. Nixon đứng yên nhìn theo cái vóc dáng khòm khòm của vị ngoại trưởng trên hành lang. Hình như ông ta đã có dấu hiệu mệt mỏi, già nua? Kissinger là người thuộc chi phái mà Gia Cóp tiên tri là đũa như “rắn cắn vó ngựa” thật sao? Mao Trạch Đông đã nói cho ông nghe về triều đại vua Nghiêu, vua Thuấn. Trung Hoa đã có những triều đại như thế, thật sao? Thông cáo Thượng Hải đã đưa ra rằng trong bảy ngày họp thượng đỉnh Trung- Mỹ, chúng tôi sẽ làm “thay đổi thế giới”. Ông cầm cuốn Kinh Thánh lên, cạy nó vào vách, rồi chậm bước trên hành lang. Có lẽ nào chính trường lại là một đấu trường giữa rắn và ngựa?. Mình đã trót cười trên lưng ngựa rồi, thôi thì cũng đành...!

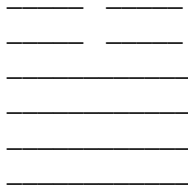
Hội nghị thượng đỉnh Trung- Mỹ đã thật sự kết thúc, và chỉ có một thông cáo ngắn gọn như thế.

(trích truyện dài Kim Tự Tháp)

## HOÀNG NGỌC HIỂN

### ĐỘC CHIÊU: " LỘNG GIẢ THÀNH CHÂN "

Trong kinh dịch, một trong vài quẻ làm tôi phải bận tâm suy nghĩ nhiều: quẻ LÔI THIÊN ĐỊA TRÁNG



Đó là quẻ số 34. Sấm động ở trên trời, vang đi rất xa, tượng sự lớn mạnh, nên cổ nhân gọi là đại tráng. Nhưng nhìn vào quẻ, tôi thấy hai hào âm lại ở trên bốn hào dương. Âm tượng tiểu nhân. Dương tượng cho quân tử. Nay hai hào âm để lên bốn tượng hào dương ở dưới, quân tử thịnh ở chỗ nào. mà gọi đại tráng được chớ? Thật là lạ lắm! Thế rồi đọc đại trượng, cổ nhân có lời răn quân tử: " Quân tử dĩ phi lễ phát lý "( tạm dịch: quân tử không phải lễ không làm ).

Điều đó có nghĩa quân tử không được làm điều gì không phù hợp với lễ công chính của đạo lý, không được làm điều gì trái với lương tâm mình, trái với những điểm căn bản của đạo đức như nhân nghĩa lễ trí tín...và cũng không được giẫm chân lên luật pháp ở đời. Còn kẻ tiểu nhân ngược lại, nó sẵn sàng ra tay tàn độc! Trong quẻ Đại Tráng, có hai kẻ tiểu nhân đang ở vị trí hào ngũ và thượng, kẻ tiểu nhân ở thời đại tráng hay người quân tử ở thời đại tráng đây? Tôi không thắc mắc và cố công tìm hiểu sao được? Nhưng nếu thấy bốn hào dương dương tiến trong quẻ, tựa như một bầy dê mạnh tiến, tựa như một cỗ xe với bốn bánh xe mạnh...rõ ràng quân tử đang ở thời đại tráng.

Vậy có thể có điều gì nghịch lý chẳng? Phải giải thích thế nào về cái nghịch lý ấy?

Thú thật, trong nhiều năm tôi đã suy nghĩ về quẻ Đại Tráng này mà chưa hề bằng lòng với cái giải thích của mình đưa ra. Thế rồi, trong thời gian gần đây, tôi có dịp đọc lại Tây Du Ký của Ngô Thừa Ân, tôi bỗng tìm ra cách giải thích nghịch lý trên. Đọc lại hai hồi thứ năm mươi bảy và năm mươi tám, tôi thấy cả kẻ tiểu nhân vá quân tử đều ở thời Đại Tráng. Hai kẻ này đều phát huy tài năng đến chỗ kiệt xuất. Cái kiệt xuất của kẻ tiểu nhân là sử dụng được chiêu thức rất độc hiểm " mượn giả thành chân " để ra tay hại người và thực hiện ý đồ của mình. Và cái kiệt xuất của người quân tử là sử dụng cái chí nhu để hóa cái chí cương theo một lời nói của Lão Tử: " Lấy đạo chí nhu trong thiên hạ mà lừa đẩy được những thứ chí cương ở trong thiên hạ. "

Tây Du Ký có thể cho tôi thấy rõ điều này. Con khỉ sói sáu tai đã sử dụng độc chiêu: " mượn giả thành chân " .

### LỢI DỤNG THỜI THỂ ĐÚNG LÚC ĐỀ THI HÀNH ĐỘC KẾ:

Chẳng là vào lúc Tôn Ngộ Không bị Đường Tăng xua đuổi vì cái tính hung ác, giết người của Ngộ Không:

" Sư phụ, tại sao người lại xua đuổi con đi?

Tạm Tạng nói:

" Cái tuồng khi khôn khiếp nhà mi hung ác quá chừng, không phải là người đi lấy kinh. Hôm qua đã đánh chết hai tên cướp dưới sườn núi, ta đã trách mi là bất nhân. Khi ban chiều đến nhà ông trưởng giả, được người ta cho ăn ngủ, lại được người ta mở cửa sau thả cho chúng mình trốn đi thoát hết. Tuy con trai người ta chẳng lành, không can gì đến ta, cũng không được bêu đầu người ta. Huống chi lại đánh chết nhiều người, hủy hoại bao nhiêu sinh mạng, thương tổn bao nhiêu hòa khí đất trời. Mấy mươi lần khuyên ngăn mi không có một chút thiện niệm nào, cần mi làm chi nữa? Xéo ngay, chớ để ta đọc phải chân ngôn".

Hành giả sợ hãi chỉ câu:

"Đừng đọc! Đừng đọc! Con đi đây !"

Đoạn lộn lên mây đi thẳng, mắt tích mắt tằm không thấy đầu nữa. ( Tây Du Ký cuốn 2- Ngô Thừa Ân- Bản dịch của Thụy Đình- NXB.TP.HCM- trang 133)

Tôn Ngộ Không đi đâu? Nghĩ gì?

Hòa thượng rầu rĩ đi trên không, định trở về động Thủy Liêm núi Hoa Quả, lại e tiêu yêu trong động chê cười, rằng luân quần mèo lại hoàn mèo, không phải chí khí đại trượng phu, muốn đi lên thiên cung, lại sợ trên thiên cung không cho ở lâu; muốn đi ra ngoài hải đảo, nhưng thấy ngưng với chư tiên nơi ba đảo; muốn xuống dưới Long Cung, lại không muốn luồn lụy cầu cạnh Long Vương. Thực là không còn đầu nương tựa nữa. Hành Giả khổ cực trong lòng, lo lắng nói:

" Thôi! Thôi! Thôi! ta lại trở về với sư phụ mới là chính quả." ( Sđd, trang 134 )

Nỗi lòng Tôn Ngộ Không lúc này thật tan nát, khổ cực. Ai đã từng ở trong hoàn cảnh không biết đi đâu, không biết về đâu, không biết làm gì để sống, để nuôi thân, nuôi gia đình, đang đứng bơ vơ giữa đường, như hoàn cảnh của nhiều người chúng tôi, của quân cán chính chế độ Việt Nam Cộng Hòa sau ngày thất trận 30 tháng 4 năm 1975, bị đuổi ra khỏi nhiệm sở, không ai dám mượn mình làm việc sự liên lụy, chúng tôi không biết phải đi đâu, về đâu?! Mình bỗng nhiên trở thành những kẻ tội đồ trên quê hương mình, bị xua đuổi, bị khinh rẻ. Tương tự như Tôn Ngộ Không đang bị xua đuổi kia! Ngộ Không suy tính, con đường trở về với sư phụ, đúng thật là chính quả. Nhưng Đường Tăng nhất định không tha thứ, không chấp nhận. Ngộ Không không còn cách nào khác, đành lên núi Phổ Đà kêu với Quan Âm Bồ Tát. Gặp Bồ Tát, Ngộ Không trình bày tự sự. Bồ Tát xét theo công luận cho là Ngộ Không bất nhân, bất thiện; và lưu giữ Ngộ Không ở đó, để xem việc lành dữ thế nào.

Lợi dụng thời điểm Ngô Không không có mặt bên cạnh Đường Tăng, yêu quái đã ra tay hành động. Quả thật, yêu quái biết chọn thời điểm đúng lúc.

## YÊU QUÁI BIẾN RA NGÔ KHÔNG GIẢ GIẾT ĐƯỜNG TĂNG

(Sách đã dẫn, trang 139).

" Sư Phụ ngồi một mình, nhịn đói nhịn khát, rất đói khổ cực, đương vào lúc đau khổ chợt nghe thấy một tiếng kêu vang. Sư Phụ sợ sệt nghiêng mình ngoảnh lại, té ra là Tôn Hành Giả quỳ ở bên đường, hai tay bưng hai chén sành nói:

- Sư Phụ không có lão tôn, đến hớp nước thầy cũng không có mà uống. Một chén nước mát mẻ đây, thầy hãy uống một hớp cho đỡ khát, để con đi xin cơm.

Sư trưởng nói:

- Ta không uống nước của mi, dù có chết khát, cũng đành phó cho mệnh trời, ta không cần mi, mi xéo đi!

Hành Giả nói:

- Không có con, người không sang Tây Thiên được.

Tam Tạng nói:

- Sang được hay không, chẳng can chi đến mi! Con khi khốn kiếp, cứ đến quấy rối ta mãi thế hử!

Hành Giả liền trở mặt, đăm chiêu, phát tức, quát mắng lại sư trưởng:

- Cái tuồng trọc đầu khốn kiếp độc ác nhà ngươi đã mười phần khích ta!

Liền quẳng chén sành đi, giơ gậy sắt lên, nhằm lưng sư phụ xiết mạnh một cái. Đường Tăng ngất người ngã lăn ra đất, không nói được nữa, hai cái bao phục bằng nỉ xanh, bị y thò tay xách lấy, lộn lên trên mây đi đường nào mất.

Ngô Không giả mới "trở mặt" như thế được! Và mới "quát mắng" lại sư phụ được thế! Chớ Ngô Không thật chẳng dám thế đâu! Yên chí Đường Tăng đã chết, Ngô Không giả bèn lấy đi hai cái bao nỉ xanh, rồi thẳng đường đến núi Hoa Quả, động Thủy Liêm tiếp tục thi hành kế hoạch biến hóa ra Đường Tăng giả, cũng có Ngựa Bạch, Bát Giới, Sa Tăng



giả quỷ hành lý đi lấy kinh !!!

Nhưng may quá, Đường Tăng không chết! Bát Giới và Sa Tăng đi xin cơm về đến bên đường, đã thấy Tam Tạng úp mặt xuống đất, nằm trên rác bụi, ngửa bạch số cương, nhẩy nhót kêu thét bên đường, gánh hành lý không thấy tăm tích, chú ngọc mới tới gần, đỡ sư trưởng dậy: người tỉnh dần ra, rên rì hỏi lâu mới quát mắng:

- Con khi khốn kiếp đánh chết ta!

Sa Tăng, Bát Giới hỏi:

- Con khi nào cơ?

Sư Trưởng không nói, chỉ ngòì than thở. Sau đó đòi nước uống mấy hớp, mới nói:

- Đồ đệ, Ngộ Không lại đến làng nhàng, ta dứt khoát không nhận, nó mới đánh ta một gậy, bao mục nỉ xanh bị nó cướp mất.

Bát Giới nghe lời, nghiêng răng ken két, phát cơn điên lên nói:

- Con khi khốn kiếp quá quắt, dám vô lễ đến thế!

( Sđd, trang 141, 142)

Thế là Đường Tăng, Bát Giới, Sa Tăng trúng kế " mượn giả thành chân " của yêu quái rồi! Thật là kế hiểm độc! Nhưng cũng phải nói rằng yêu quái phải có tài biến hóa, có khả năng không kém gì Ngộ Không mới có thể dùng kế này được. Bởi giả phải y như thật, không được phép sơ hở kế mượn giả mới có hy vọng thành công.

### 3/ KẾ HOẠCH CỦA YÊU QUÁI HAY LÀ CỦA NGỘ KHÔNG GIẢ HIỆN NGUYÊN HÌNH DƯỚI MẮT SA TĂNG

Đường tăng chấp thuận cho Sa Tăng đi đòi hành lý, lại cẩn thận dặn rằng nếu không đòi được, chớ có tranh cạnh, mà hãy đến nói Bồ Tát ở Nam Hải, đem việc ấy ra tố cáo, cầu Bồ Tát đến đòi lại. Sa Tăng lên đường.

" Sa Tăng tay quyết, cưỡi lên mây đến Đông Thắng Thần Châu. Sa Tăng ở trên không trung, đi luôn ba ngày đêm mới đến Đông Dương Đại Hải, chợt nghe tiếng sóng vỗ,

cúi đầu nhìn xuống, chính thức là mây tối rợp trời âm khí thịnh, bề xanh chấn nằng ánh mai mờ. Y cũng chẳng lòng nào ngắm cảnh, nhằm núi Tiên, qua đảo Bồng Doanh, ngoảnh về hướng đông, thẳng đến địa giới núi Hoa Quả. Cười gió bẻ, làn nước triều một lúc nữa, đã trông thấy núi cao chót vót, vách thẳng chênh vênh, đến thẳng đầu non, hạ mây theo đường xuống núi, tìm động Thủy Liêm. Đi tới gần, nghe thấy ở trong núi có tiếng reo hò ầm ầm của vô số khí. Sa Tăng lại đến gần nhìn xem, té ra là Tôn Hành Giả ngất ngưỡng ngồi trên thạch đài, hai tay giang một tờ giấy, miệng sang sảng đọc to.

Đọc hết một lượt, lại đọc lại lượt nữa. Sa tăng nghe biết là thông quan văn điệp, ném không được, tới gần lên tiếng gọi to:

- Sư huynh, anh đọc văn bản của sư phụ làm gì thế?

Hành Giả kia nghe nói, vội ngẩng đầu lên, không nhận được Sa Tăng bèn kêu:

- Bắt lấy! Bắt lấy!

Đàn khí ùa lên vây chặt, bắt Sa Tăng lồi lồi kéo kéo đưa tời trước mặt, y quát to:

- Mi là người nào, dám thiện tiện đến gần thiên động ta?

Sa Tăng thấy y trở mặt không chịu làm quen, đành phải châu lên làm lễ nói:

- Thưa trên có sư huynh, trước đây sư phụ quả có nóng tính, quở nhảm sư huynh, đọc chú mắt mấy lần, đuổi sư huynh về ở nhà. Một là chúng em chưa hề khuyên giải, hai là vì sư phụ đói khát phải đi tìm nước xin cơm. Sư huynh có lòng tốt trở lại, lại trách sư phụ giữ phép không cho ở, anh đã đánh ngã sư phụ chết ngất lăn ra đất, cướp lấy hành lý mang đi. Chúng tôi đã cứu sống sư phụ giờ đến đây cầu anh, nếu không giận sư phụ, còn nghĩ đến cái ơn ngày trước, sẽ cùng về với tiểu đệ mang hành lý về với sư phụ, cùng sang Tây Thiên làm tròn chính quả này, nếu oán hận còn sâu, không ưng trở về, muôn vạn trả lại bao phục cho em, anh ở lại núi sâu, vui cảnh bóng dâu, thực cũng là hai bên vẹn cả,

Hành Giả nghe lời, khanh khách cười nhạt nói:

- Hiền đệ, bài luận đó rất không hợp ý ta! Ta đánh Đường Tăng, cướp hành lý, không phải ta không sang Tây

phương, cũng không vì ta thích ở chỗ này. Giờ đây ta học thuộc điệp văn ấy, tự mình sang Tây Thiên bái Phật cầu kinh, đưa về Đông Thổ, một mình ta thành công, để cho ở Nam Thiên Bộ Châu lập ta làm tổ, lưu danh muôn đời.

Sa Tăng cười nói:

- Câu nói của Sư Huynh không đúng. Từ trước chưa một người nào nói: "Tôn Hành Giả lấy kinh". Đức Phật Như Lai dựng lên pho Tam Tạng Chân Kinh, trước kia để Quan Âm Bồ Tát sang Đông Thổ tìm người lấy kinh, cho chúng tôi trải khắp nghìn non, tìm hỏi các nước, bảo hộ người đi lấy kinh. Bồ tát đã từng nói người lấy kinh là môn sinh của Như Lai, hiệu là Kim Thuyền Trưởng Lão. Chỉ vì người không nghe Phật Tổ giảng kinh, truất ra khỏi Linh Sơn, chuyển về Đông Thổ, để người tu chính quả phương tây, sửa lại đạo lớn, phải chịu biết bao ma chướng ở dọc đường, giải thoát cho ba chúng ta để đi hộ vệ người. Anh mà không đi cùng với Đường Tăng, Phật Tổ bao giờ lại truyền kinh cho anh, chẳng hóa ra lại uổng cả sự suy tính ư?

Hàng Giả kia nói:

- Hiền đệ, hóa ra chú vẫn tối tăm, chỉ biết một đường mà không biết hai đường. Kể như chú nói là chú có Đường Tăng để cùng với tôi bảo hộ, dễ thường tôi không có Đường Tăng sao? Đây, tôi đã kén một vị chân tăng có đạo tại vùng này tự đi lấy kinh, một mình lão Tôn đi phù trì, có gì là không được! Tôi đã chọn được ngay, đến mai tất cả cùng lên đường. Chú không tin, để tôi mời Đường Tăng ra cho chú xem. Liên nói:

- Chúng con đâu, mời ngay lão sư phụ ra đây!

Đàn yêu chạy vào trong, dắt ra một con ngựa bạch, mời ra một vị Đường Tam Tạng, một Bát Giới theo sau, một Sa Tăng quảy hành lý, cầm cây tích trượng.

Sa tăng trông thấy tức giận nói:

- Lão Sa đây, đi không tên thay, ngồi không đổi họ, lẽ đâu lại có một Sa hòa thượng nữa! Không được vô lễ, hay coi trượng của ta. Sa Tăng hai tay giơ trượng hàng yêu nhằm chính đầu Ngô Không giả, đánh xuống một nhát, nguyên là một con tinh khi.

Hành Giả kia phát cáu, múa gậy bịt vàng đem đàn khi vây

Sa Tăng lại. Sa Tăng đông xung tây đột, đánh ra ngoài đường, cuời lên mây trốn thoát nói:

- Con khi khốn kiếp quý quyết, ta đi cáo với Bồ Tát đây!"

( Sdd trang 144, 147)

Thế là sa Tăng đã đánh chết một con khi, trông thấy Đường Tam Tạng giả, Bát Giới giả, ngựa bạch giả, và cả Sa Tăng giả; tuy nhiên chưa biết Hành Giả đó là Tôn Ngộ Không giả. Sa Tăng thẳng đến Nam Hải, được Mộc Xoa đón đưa vào gặp Bồ Tát.

"Sa Tăng sụp người xuống lạy. Lạy xong, ngẩng đầu vừa sắp tổ cáo việc trước, chợt nhìn thấy Hành Giả đứng ở bên cạnh, không còn kịp nói nữa, liền giơ trượng hàng yêu nhằm thẳng mặt Hành Giả đánh tới. Hành Giả cũng không đánh lại, chỉ né mình tránh.

Sa Tăng miệng thì quát mắng âm ỉ:

- Ta cho mi là cái giống khi khốn kiếp phạm tội ác lại còn đến đây ám ảnh Bồ Tát.

Bồ Tát quát nói:

- Ngộ Tĩnh, không được quá tay, có việc gì hãy nói với ta trước.

Sa Tăng liền thu bảo trượng lại, lạy hai lạy ở dưới đất, tức hậm hực nói với Bồ Tát."

( Sdd, trang 147, 148 )

Sau đó Sa Tăng thuật lại sự việc ở động Thủy Liêm như trên. Nghe xong, Bồ Tát nói:

" Ngộ Tĩnh, đừng có đổ oan cho người. Ngộ Không đến đây đã được bốn ngày. ta vẫn chưa từng thả cho y về, làm gì có chuyện y mời đường tăng khác, tự mình đi lấy kinh được."

( Sdd, trang 148)

Sa Tăng cho biết, hiện có một Tôn Hành Giả ở động Thủy Liêm. Bồ Tát liền cho Ngộ Không cùng đi với Sa Tăng đến động Thủy Liêm để tìm hiểu hư thực thế nào. Cuối cùng, quả nhiên Ngộ Không thấy có một Tôn Ngộ Không giả ở đây.

" Hai người ở trên mây bước xuống, xem xét bên ngoài động quả có một Hành Giả, ngồi ở trên thạch đài cao cùng với bảy khi uống rượu làm vui, hình dạng chẳng khác gì

Đại Thánh, cũng tóc vàng thắt vành vành, mắt vàng con người lửa, trên mình cũng mặc áo vải bông dài, dưới mặc quần da hổ, trong tay cũng cầm một cây gậy sắt bịt vàng, dưới chân cũng giậm đôi giày da hươu. Cũng mặt lông, mồm lồi công thể vậy, nét mặt khác sao thô, tai bẹp. trán rộng, răng nhọn chìa ra ngoài. Đại Thánh phát câu...." ( Sdd, trang 150)

Thật là yêu quái tuyệt vời! Nó đang tiến hành kế " lộng giả thành chân" thật tài tình! Phải có bản lĩnh, tài ba, mưu lược,thủ đoạn, mới có thể thực hiện được kế này vậy!

#### 4/ TÔN NGỘ KHÔNG GIẢ BỊ TÔN NGỘ KHÔNG THẬT ĐÁNH CHẾT

Thế là hai Tôn Ngộ Không đánh nhau!  
Vừa đi vừa đánh, thẳng tới Nam Hải, đến núi Lạc Già...làm kinh động Bồ Tát, Mộc Xoa Hành Giả, Thiện Tài Đồng Tử và Long Nữ đều ra xem hai Tôn Ngộ Không đánh nhau, cũng không phân biệt được, bèn ra lệnh đưa lên Thượng giới nhờ phân biệt. Ngọc Hoàng cũng không phân biệt được, bèn đuổi ra khỏi điện. Hai người đến chỗ Đường Tăng, sư phụ cũng không nhận ra được thực giả. Hai Tôn Ngộ Không đến chỗ Diêm La, ở đó cũng không tìm ra giả thực. Sau tới núi Linh Thú của Phật Tổ Như Lai. Tới đây, Như Lai mới biết Ngộ Không giả là khi sói sáu tai. Con di hầu này toan chạy, nhưng Như Lai cầm bát tộ vàng tung lên trên... Con di hầu biến thành con ong mật và bị bát tộ vàng chụp úp. Khi Như Lai mở bát tộ ra, nó hiện nguyên hình bản tướng là một con khi sáu tai. Tôn Đại Thánh không nhìn được, giơ gậy sắt lên, đánh vào đầu nó một cái chết quay.

Kế " Lộng giả thành chân" của yêu quái hoàn toàn thất bại!Nhưng con khi sáu tai đó đã to gan lớn mật, tham vọng quá lớn, đã dám giở thủ đoạn này làm cho thầy trò Đường Tăng bị một phen thất điên bát đảo. Một sơ hở lớn của thầy trò Đường Tăng đó là mối bất hòa giữa Đường Tăng và Ngộ Không mà yêu quái đã lợi dụng được đúng lúc, nhảy

vào thi hành kế của nó. Kế này kế độc, nếu lúc ban đầu nó ra tay mạnh hơn ắt đã gây thương vong cho Đường Tăng rồi!!! Tuy xui xẻo, nhưng cũng còn may mắn giữ được cái mạng để tiếp tục cuộc hành trình về phương tây,

Tôn Ngộ Không trước kia cũng đã sử dụng độc chiêu này để đánh bại Hắc Hùng Tinh ở núi Hắc Long, động Hắc Phong ( hồi thứ 17). Khi Ngộ Không đi cùng Bồ Tát đến núi Hắc Phong bắt yêu quái ở đó, hầu lấy lại áo cà sa cho Đường Tăng, trên đường đi, Ngộ Không chợt thấy một gã đạo nhân từ trong sườn núi đi ra, tay bung một cái khay bằng pha lê, trong khay để hai viên tiên đơn...Lập tức, Ngộ Không giở luôn gậy sắt ra, nhắm đúng đầu giáng cho một phát chết ngay. Bồ Tát mới lên tiếng trách Ngộ Không hung hãn, Hành Giả xách đạo nhân lên xem thì ra một con chó sói màu gio! Cảnh đó có một cái khay dưới đáy khắc chữ: " Lãng Hư Tử Chế". Ngộ Không bèn hiến ngay kế " Lộng giả thành chân" lên Bồ tát để hạ Hắc Đại vương.

"- Khay ấy đã khắc " Lãng Hư Tử Chế" thì chắc rằng đạo nhân gọi là Lãng Tư Hử, Bạch Bồ tát, nếu người y lời đệ tử, xin người biến ra đạo nhân, đệ tử thì nuốt đi một viên đơn, biến ra một viên to hơn một chút. Bồ Tát sẽ bung khay đựng hai viên đơn đến mừng thọc con yêu ấy. ta nhường viên to cho nó, đợi khi nó bỏ vào miệng nuốt, Lão Tôn sẽ ở bên trong làm việc, nếu nó không chịu trả lại cà sa, Lão Tôn sẽ đem gan ruột nó cuộn vào nhau lôi ra. Bồ tát không có mẹo gì khác, phải gặt đầu y lời " ( Tây Du Ký, cuốn 1, trang 325 )

Đó là kế Bồ Tát giả làm con yêu quái đạo nhân Lãng Hư Tử để lừa Hắc Đại Vương. Đó là kế " mượn giả thành chân ". Mưu kế này của Ngộ Không và người thi hành kế là Quan Âm Bồ Tát. Bởi thế cho nên khi Bồ tát biến hóa thành Lãng Hư tử, Ngộ Không đã nhìn nói: "Đẹp quá! Đẹp quá! Thế là Bồ Tát là yêu tinh hay yêu tinh là Bồ Tát?" ( Sách dẫn trên, trang 325). Kế " Lộng giả thành chân" biến hóa khôn lường. Người hoặc thánh nhân biến hình thành yêu tinh để thi hành kế " lộng giả thành chân". Yêu tinh cũng biến hình thành người, thành thánh nhân để thi hành

kể ấy.

Trở lại quẻ Lôi Thiên Đại Tráng, tôi mới thấy rõ rằng tiểu nhân hay quân tử, người nào kẻ nào cũng có thể có được thời đại tráng của mình. Ai thiện? Ai ác? Bồ tát kia cũng còn dùng kể "lộng giả thành chân" để hại Hắc Đại vương, buộc nó phải hiện nguyên hình con gấu đen, đem nó về giữ núi Lạc Giả. Con khi sáu tai biến hóa thành Ngộ Không, có gì đáng trách? Có lẽ còn phải khen nó có tài cao mới tung được độc chiêu "lộng giả thành chân"!!! Về quẻ Đại Tráng, cụ Phan Bội Châu viết:

" Cổ nhân có câu: đắc ý thường ty thất ý thì. Nghĩa là: hoi đã đắc ý, càng nên phải nghĩ đến khi thất ý. Tòng lai, tiểu nhân sở dĩ hãm hại quân tử, thường rình ngó ở lúc quân tử đắc ý, mà vạch lá tìm sâu, ngậm cát phun vào mặt, nên quân tử càng phải khùng tu tỉnh lẫm" ( Chu Dịch, Phan Bội Châu, NXB Xuân Thu, cuốn 2, trang 626 ).

Quẻ Đại Tráng trong Kinh Dịch và kể "Lộng Giả Thành Chân" trong Tây Du Ký xem ra là những bài học quý báu vô cùng, nhất là cho người quân tử cẩn trọng để tránh thất bại, phong ngừa gian trá.

(trong *"Cuộc Hành Trình Thỉnh Kinh - Đọc Tây Du Ký"*, tác giả xuất bản 2014)